

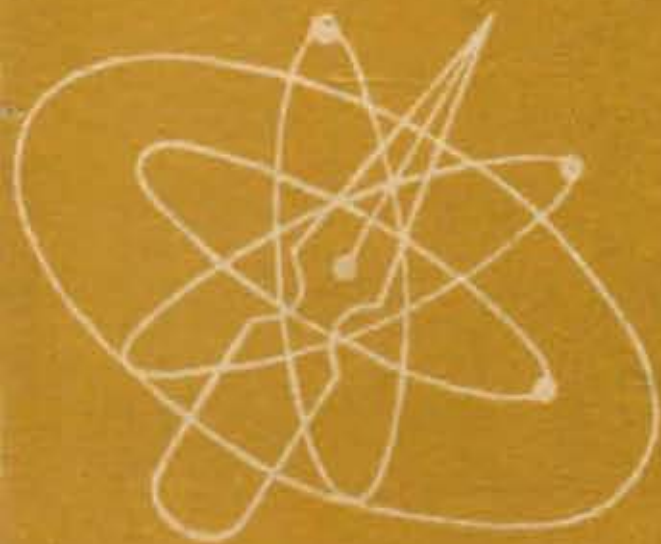
NĂM THỨ 7 — NGÀY 15-9-1963

BACH KHOA

trong số này

KIM-ANH vài nhận xét về chính sách ngoại giao của De Gaulle • NGUYỄN-VĂN-HẦU Trần-Thới-Hạnh thi sĩ trào phúng miền Nam • NGUYỄN-PHƯƠNG địa vị sử học • TRẦN-VĂN-THẠCH tìm về âm lạnh của dĩ vãng • DOÃN-QUỐC-SỸ đọc « khảo luận về ngữ pháp Việt Nam » • LAI-SINH đàm thoại với Staline • TRẦN-VĂN-KHÊ lá thư Jérusalem • HỮU PHƯƠNG hoang vắng — vượt biên • LUÂN HOÁN người qua sườn đồi • LÊ-TẮT-ĐIỀU quay trong gió lốc • H. T. BÍCH NI dân tình • NGUYỄN-MINH-HOÀNG người bẻ ghi • DẠ THẢO chuyện trò • TRẦN-QUANG-LONG Quy • Nhơn Tuy • Hòa • VĂN-VĨ — PHẠM-THẾ-MỸ trả lời cuộc phỏng vấn về âm nhạc • N. T. HOÀNG nhíp buồn TINH-HUYỀN thu ca • **SINH HOẠT :** NGUYỄN-NGU-1 (thuật) hai nguồn gốc tư tưởng Việt Nam

161



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐÈN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỀ CHẬT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THUI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẬT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẬT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIÈC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THUI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHẠM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LẠNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 73s

BÁCH

KHOA trong số này

Số 61 ngày 15-9-63

KIM-ANH vài nhận xét về chánh sách ngoại giao của De Gaulle	3
NGUYỄN-VĂN-HẦU Trần-Thới-Hạnh thi sĩ trào phúng miền Nam	13
NGUYỄN-PHƯƠNG địa vị sử học	21
TRẦN-KIM-THẠCH tìm về ấm lạnh của dĩ vãng	29
DOÃN-QUỐC-SỸ [đọc « Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam » của Trương-Văn-Chinh và Nguyễn-Hiến-Lê	35
LAI-SINH đàm thoại với Staline	43
TRẦN-VĂN-KHÊ lá thư Jérusalem	55
HỮU-PHƯƠNG hoang, vắng — vượt biển (thơ)	65
LUÂN-HOÁN người qua sườn đồi (thơ)	66
LÊ-TẮT-ĐIỀU quay trong gió lốc (truyện ngắn)	67
H. T. BÍCH-NI dân tình — ảo tượng — tàn phai (thơ)	80
NGUYỄN-MINH-HOÀNG người bẻ ghi (dịch Juan José Arreola)	81
DẠ-THẢO — TRẦN-QUANG-LONG Chuyện trò — Quy-Nhơn Tuy-Hòa (thơ)	88
VĂN-VĨ — PHẠM-THẾ-MỸ trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc	89
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG nhịp buồn — TINH-HUYỀN thu ca (thơ)	100
NGUYỄN-NGU-Í hai nguồn gốc tư tưởng Việt Nam (thuật buổi nói chuyện của ông Nguyễn-Đặng-Thục)	101

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Cuộc cách-mạng Yemen và tình-hình Cận-Đông	VIỆT-ANH
Heidegger và Thi ca	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
Ý nghĩa lịch sử	NGUYỄN-PHƯƠNG
Đào tạo, huấn luyện và bổ nhiệm nhân viên ngoại giao tại các nước	PHẠM-TRỌNG-NHÂN
« Chủ nghĩa xét lại »	ĐỖ-QUÂN
Óc não điện tử	VÔ-QUANG-YẾN
Hai giờ vót hai tác giả « Khảo luận về ngữ-pháp Việt-Nam »	NGUYỄN-NGU-Í
Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-khieu ở Pháp	MỘNG-TRUNG
Về cách trình bày trên làn sóng điện : những tài liệu chính xác về âm nhạc cổ truyền bình dân (dân ca) và bác học (cổ nhạc)	TRẦN-VĂN-KHÊ
Cô đơn (trích dịch truyện « Adrienne Mesenat » của Julien Green)	CÔ-LIÊU
Một ngày của Ivan (truyện dịch của A. Soljenitsyne)	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
Cái quan tài của Trúc-Anh (truyện ngắn)	VŨ-HẠNH
Cái đèn kéo quân (truyện ngắn)	LƯƠNG-THẾ-NAM
Thiếu đất (truyện ngắn)	Y-UYÊN
Ánh sáng trong bóng tối (truyện ngắn)	LÊ-TẮT-ĐIỀU
Gà và Ba tôi (truyện ngắn)	VÕ-HỒNG
Một buổi chiều (truyện ngắn)	NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ

vài nhận-xét về chánh-sách ngoại-giao của De Gaulle

● KIM-ANH

Ngày 29-8-63 ông Alain Peyrefitte, bộ trưởng bộ Thông Tin Pháp đã truyền đi lời tuyên bố của Tổng Thống De Gaulle trong hội đồng chính phủ Pháp về tình hình Việt-Nam. Tướng De Gaulle nhắc đến công cuộc mà nước Pháp ở ba xứ cực Nam kỳ, Trung kỳ, và Bắc kỳ, và những ràng buộc mà nước Pháp đã có với toàn thể nước ta. Ông tỏ ý mong muốn nước Việt-Nam ta sẽ hoàn toàn độc lập thoát khỏi mọi ảnh hưởng của nước ngoài.

Lẽ dĩ nhiên là chỉ có nhân dân Việt-Nam hợp thành một khối, và chỉ có nhân dân Việt-Nam thôi mới có quyền chọn cho mình những phương tiện để hành động trong sự độc lập đối với nước ngoài, trong sự hòa thuận và nhất trí trong nước cũng như trong hòa khí đối với các nước lân bang. Đến chừng đó nước Pháp sẽ có thể cộng tác trong tình thân hữu đối với nước ta.

Lời tuyên bố quan trọng đó của Tướng De Gaulle đã làm chấn động dư luận thế giới. Nhiều nhà bình luận cho đó là một cái tát vào mặt Hoa Kỳ. Và đó cũng có thể là đường lối đối ngoại tương lai của Pháp ở Viễn Đông.

Muốn hiểu rõ chính sách đối ngoại đó, ta phải tìm hiểu nó trên toàn diện vấn đề nhất là ở Á Châu từ năm 1958 là năm De Gaulle lên nắm chính quyền.



Từ bốn năm nay, kể từ ngày De Gaulle trở lại nắm chính-quyền, chính-sách ngoại-giao của Pháp đã làm điên đảo các thù-lãnh Nga và Mỹ không ít.

Nếu đường lối chính-trị của De Gaulle trong địa hạt quốc-nội hết sức lắt léo, bí hiểm đối với phe đối-lập, thì thái độ của ông ta trên chính trường quốc-tế cũng reo hoang mang, ngờ vực, cho các cường-quốc không kém.

Sau mỗi một cuộc họp báo của De Gaulle, ta thường thấy một vài đại-diện các nước Cộng-sản ca tụng Tổng Thống Pháp là « một chính-khách lỗi-lạc », mặc dù ông có chỉ trích Nga-Xô ; trái lại các ký-giả Anh-Mỹ thì hoang mang tự hỏi « De Gaulle muốn gì không biết ». Thật vậy, ta thấy De Gaulle đồng thời lên tiếng đả kích các nhượng bộ mà Hoa-Kỳ đề-nghị với Nga-Xô, khuyến khích Tây-Đức giữ một lập trường cứng rắn song vẫn chủ-trương chia đôi nước Đức ; khẳng nhần mạnh tính cách cần thiết của một lực lượng tân-công nguyên-tử riêng cho Pháp và — điều làm cho các giới Anh-Mỹ ngạc nhiên và khó chịu — dường như muốn chuẩn bị sau này đi đến chỗ thân-thiện với Nga-Xô.

Nhiều người bối rối tự hỏi không biết De Gaulle đánh một thẻ cờ gì. Nếu nhận xét kỹ-lưỡng các lời tuyên-bô, các tác phẩm và hành vi của Tổng Thống Pháp từ 1944 tới nay, ta cũng có thể suy ra được một vài nguyên-tắc chỉ hướng của một chính-sách

ngoại-giao có một bề ngoài hết sức lắt léo, mâu thuẫn. Nếu De Gaulle có lúc phải uồn nản chiến thuật, ông ta không bao giờ rời mắt khỏi hai mục tiêu chính yếu : phục-hồi cho nước Pháp cái địa vị cao cả ngày trước và làm nước Pháp trở thành rường cột của một Châu-Âu có địa vị là một trong « Tam Hùng » của Thế-giới, một Châu có thể, nếu cần, làm trọng tài cho hai phe Nga và Anh-Mỹ.

— Bản-chất bất biến của Quốc-Gia

Nếu triết-lý chính-trị của De Gaulle có một khái-niệm căn-bản thì đó là khái-niệm Quốc-Gia. De Gaulle nghi-ngờ tính-cách thành thực của các lý-tưởng mà chỉ tin chắc ở tính-cách hằng cửu của sự kiện Quốc-gia. Theo ông, các chế độ, các cuộc cách-mệnh biến đổi với thời-gian. Chỉ có Quốc-gia là tồn tại và lịch-sử thế-giới chỉ là lịch-sử tranh-chấp giữa các Quốc-gia. Có những Quốc-gia mãi mãi cũng chỉ là những tiểu nhược quốc, nhưng có những Quốc-Gia do định mệnh giữ một địa-vị oai-hùng đặc-biệt trên thế-giới. Một trong những Quốc-gia này là Pháp.

Cũng vì vậy mà mỗi quan tâm thiết yếu của De Gaulle từ năm 1940 trở đi là làm sao phục hồi cho nước Pháp cái địa-vị đàn anh mà Pháp đã mất vì thất trận, vì sự suy-bại của chế-độ và của tinh-thần Quốc-gia Pháp.

Cũng vì vậy mà ngay trong thời đệ nhị thế chiến khi De Gaulle cầm đầu một Chính-phủ kháng chiến lưu-vong tại Anh, ông ta đã khẳng khẳng yếu-

cầu được Anh và Mỹ đòi xử ngang hàng và tham-khảo ý-kiến về mọi vấn đề liên-hệ tới nước Pháp. Mỗi liên-lạc giữa De Gaulle và Churchill vì vậy đã nổi tiếng là gặp nhiều trắc-trở, nhất là khi Thủ-Tướng Anh, vì sợ tiết lộ một bí-mật quân-sự có tính cách sống còn cho Đồng Minh, đã không cho De Gaulle biết trước ngày đổ bộ lên đất Pháp. Sau này Churchill, khi nhắc tới các xích mích giữa ông ta và De Gaulle, có khôi hài như sau : « trong số tất cả các huy chương mà tôi đã phải đeo, huy chương Lorraine là huy chương nặng nhất ».

Khi về ăn dật tại Colomley Les deux églises, De Gaulle vẫn thường tỏ-cáo các nhà lãnh-đạo Pháp đương thời là « đã trao cho ngoại quốc các mảnh vụn của một chủ-quyền mà họ không căng đáng nổi » (6 Juin 1953)

Và khi trở lại nắm chính quyền De Gaulle đã hứa hẹn ngay sẽ thực-hiện « chính sách của nước Pháp ».

**- Đòi hỏi một địa vị dân an
ngang hàng với Anh và Mỹ**

Ngày 13-6-1958, lần đầu tiên trên đài phát thanh Pháp, De Gaulle định nghĩa chương trình ngoại giao của ông ta : « chúng ta thuộc thế giới Tây phương song không hẳn gò bó trong thế giới đó. Chúng ta sẽ giữ một địa vị riêng, có những hành động riêng để phục vụ đồng thời xứ sở và nền an ninh ». Qua những lời lẽ mơ hồ đó nhất là câu « không hẳn gò bó trong thế giới đó », các chính khách Âu-Mỹ tỏ ý lo ngại là De Gaulle sẽ

bỏ rơi Châu-Âu và phá vỡ Hiệp-Uớc Đại Tây-Dương.

Nhưng De Gaulle chọn một ngoại trưởng (Ông Conor de Murville) được Tây phương tín nhiệm và do đó trấn an Mac Millan và Dulles khi hai ông này tìm đến dò hỏi ý kiến. Để bù lại, De Gaulle yêu cầu Anh-Mỹ đừng bỏ qua ý kiến của nước Pháp và Anh Mỹ cũng thỏa thuận.

Nhưng De Gaulle một lần nữa lại thất vọng. Tổng Thống Eisenhower, sau cuộc đảo chánh 14-7 tại Irak, đã gửi quân Mỹ tới Liban — một cựu thuộc địa thắm nhuần văn hóa Pháp — mà không cho Pháp hay biết gì. Tiếp đó là vụ Đài-Loan. De Gaulle bất mãn và ngày 24-9 trong một bức giắc thư gửi Tổng-Thống Hoa-Kỳ và Thủ-Tướng Anh, ông đã công kích hệ thống phòng thủ Đại-Tây-Dương và trình bày rõ ràng quan điểm của ông về tổ chức Phòng thủ của Tây phương. Quan điểm này có thể tóm tắt như sau : trách nhiệm về chiến lược chính trị và quân sự của thế giới tự do, và nhất là sự xử dụng bom nguyên tử, sẽ do 3 cường quốc Tây phương Anh, Pháp và Mỹ gánh vác.

Biết rằng Anh và Mỹ-châu chẳng nhìn để nghị của mình bằng con mắt cảm tình, De Gaulle đồng thời đe dọa « nước Pháp sẽ ngưng không xúc tiến sự tham dự vào Liên-Minh Đại-Tây-Dương cho tới khi nào các đề nghị trên được chú ý đến ».

Và vì vậy De Gaulle đã từ chối không cho xấp nhập lực lượng không

VAI NHẬN XÉT VỀ CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO...

quân của Pháp và lực lượng phòng thủ chung, không chịu để Hoa - Kỳ trừ khử giới nguyên tử trên đất Pháp, và rút một phần Hạm-Đội Địa-Trung Hải ra khỏi quyền chỉ huy của Bộ Tư Lệnh Liên-Minh Bắc Đại Tây-Dương trong thời gian chiến tranh Algérie tiếp diễn và nhất quyết khuếch trương lực lượng nguyên tử của Pháp.

Với tinh thần đề cao địa vị mình, ta thấy trong mỗi hội nghị quốc tế đại biểu Pháp thường đưa ra những điều kiện riêng biệt dù là điều kiện liên quan tới đối tượng, thời gian hay hình thức mời tham dự, v.v...

Tháng 12- 1961 Pháp đã đơn độc chống lại nguyên tắc đàm phán về vấn đề Bá-Linh mà 14 nước thuộc Liên-Minh Bắc Đại Tây Dương đã chấp thuận. Phái đoàn Pháp không tham dự hội nghị về Tái binh hợp tại Genève và bỏ ra về khi Đại Hội Đồng Liên Hiệp-Quốc bàn về vấn đề Algérie.

— **Kết quả của một chính sách cứng rắn.**

Chúng ta phải tự hỏi De Gaulle đã thay đổi được đẳng cấp của nước Pháp trên chính trường Quốc tế tới mức nào. Không biết bao nhiêu chính khách và Thủ lãnh lỗi lạc trên thế giới đã tìm đến Điện Elysée để hội kiến với De Gaulle : Eisenhower, Kennedy, Khrouchtchev, Nehru, Mac Millan, Adenauer, v.v... Tổng Thống Pháp cũng đã từng được tiếp đón trọng thể tại Điện Westminster, Capitole. Cuộc công du Tây-Đức của De Gaulle đã gây được cảm tình nhiệt liệt của dân chúng Tây-Đức đối với ông

ta. Nhưng xét cho cùng đẳng cấp của nước Pháp đã thay đổi ra sao trên sân khấu quốc tế ?

Về vấn đề Berlin và Đức, Anh Mỹ đã chịu khó tham khảo ý kiến Pháp trước khi có một cuộc hội đàm với Nga-Sô. Trước sau cả Mac Millan, Dean Rusk và Khrouchtchev đều công nhận lực lượng tấn công nguyên tử của Pháp là một « sự đã rồi ». Gần đây Hoa Kỳ đã tỏ ra mềm dẻo hơn và nhận bán cho Pháp một số máy bay tiếp liệu cần thiết để thiết lập một lực lượng tấn công nguyên tử và một tàu ngầm nguyên tử.

Nhưng khách quan mà xét, các sự nhượng bộ chỉ giới hạn ở mức đó mà thôi cho tới nay không có một tổ chức tam đầu nào về chiến lược của Tây phương. Và nếu Nga và Mỹ sau này có quyết định một giải pháp dung hòa cho Bá-Linh thì De Gaulle cũng chẳng có quyền lực gì mà ngăn cản. Về lực lượng tấn công nguyên tử thì các nhà lãnh đạo Hoa-Kỳ thật ra vẫn còn bám chặt lấy nguyên tắc « không phân tán các vũ khí nguyên tử » và không ngớt đá kích quan điểm của Pháp, cho nó là nguy hiểm và vô hiệu nghiệm.

— **Một Tây-Âu do Pháp chi Phối.**

Ngay từ 1944 De Gaulle đã có những quan niệm rất rõ rệt về tổ chức Tây-Âu : Theo quan niệm De Gaulle, Tây-Âu sẽ gồm có Pháp, Bỉ, Hòa-Lan, tả ngạn sông Rhin, hạt Rhur, Ý, Tây-Ban-Nha, Bồ-Đào-Nha và nước Pháp sẽ chi phối tất cả tổ chức trên.

Tổ chức chánh trị Tây-Âu này theo quan niệm De Gaulle phải đội hình thức lòng leo của Bang-Liên (Confédération). Do đó, De Gaulle rất thù nghịch đối với các định chế có tính cách siêu quốc-gia. Thật vậy trong khuôn khổ định chế này và nhất là các định chế có tính cách nghị viện và do bầu cử mà có, thì nước Pháp có thể lâm vào tình trạng thiếu sót. Nếu trái lại các định chế chỉ gồm đại diện các Chính-Phủ, nước Pháp sẽ có thể giữ một địa vị ưu thế vì không một nước nào, theo De Gaulle, có đủ khả năng cạnh tranh được với Pháp. Không có Anh-quốc, một Tây-Đức, bị chia đôi và xén mất hai miền Phổ và Saxe, sẽ không thể tranh hùng với Pháp.

Nhưng Tây-Âu một khi bị Pháp chi phối sẽ đóng vai trò gì trên bàn cờ thế giới ?

Đối với De Gaulle, Tây-Âu ở chót vót trên đỉnh hệ cấp lịch sử bắt nguồn từ quan niệm « chiến tranh cũng như chế độ chính trị không thể thay đổi bản chất của Quốc-Gia ».

Tây-Âu đã khai hóa cho các miền khác : Mỹ-Châu chỉ là « con đẻ, Nga là đàn em và các đất đai vùng Ba-nhi-Cán, sông Danube và Vistule thuộc Âu-Châu là anh em họ và cháu chắt của Tây-Âu ».

Tây-Âu sẽ đứng ngoài vòng tranh chấp giữa Nga và Mỹ và dần dần sẽ có thể lôi kéo được Nga và chư hầu để hợp thành một Liên-Minh dài suốt từ « Đại Tây-Dương đến núi Oural ».

De Gaulle tin như vậy và đã viết trong cuốn Hồi-Ký của ông : « Lẽ dĩ nhiên phải kể đến tính cách độc tài và khuynh hướng xâm lấn của chế độ Nga. Song lẽ, một khi Đức-Quốc không còn là một mối đe dọa nữa, các chư hầu của Nga sẽ không còn lý do để chịu nô lệ. Và không có chế độ nào có thể chống lại được ý chí của quốc-gia ».

Như vậy, Âu-Châu theo quan niệm của De Gaulle chỉ có thể thống nhất khi Đức quốc không còn là mối đe dọa và được ràng buộc chặt chẽ với Tây-Phương. Nhưng làm cách nào để Đức-Quốc không còn là mối đe dọa nữa ?

Ta thấy De Gaulle rất minh bạch về điểm này khi viết trong cuốn Hồi-Ký « Tôi tin chắc rằng nước Đức phải chia đôi và Nga-sô muốn sử dụng toàn quyền mảnh đất Nhật-nhi-Man nơi xuất phát những khuynh hướng « khoảng sinh tồn ». Mảnh đất này theo De Gaulle là Phổ và Saxe. Ta thấy ngay từ 1944 De Gaulle đã minh thị cho Staline hay là ông không phản đối biên giới Oder Neisse.

— Một Tây-Âu không gồm Anh-quốc.

Căn cứ vào các quan điểm trên đây ta thấy chính sách của De Gaulle đưa tới những nhượng bộ tương tự như các nhượng bộ Mỹ đề nghị với Nga ; chấp nhận sự chia đôi nước Đức, tạo tình trạng hòa hoãn giữa Đông và Tây.

Vì vậy ta thấy Pháp đã đóng một vai trò quan trọng trong việc trung-lập-hóa Ai-Lao ; và gần đây khi Tổng-

Thông Mỹ cương quyết ra lệnh phong tỏa Cuba làm cả thế-giới nín thở, chính phủ Pháp tuyên bố lạnh nhạt rằng chỉ nghiên cứu vấn đề khi nó có hậu quả đối với Âu-Châu mà thôi.

Nhưng tại sao De Gaulle lại chỉ trích các cuộc đàm phán Nga-Mỹ.

Trước hết đây là những vấn đề thuộc Âu-Châu, phải được giải quyết « giữa người Âu » hay nói cho rõ hơn giữa Liên-Bang Xô-Việt và Pháp.

Nhưng khi thúc đẩy Tây-Đức chống lại các đề nghị của Hoa - Kỳ, phải chăng Pháp đứng về quan điểm cứng rắn đối với Nga ? Xét cho kỹ ta thấy chính sách De Gaulle tẻ-nhị và uyên-chuyển hơn nhiều. De Gaulle có lẽ sợ Tây-Đức, trước khi được ràng buộc hẳn vào Tây - Âu, sẽ thất vọng và tìm cách thỏa hiệp với Nga để thôn hời hai miền Phổ và Saxe. Vì vậy De Gaulle tính hành động như sau :

10) trước hết xúc tiến việc tổ chức chính-trị Châu-Âu (theo hình thức lỏng lẻo Bang-Liên-chế). Tổ chức này sẽ gạt Anh ra ngoài và đặt nền móng trên trục Paris-Bonn.

20) Một khi đã ràng buộc chặt chẽ Tây-Đức vào một Tây-Âu do Pháp bá chủ ; Pháp sẽ quay lại thương-thuyết với Nga-Xô : sự chia đôi nước Đức sẽ được công nhận nhưng bù lại Nga-Xô sẽ phải nới tay đối với các nước Trung-Âu và Đông Âu để có thể đi tới chỗ thực hiện Liên-Minh « từ Đại-Tây-Dương tới Oural ».

De Gaulle cho rằng một Tây-Âu có vũ-khí nguyên-tử khả dĩ lôi kéo Mỹ

vào vòng chiến sẽ có khả năng bó buộc Nga-Xô phải đàm-phán theo chiều hướng trên.

Ta tự hỏi tại sao De Gaulle lại muốn gạt Anh-Quốc ra khỏi một tổ chức chính-trị hoặc kinh-tế Âu-Châu ?

Câu trả lời thật giản dị, De Gaulle cho rằng tất cả các nước Tây - Âu ngoại trừ Anh-Quốc đều không đủ điều kiện cạnh tranh với Pháp trong cuộc tranh quyền bá chủ Tây - Âu. Hơn nữa Anh-Quốc bị De Gaulle coi là quá ràng buộc với Mỹ nên không thể nào để cho gia nhập cộng đồng chung Âu-Châu được. Nhưng ta phải tự hỏi các quốc-gia Tây-Âu khác có đồng quan điểm với De Gaulle về vấn đề này không ? Chúng ta đều biết là phần lớn các quốc-gia này đều tán thành sự gia nhập của Anh-Quốc vào một cộng đồng Âu-Châu, kể cả cộng đồng kinh tế (khởi thị trường chung).

Vì những lý do chính-trị, thương mại, quân-sự, v.v, ... Bỉ và Hòa theo truyền thống, rất gần gũi Anh-Quốc. Người Đức cũng nhận ra rằng sự tham dự của Anh-Quốc cần thiết cho họ ; họ không thể lâm vào một cuộc chiến tranh kinh-tế và thương-mại đầy bất trắc với Anh - Quốc. Kỹ - nghệ Đức được tiếp tế phần lớn nguyên liệu từ khu vực Anh-kim.

Riêng Pháp không muốn Anh đặt chân lên lục địa Âu-Châu vì sợ nước này tranh mất quyền bá-chủ của mình. Từ xưa đến giờ ta vẫn thấy chính sách của Anh là không mong muốn

một Âu-Châu đoàn kết và trong lịch sử ta thấy Anh đã từng gây chiến với mục đích phá vỡ mưu toan đoàn kết của Âu-Châu hoặc tham dự vào những khối liên minh trên lục địa để giữ vững thế quân bình có lợi cho mình.

Khi chủ trương các Quốc gia Liên-Hiệp giữ nguyên vẹn cá tính chủ quyền trong Liên-Hiệp, De Gaulle đã thúc đẩy Anh xúc tiến việc gia nhập khối liên hiệp đó nếu không e quá muộn.

Chính ngoại trưởng Anh trong một cuộc phỏng vấn của báo «Observer» đã không ngại ngừng nói thẳng sự thật như vậy. Ngoại-Trưởng Anh cho rằng, một khi De Gaulle rời khỏi sân khấu quốc tế, phong trào tổ chức Âu Châu theo chế độ Liên bang chặt chẽ sẽ tái phát mạnh mẽ. Nếu gia nhập ngay từ bây giờ Anh Quốc có thể ảnh hưởng tới các biến chuyển sau này theo chiều hướng cắt xén chủ quyền mà Anh Quốc rất sợ.

Mặt khác mưu toan cụ thể hóa-trục Pháp-Đức có thể nói là đã thất bại. Trái hẳn với sự bộc lộ cảm tình ồn ào của nhân dân Tây Đức khi tiếp đón Tổng Thống Pháp, thái độ của chính phủ Bonn vô cùng dè dặt có thể nói là lạnh nhạt.

Mãi hai tháng sau khi bức giắc thư ngày 19-9-1962 của Paris đề nghị một sự hợp tác chặt chẽ Pháp Đức về quân sự và chính trị tới Bonn, Chính phủ Tây Đức mới quyết định trả lời. Và phúc thư của Bonn có thể nói là đã làm De Gaulle thất vọng. Chính phủ Tây Đức chấp nhận nguyên

tắc từ nay trở đi sẽ có nhiều cuộc gặp gỡ trên cấp bậc quốc trưởng và ngoại trưởng nhưng từ chối không gán cho các cuộc gặp gỡ này một tính cách định chế. Sự hợp tác của quân sự Pháp Đức sẽ được tăng cường song không thể đi đến chỗ làm phương hại đến sự đoàn kết giữa các quốc gia hội viên của Liên-Minh Bắc-Đại Tây-Dương. Trên lãnh vực văn hóa, Bonn đã nại quyền tự trị của các «Länder» để thoái thác đề nghị truyền bá tiếng Pháp tại Tây Đức.

Như vậy, Tây-Đức đã tỏ ra không muốn gắn chặt với Pháp, sợ làm nứt rạn Liên-Minh Đại-Tây-Dương Thị-trường Chung Âu-Châu.

— Triển vọng của chính sách ngoại giao của De Gaulle.

De Gaulle phản đối sự tổ chức chính trị Âu-Châu theo hình thức Liên-Bang chặt chẽ, với những định chế siêu quốc gia mà chỉ muốn xây-dựng Âu-Châu trên một căn-bản hoàn-toàn kinh-tế.

Như ta đã biết De Gaulle rất sợ các giải-pháp đưa đến một sự từ bỏ, dù là một phần chủ-quyền Quốc-gia. Nhưng có thể rằng các tổ-chức kinh-tế siêu Quốc-gia trong khi thi-hành một nhiệm-vụ có tính-cách kỹ-thuật sẽ phải ra những quyết-định có một bản chất chính-trị ; chẳng hạn vấn-đề cần biết xem người Đức hay người Anh sẽ mua lúa mì của Pháp cao hơn giá thị trường quốc-tế, không phải là một vấn - đề kinh - tế mà là một vấn - đề chính-trị. Tuy nhiên nếu các định chế

sẽ phải giải - quyết các tranh chấp quyền - lợi, nhiều khi thiết yếu, các quyết-định này sẽ theo chiều hướng của các lực-lượng nào nhiều ảnh-hưởng nhất, nghĩa là một là Tây-Đức với một nền kinh-tế thịnh-vượng hơn nền kinh-tế Pháp, hai là các tổ-chức như Cartels, Trust vẫn còn nhiều ảnh-hưởng trong nền kinh-tế tự-do của các nước Tây-Âu.

Kết-quả sẽ trái lại với tham-vọng của De Gaulle : Tây-Đức sẽ giữ địa-vị ưu thế trong tổ-chức Tây-Âu. Các Quốc-Gia Tây-Âu khác vì lý-do lịch-sử, sợ Tây-Đức chi phối và vì những lý-do đã nói trên về kinh-tế, sẽ dùng áp-lực để cho Anh-Quốc gia-nhập Thị Trường Âu-Châu hông đánh thắng-bằng ảnh-hưởng của Đức.

Thái-độ của Bỉ và Hòa-Lan trong các cuộc đàm phán về tổ-chức Âu-Châu trên phương-diện chính-trị gần đây đã làm tỏ rõ khuynh hướng trên.

Còn về chính-sách phục-hồi địa-vị của nước Pháp trên sân khấu quốc-tế thì không phải là bằng cách tự đề cao mình một cách cứng rắn, bằng sự «giận rồi», mà De Gaulle sẽ đạt được mục tiêu. Thái-độ đó chỉ đưa đến chỗ bị mỉa mai. Khách quan mà nói, địa-vị của Pháp có thay đổi và tăng tiến hơn. Song chính các quan sát-viên nổi tiếng người Pháp cũng phải công nhận rằng chính vì sự phục-hưng kinh-tế của Pháp và việc giải-quyết kinh-tế đã là nguyên-nhân chính-yếu của biến chuyển nói trên.

• •

Gần đây uy tín của nước Pháp lại bị tổn thương một lần nữa trong cuộc gặp gỡ nguyên tử Anh Mỹ Nga ở Mạc-Tư-Khoa. Vì lập-trường của Pháp quá cứng rắn muốn thành lập cho mình một lực lượng nguyên tử riêng biệt, nên Anh Mỹ Nga đã phải thỏa thuận ngưng thử vũ khí nguyên tử với nhau mà không có sự tham dự của Pháp. Nước Pháp không được coi là một cường quốc nguyên tử ngang hàng với Anh Mỹ Nga. Đó là điều mà De Gaulle không thể chấp nhận. Vì thế cho nên Pháp đã nhất quyết tẩy chay hiệp ước Mạc-Tư-Khoa mặc dầu hầu hết các nước ở Âu Lục đều đã tham gia ký kết.

Mặc dầu Hoa-Kỳ cố gắng thuyết phục, nhưng lập trường của De Gaulle vẫn không thay đổi : Pháp vẫn nhất quyết thử cho kỳ được quả bom khinh khí đầu tiên của mình ở vùng biển Tahiti giữa Thái-Bình-Dương. Chính sách đề cao nước Pháp (Politique de la grandeur de la France) của De Gaulle đã làm cho hai ông bạn Anh Mỹ khó chịu không ít. Có người đã đem so sánh thái độ của De Gaulle đối với Kennedy như thái độ của Mao-Trạch-Đông đối với Khrouchtchev. Cả hai ông K. đều phải đối phó với những ông bạn cứng đầu cùng muốn thực hiện sự hùng cường của mình trong một thế giới mà mọi người đều khao khát hòa bình và dân chủ.

*
* *

Để kết luận bài khảo cứu nhỏ này về chính sách ngoại giao của De

Gaule, ta có thể tóm gọn lại trong một câu sau đây: Một con người hùng cường với ý chí cương quyết của mình muốn dẫn dắt một nước Pháp dân chủ tự do trên con đường hùng cường nhiều khi trái lại cả với ý muốn và nguyện vọng của dân tộc và ngược cả với trào lưu tiến hóa của nhân loại. Do đó ta có thể hiểu vì sao các lực

lượng hòa bình dân chủ ở Pháp và ở cả thế giới đều coi D Gaule như một vị hùng thần. Dưới con mắt người Pháp De Gaule đã hết là một vị anh hùng cứu quốc mà chỉ còn là một nhà độc tài khét tiếng mà nhân dân Pháp, với truyền thống tự do dân chủ của mình đã hết chịu nổi.

KIM-ANH



- Tôi muốn suốt đời là một đứa trẻ thơ để luôn luôn khám phá và lấy làm kinh dị những gì mình khám phá.

François

- Biết bao nhiêu người, trong số những người mà ta gọi là bạn thân, chỉ là những kẻ đồng lõa với lòng tự ái của ta!

E. Langlois

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tor-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tính

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Cai ngành: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbasht, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street



TRẦN - THỜI - HANH

thi-sĩ trào-phúng miền Nam

● NGUYỄN-VĂN-HÀU

TRÊN đường nghiên cứu văn-chương miền Nam, ngoài hò, vè, thơ rơi (1), câu hát, vãn hay giảng (2), tôi còn tìm thấy được một số thơ vãn của những nhà thơ khoảng cuối thế-kỷ 19 mà người ta đã mặc nhiên cho nó lạng lẽ trôi qua hoặc vì tình thế chính-trị, hoặc vì không ưng dùng chữ quốc-ngữ để phổ-biến, hoặc coi thi ca là một trò chơi lúc tẩu hâu trà dư.

Làm sao khai thác cho hết được những áng thơ hay bị chôn lấp trong các chồng sách nho đang âm thầm làm mối cho ngọn lửa chiến tranh và cho mỗi một rải rác trong nhiều nơi? Làm sao xác định được nguyên do những tác phẩm bị sao đi chép lại nhiều lần và những bài truyền khẩu mà nhiều người đã tự mình sửa đổi theo một ý riêng? Và làm sao quyết đoán được tác giả trong khi có nhiều tập vãn Nôm, nhiều quyển tạp-lục chép cả các

toa thuốc gia truyền lẫn gia-phả của một họ bên cạnh những bài thơ không ghi chú là của ai?

Cho nên công việc thường gặp nhiều khó khăn và tất nhiên như tôi đã nói trong một lần khác, phải rất lâu lắc. Tôi đã tự vạch, một lẽ lối rồi theo đó mà cân nhắc, so sánh, duyệt định và phiên âm. Việc làm tuy không thoát được tính cách bấp bênh, nghĩa là khó mà đúng hẳn 100%, nhưng tôi tin rằng đã đạt được phần nào mục-đích, và mong sẽ có dịp được trình bày rõ trong một tác phẩm nói về văn-chương miền Nam.

(1) Một lối vãn Nôm, thể vãn, dùng viết thư, câu dài ngắn không chừng, đôi khi có câu đối nhau, có một giọng điệu đặc biệt.

(2) Một lối thơ, đọc lên có giọng buồn như hát vãn, nội dung trình bày đạo lý hoặc tiên đoán thiên cơ.

Hôm nay, cùng trong khuôn khổ vắn-đề, mời bạn đọc thưởng-thức thi ca của cụ Trần-Thời-Hanh, một nhà thơ bình dân có giọng cười duyên, không giống giọng cười đùa cợt của Minh - Giám Nhiều-Tâm và cũng khác hơn giọng cười khinh ngạo của Sầm-Giang Học-Lạc.

* *

Ở biên giới, miệt Tiền-Giang và Hậu-Giang nói tới Trần-Thời-Hanh tưởng không ai là không biết. Cất tiếng khóc chào đời bên bờ Vĩnh-An-Hoà năm Đinh-Sửu (1877), người con trai họ Trần đó đã sinh vào thời chiến tranh Việt-Pháp đìu xuống : Cuộc đối-kháng của Nguyễn-Trung-Trực tan vỡ tại Rạch - Giá năm 1868 thì cuộc khởi-nghĩa của Trần-Vân-Thành ở Bảy - Thửa cũng tiếp tục bại-vong vào năm 1873.

Nhà nghèo, đông anh em, thêm sức vóc mảnh-khảnh, Trần-Thời-Hanh nuôi chí cần học để trở thành một văn-nhân. Trước tiên cụ theo học với nhiều người hay chữ trong làng rồi sau lại, tìm đến Phú-Thuận, cầu học với Tú-tài Trần-Hữu-Thường, một cao sĩ đồng thời với Thủ-Khoa Huân, từng khước từ mọi chức tước của thực-dân, chuyên dạy học để truyền bá tinh thần ưu quần ái quốc.

Vì nổi tiếng văn hay chữ tốt, Trần-Thời-Hanh thường được đồng bào quanh vùng nhờ cụ vẽ chữ hoặc đặt vắn. Những câu đối và nhiều bức hoành-phi hiện còn tại đình thần làng Vĩnh-Hậu là do chính cụ đặt ra và tự tay vẽ chữ để cho các nhà điêu-khắc khắc chữ và phết vàng. Sở dĩ gọi là vẽ chữ vì đây là một công trình

gần như hội họa : nét bút sắc sảo và kiểu chữ xinh đẹp tuyệt vời.

Trần-Thời-Hanh còn am-tường y-thuật Đông-phương và khá thông quốc-ngữ. Gần nửa đời nghiên-cứu và sinh - hoạt Đông-Y, cụ có dịp phụ-trách môn Hán-văn cho trường Tiểu-học Tân Châu suốt 10 năm trong hồi Nha Học chánh Nam-Kỳ còn áp dụng môn này cho các bậc học.

* *

Nhưng sự nghiệp đáng kể hơn hết của cụ Trần là sự-nghiep thi-văn.

Cụ vui tính, nhạy cảm và sảng thơ. Bất kỳ thơ Nôm hay thơ Hán, cụ thường viết không đợi hứng. Ở Tân-Châu ngày trước, ai mà không nghe biết việc ông Phán Phước, Trưởng-chỉ bưu-điện, có một bà vợ bị tử nạn xe hơi trong cuộc du lịch Đệ-Thiên. Ông Phán-Phước trước cái tang đau đớn đó, đã nhờ cụ làm giúp một bài châm. Cụ cho ngay :

*Ba mươi năm chầu nghĩa tình nồng,
Vỡ rúi mà ra cuộc tử vong !
Nơi chốn gia-đình hồng đứt ruột,
Lên xe thiên-cổ (1) vợ cam lòng !
Hiển-vinh từ đây cùng ai hưởng ?
Ly biệt ngàn này khó nỗi trông !
Biến hoạn gặp cơn êm sóng gió,
Ngỡ là din dật khỏi long-đong !*

Cũng với tính cách nhạy-cảm như trên, một lần khác, một đệ-tử có hạng của Lưu-Linh là Dương-Tấn-Sĩ ở Long-Phú từ trần, bà vợ của ông Sĩ nhờ cụ viết giúp

(1) Âm chỉ chiếc xe hơi ngày xưa

một bài kỷ-niệm, luôn tiện để thờ chông.
Cụ đã đề thơ :

Chồng đi nữa khác đa bán-khoản,
 Ha hưởng ngàn thu học chị Hằng!
 Sống muốn nhận, con phỉền... nhận!
 nhận!
 Thác không an, vợ ép... an! an!
 Từ đây bốn-nghệ giao ai lãnh,
 Đành để nắm mồ mạc cô giăng!
 Vì biết lang-quân rày đến thế,
 Mượn bầu Khương-Tử (1) dạ đành
 chàng?

Tất cả những người có mặt trong đám
đều tấm-tắc ngợi khen. Người ta thấy tác-
giả thể hiện quá rõ-rệt động-tác của các
nhân-vật qua hai câu 3, 4. Thật vậy, bình-
sinh mỗi lần chồng thêm rượu thì con
phiền vợ trách, cần rút càu-nhàu, nay
mất đi, xác bị gói tròn trong áo quan,
còn uống ăn gì được nữa, vậy mà vợ lại
mời nhạc-công, rước lễ-sinh, nài ép uống
ăn trong các giờ dâng cúng, thôi thì rượu
thịt ê-hề !

Có nghiên-cứu thơ văn của Trần-Thời-Hạnh, người ta mới thấy rằng dù với đề tài nào, lời văn của cụ cũng có vẻ bình dị và ý văn cũng có giọng trêu-cợt, mỉa-mai.

Nếu bài thơ vợ khóc chồng trên đây làm cho ta tức cười hơn là xúc-cảm thì bài *Thầy chùa Tàn đánh giặc Nhựt* — một đề tài nghiêm trang, nảy sinh do tin - tức báo chí cho biết các sư sãi ở Tứ-Xuyên xung phong xin đầu quân đánh giặc trong thời Hoa Nhựt chiến-tranh — cũng làm cho ta hả hê không kém.

Đây, nguyên văn của tác-giả :

Rút đao cà-sa mặc chiến-bào,
 Một lòng vì nước sôi không nao.
 Xan tay La-Hán bằng con súng,
 Cối chũn Bồ-Đề dấy ngọn đao.
 Mô Phật quyết không dung đảng nghịch,
 Từ-bi rày đổi dạng anh-hào.
 Tây-Phương ước được xin bùa Phật,
 Nào có lo chi Nhứt lẫn Tàu.

Đã trên cột, hai vắn của Trần-Thối-Hạnh còn có vẻ hùng. Những bài thơ của cụ bị thất lạc, có đôi vắn còn được truyền tụng đến ngày nay, như *Thơ xơi* với câu :

Giày sành đập sỏi keo mềm rươi
Lướt trần xông pha thể chẳng kinh

cùng là *Thơ* ngồi tựa đầm cá bông, với
câu :

Không là ông phủ cũng ông trùm

và

Giữa vòng vô trụ oai gương nhọn (2)

(1) Chi Đỗ-Khương, một tửu-dồ nổi tiếng.
Cổ câu :

▪ Cạn chén Đồ-Khương trời loáng-choáng,
Nghiêng bầu Thái-Bạch đất lung-lay ▪.

(2) Cá bông tực một loại cá giống hình cá lóc, mình có hoa, lưng xanh đen, dạ dưới trắng đỏ. Khi mùa nước lụt ở Tiền-Giang và Hậu-Giang sắp hạ, chúng từ trên đồng tràn xuống sông rạch từng bầy, có những con lớn, to bằng dứa trè 3, 4 tuổi và dài cả thước tây. Muốn bắt chúng, người ta thường dùng cành cây tươi che lùm cho rợp mát ở ven sông rồi phủ chiếu hay trùm mền thêm gọi là *bể tum* để vào đó ngồi rình dăm cá. Vật dăm cá là cây xà búp nhọn, có ba ngạnh bén trông dễ gớm ghê. Do đó mà cụ Trăn đã hài hước gọi người dăm cá là ông phủ, ông trùm. Sự thật chỉ là phủ chiếu hoặc trùm mền mà thôi.

là những bằng chứng cụ thể về sự dung hợp khéo léo hài hước với hùng hồn mà ta ít thấy có ở nhiều nhà thơ khác.

* *

Tuy nhiên, sở trường nhất của Trần tiên sinh là thơ văn trào phúng. Cụ luôn luôn đàn hạc những « tiểu tặc » của mọi người để hy vọng « sửa sai » cho họ và để bảo vệ mỹ tục thuần phong. Tất cả những điều giả trá, những cái rởm, những tục lệ lỗi thời, những mê tín dị đoan mỗi khi xuyên qua mắt, lọt vào tai cụ, đều bị cụ trào lộng bằng những văn thơ, những vở kịch rất mực bình dân nhưng không kém phần dí dỏm kỳ thú, cho dấu những kẻ « có tật » ấy là hạng có thể lực, tai to mắt lớn.

Ở Tân-Châu hầu hết ai ai cũng nghe nói đến bài *Thơ Hương quán Đò đi gò mèo làm mất xe máy* với những câu phá thừa như sau :

*Hương thân, Hương sự cũng gò mèo,
Hương quả óc lòng cũng đuổi theo...*

Chữ *cũng gò mèo* đã nói khá rõ rằng Hương thân, Hương sự là hạng trên vai trên cổ dân, đáng lẽ phải giữ gìn tư cách để làm khuôn thước cho xóm làng, thế mà họ lại bất cần, cũng làm cái việc « gò mèo » đó như ai. Rồi đến ông Hương-quản kia, lại không để cho chuyện ai mặc ai, lại ạo-ước nôn-nả, lại đuổi theo các bạn « đồng-sự » để được « đồng-tình » cho đến đôi... mất toi đi chiếc xe máy đạp.

Thuở ấy tại Tân-Châu có một chàng « thanh niên râu », đội lốt bên ngoài với vóc dáng phù chú của một đạo sĩ, từ núi

Kết « hạ san », tự xưng là Cậu (1). « Cậu » khoe mình biết chữa bệnh điên, bệnh tà, có bùa mê, ngải độc để rồi mê hoặc những người nhẹ dạ dễ tin. Ở Tân-Châu được ít lâu, ông ta rù quên được vợ của anh Lỗi (do đó mà « Cậu » có tên Thầy Lỗi) rồi dắt vợ anh này đi tuốt lên Nam-Vang. Ở đây ông ta cũng dờ trờ dối thế nên bị lính rượt, phải hốt hoảng chạy về Tân-Châu. Tại đây, « bốn đạo » của ông ta xúm nhau khóc lóc, tiễn ông về núi Kết để lánh mặt kẻ cầm quyền.

Để phá tặc đoan mà bao giờ Trần-Thới - Hanh cũng khinh ghét, cụ mượn cốt chuyện này viết ra một vở kịch gọi là « *Tuồng Thầy Lỗi* ». Đây là một bi hài kịch dài, có màn cảnh, lớp lang, lắm lúc đầy giọng khôi hài, châm biếm, nhiều khi chan chứa nỗi ai-oán nào-nùng.

Xin trích dẫn vài đoạn để minh chứng khả năng sáng tác kịch phẩm của cụ.

Trong một gian nhà khách, Thầy Cậu ngồi và một số « bốn đạo » đứng hầu chung quanh.

Thầy cất giọng :

Như ta :

*Quê ngụ miền núi Kết,
Mở đạo hiệu Thầy Cò.
Từ xuống chốn Tân-Châu,
Lại đổi tên Thầy Cậu.*

Như ta đây :

*Chẳng phải là thầy giỏi,
Thiệt đổi thế kiếm tiền*

(1) Một danh xưng đặc biệt, chỉ những « ông đạo » còn trẻ tuổi. Nó đã bị hoen ố nhiều vì có những kẻ làm bậy cũng tự xưng.

Bằng ai có bệnh điên,
Để gặt người lấy của.

Chẳng phải trị bệnh điên mà thôi, ta
lại còn :

Nuôi con nít (1) tiếng đồn chát-chúa,
Chém Mẹ-Ranh (2) vỡ chạy bỏ càng.
Dầu Mẹ-Ranh nó có đảo-sang,
(Ta) sai chực tướng tầm theo nã tróc !

Chừ, ta đọc thần-chú cho bốn-đạo nghe :

Thần kim phục-vọng,
Đại tướng Đô-Vông (3).
Nay thấy triệu ông,
Đi về cho lệ.
Rồi thỉnh Ông Kẹ,
Lại với Bà-Chằng.
Thỉnh tướng Lục-Lăng,
Thêm cùng Lục-Chốt.
Kìa là Ông-Dột,
Nọ lại Ca-Nanh.
Xúm bắt Mẹ-Ranh,
Chờ cho tẩu-thoát.
Là hơi thần phù ới ! . . .

Bồn đạo nghe vậy khen :

Miệng đọc linh-phù nghe sượng,
Tay quăng thần ấn cũng lank.
Ất bình vỡ đặng lank,
Thì ơn thầy rất đáng.
Xin Thầy ở lại,
Để sáng sẽ về.

Đến đây Thầy Cậu vào phòng nghỉ-
ngơi, niệm kệ :

Mô Phật từ-bi đã bấy lâu,
Chưa rồi nợ thế khó lòng ân.

Thế-gian gọi mõ là tu... hú,
Mõ giận thế-gian muốn cỡi... cù !

Bà Lỗi (vợ nhỏ của Thầy Cậu) nghe
thầy nói và thấy thầy xáp gần, bèn hô

— Bớ thầy, bớ thầy !
Thầy đừng cỡi cù mà tôi sợ lắm !

Thầy Cậu về bình tĩnh :

— Có hề chi mà nàng phòng sợ !

Rồi đổi giọng :

— Ta một mai dầu có cỡi cù,
Nàng có lẽ... để bề đi ngựa... đi
ngựa ! (1).

Nơi một đoạn khác, khi nhắc lại việc
Thầy Lỗi bị lính ở Nam-Vang rượt bắt,
thi-sĩ Trần-Thới-Hanh gán cho ông ta hai
câu hát nam bằng Hán-Văn sau đây :

Khúc khúc tợ tán gia chi cầu,
Man man như ngộ hỏa chi triu,

(1) Những đứa trẻ éo-óp khó nuôi, gọi là « xấu
háy », người ta tìm những thầy bùa, những ông
đạo để « ký bán », nghĩa là để nhận chịu phù-
phép hầu bảo vệ sống còn cho nó. Đứa trẻ đó
từ ấy có danh-nghĩa là con của ông thầy kia, và
ông thầy cũng được cái danh-xưng là « nuôi con
nít ».

(2) Tên một con yêu điên-hình trong giới phù-
thủy, tương truyền là hồn ma của những sản-phục
bị chết oan.

(3) Tên gọi một « ông tướng » của giới phù-
thủy. Những tên khác trong đoạn « thần-chú » này
hoặc có thật, hoặc tác-giả bịa ra để chế-giễu.

(4) Đi ngựa đối với cỡi cù, tác-giả cũng ám-
chỉ sự ghen tương của Thầy Lỗi. Theo nghĩa riêng,
chữ Đi ngựa còn nói việc đi theo trai, chơi bởi
dàng-diểm.

Có nghĩa :

*Rảo-rảo như con chó mất nhà,
Mặt-mờ tợ con heo bị lừa.*

Thật là thắm-thía, thật là chua-chát biết chừng nào !

Trong phạm-vi bài này, chúng tôi không thể trích dẫn dài hơn, nhưng bao nhiêu đó tưởng cũng đủ giới thiệu nét bút bay bướm, nụ cười có duyên của nhà thơ miền xa-xôi biên-tái đó.

*
*
*

Như trên đã có nói, Trần-Thới-Hanh không chỉ làm thơ, viết kịch mà cũng thường dùng lối và để châm chọc, mỉa mai. Đọc vở *Tuồng Thầy Lối* của cụ, ta thấy cụ làm nổi bật công tác đã phá di đoan, bài trừ mê tín bao nhiêu thì khi xem bài về *Giã từ cờ bạc rượu chè* sau đây, ta càng thấy rõ thiện chí xây dựng xã hội của cụ bấy nhiêu.

Đây là mấy câu vào bài :

*Rày mở lời nhân cùng huynh đệ,
Rượu bạc cờ chớ để theo mình.
Đánh me chưa nghĩ phải rùn mình,
Chơi tứ sắc hóa ra thất sắc.
Cào ba lá giận ai bày đặt,
Bao nhiêu tiền trong đây sạch tay.
Rượu Đồ-Khương hề uống thì say,
Ngon chi đó mà hồng ham nhậu...*

Thói thường hề « nhậu say, châu tay sòng bạc » mà « cờ bạc là bác thằng hần ». Ta hãy nghe lời tự hối của người cờ bạc — khi túi sạch sành sanh — qua đoạn về của cụ :

*Trời đất ơi ! thua đã ngán ngơ !
Quý thần hồi ! lo tiền sao kịp ?
Thù cờ bạc thù gậy muôn kiếp,
Đéo quả mảy, tao quyết từ mảy !
Nếu theo mảy thua cớ thua cày,
Áo quần hết khăn vai cũng hết...*

Và đây là đoạn kết bài *Giã từ cờ bạc rượu chè* của cụ ; người ta quyết đoạn tuyệt với chúng, đã chọn ngày lành để « tổng khứ » chúng ra xa :

*Nay ngày tốt đặt bày lễ tạ,
Đưa mảy đi chớ khá theo tao.
Trả nợ mảy đã nhót hồ bao,
Thiếu chi nữa hồng mong theo mãi ? !...*

Trong xóm cụ đương thời, có « Thằng Hàng » là cháu rể của Thợ Bảy, nhưng thợ Bảy bất chấp việc luân thường, muốn đổi tình bà con ra tình chồng vợ, đi lấy em gái của Thằng Hàng, tên là cô Lục. Chuyện đổ vỡ lùm-xùm, cụ viết một bài về để cảnh cáo họ, nhan đề : *Về Thợ Bảy* :

Ta hãy nghe cụ phân-trần :

*Nghe về nghe về,
Nghe về Thợ Bảy.
Ở đời như vậy,
Vốn thiệt là tham.
Đã có vợ nhà,
Còn ham vợ bé !
Em thằng cháu rể,
Vốn thiệt cháu mình.
Đem dạ làm quan,
Bắt làm tiểu thiếp
Người sao lộn kiếp.
Chẳng kể trước sau.*

*Làm câu chưa lâu,
Day (1) làm em rề.
Việc đời quá tẻ,
Nên phải nói ra...*

Và hãy nghe thêm một đoạn nữa, cụ kể chuyện Thị-Lục trốn nhà đi theo Thợ Bầy trong khi Bà Kỳ — mẹ Thị Lục — không hay biết việc chi.

*Hẹn đến canh ba,
Thị Lục nghe gà,
Chạy qua gõ cửa.
Thợ bầy sớm sửa,
Mở cửa nàng vô.
Hai đứa nhỏ to,
Cùng nhau đến sáng.
Bà Kỳ bâng lãng,
Trong dạ chưa hay.
Trời đã rạng ngày,
Vào kêu Thị Lục.
Bảy giờ mới ủa;
— « Con nhỏ đi đâu? »
Hỏi chồng hỏi dẫu,
Cũng không ai biết...*

Ngày còn tại tiền, người ta thấy Trần tiên-sinh thường đem bài *Về Trùm Tàn* ngâm đọc và tỏ ra đặc ý. Nhưng căn cứ theo xuất-xứ câu chuyện làm đối tượng

cho đề tài, chúng tôi có ý ngờ là không phải của tiên sinh viết ra.

Thơ Nôm, thơ Hán, câu đối, văn tế cũng như những vở kịch, những bài vè của Trần-Thới-Hanh ngày xưa được sáng tác rất nhiều. Ngoài những bài viết theo các đề tài riêng, cụ cũng có nhiều bài thơ xướng họa với những văn gia thi-sĩ nổi tiếng khác. Trong số những bài xướng họa đó, có thể kể mười bài liên-hoàn của cụ họa lại bài khóc con của cụ Nguyễn-Chánh-Sắt (cụ Bá-Nghiêm khóc đứa con gái là cô giáo Nghĩa sớm từ trần).

Các cụ Cảnh - Sơn, Nguyễn - Quang-Điều (Cao-Lãnh), Tinh-Anh Tạ-Quốc-Bửu (Bạc-Liêu) (1), Hương-cả Dương-Minh-Chí và Bá-Nghiêm Nguyễn-Chánh-Sắt (Tân-Châu) đều có thơ văn thù ứng với cụ.

Năm 77 tuổi, cụ mất. Thơ văn cụ ngày nay tìm lại không còn được bao nhiêu, nhưng chính một số bài còn lại đó đã làm cho tên tuổi cụ không mất.

NGUYỄN VĂN-HẦU

(1) Day xây, quay đi chỗ khác. Miền Nam hay nói Day hoặc Day chận. Làm việc này chưa xong, day chận làm việc khác.

(1) Cụ Trần-Thới-Hanh về sau kết thông-gia với cụ Tạ-Quốc Bửu. Con trai cụ Trần là Ông Trần-Văn-Nhật, hiện là Hiệu-trưởng một trường Trung-học bán-công tại An-Giang, con gái của cụ Tạ là bà Tạ-Thị-Tư.



* Nếu anh dẫn một con lừa đi xa, và cho đến Đất Thánh đi nữa, thì trở về, nó vẫn là một con lừa.

X... (Thờ-Nhĩ-Kì)

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành: TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

ĐỊA VI SỬ HỌC

★ NGUYỄN-PHƯƠNG

LỜI DẪN NHẬP

MÔN học nào, khi đã trở thành nghệ thuật, cũng thể theo một sổ luật lệ, một đường lối, nó sẽ giúp đỡ người hành nghề, bảo đảm cho công việc họ, và dẫn họ đến chỗ thành công. Luật lệ, đường lối đó làm thành phương pháp của môn học. Phương pháp, do đó, không phải là gì khác, ngoài sự nó là kinh nghiệm của nhiều người, trong nhiều đời, tích lũy lại, được so sánh, chọn lọc, được phân tích cho biết tại sao người trước, trong những trường hợp như thế, đã thất bại, và trong những trường hợp như thế lại không, rồi nung đúc cho tất cả làm thành một bài học chung.

Dựa vào đó, chúng ta rất dễ thấy phương pháp là một điều hữu ích là cần thiết. Ích lợi của phương pháp là giúp cho người học khỏi tổn công, tổn của, mất thì giờ tự mình rờ rẫm lấy lối đi trên đường-tiến, là chỉ cho người học biết tránh lối lầm, biết nhận thấy lối lầm nơi kẻ khác, nhất là giao vào người học cái bí quyết hoàn thành công việc phải làm một cách vững vàng, tốt đẹp, và hiệu quả.

Về môn sử học cũng thế.

Kinh nghiệm của các sử gia, qua nhiều thời đại, lăn lộn trong nghề truyền đạt chân lý của thời sự quá khứ, đã vạch ra cho người chép sử một đường lối làm việc tiện ích và hữu hiệu. Đường lối này gọi là phương pháp sử học. Người chép sử, mà chép theo phương pháp, chẳng những sẽ tránh được nhiều sai lạc, mà còn tiết kiệm được nhiều thì giờ, nhiều

công phu, và đi đến kết quả mong muốn. Trái lại, người chép sử thiếu phương pháp, chắc chắn sẽ phải sờ soạng hoài mãi, phải tự xẻ lấy lối đi trong khi tra cứu, và như thế, sẽ phải mệt nhọc nhiều, mà không tiến được bao xa.

Sử học tại Việt Nam ngày nay, phần nhiều, xét ra cũng còn ở trong tình trạng thiếu phương pháp. Có lẽ chúng ta cũng có thể đem áp dụng vào trình độ chép sử của đa số học giả chung quanh chúng ta bây giờ những lời Langlois và Seignobos nhận xét về tình trạng ở Pháp nửa thế kỷ về trước. Các ông viết :

Quả thế, những kẻ dấn thân vào ngành sử học, đa số bước vào mà không hiểu tại sao mình lại vào, không bao giờ họ bận tâm tự hỏi mình nó năng khiếu gì về việc học sử hay không, đôi khi họ không biết cả đến sử học là gì nữa. Thường thường, người ta chọn môn sử học với những lý do hết sức vớ vẩn, ví như, vì ở trường thấy khá về sử, hoặc là vì cảm thấy một mối duyên tình lãng mạn nào đó đối với quá khứ, như thiên hạ quen nói về Augustin Thierry, có khi vì người ta lầm tưởng rằng sử học là một môn tương đối dễ. Cổ nhiên những kẻ sai đường lạc lối đó phải được khai quang và thử thách.

Thực ra, sử học không phải là một việc dễ. Nghề chép sử chính là một nghề khó khăn, nó đòi phải có tài năng đã rồi, mà còn đòi phải có công tâm và công phu. Một người xộp nổi không thể nghiên cứu sử, vì nghiên cứu sử, cần phải có kiên nhẫn nhiều. Một người có óc đảng phái không thể nghiên cứu sử, vì nghiên cứu sử cần phải nói tất cả sự thật. Một người bất tài không thể nghiên cứu sử một cách thành công, vì người đó sẽ không thể trình bày kết quả mình một cách khả quan để kẻ khác thêm đọc. Để thấy rõ sự khó khăn của việc học sử, chúng ta chỉ nên nhớ rằng sử học vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật.

Viết những bài « Phương pháp sử học » sau đây, chúng tôi không phải chỉ muốn khai quang và thử thách những kẻ lý luận sai lạc về nghề chép sử, như Langlois và Seignobos nói đó, mà thôi, mà chính là để giúp đỡ những ai có thiện chí, có can đảm, tìm hiểu về ngành sử học, và nhất là đưa đường cho những kẻ có năng khiếu muốn chọn sử học làm một nghề riêng.

Vì được quan niệm như thế, nên các bài đăng tải sau đây sẽ nói một cách đại cương về tất cả các giai đoạn của phương pháp sử học, không đề cập đến những lý thuyết dông dài hay những chi tiết phức tạp. Những kẻ muốn khảo cứu sâu rộng về từng giai đoạn, cần phải đọc đến những sách chuyên môn hơn.

1.— Địa vị sử học

Sử học đã xuất hiện rất sớm trên đường khai trí của loài người. Những hình thức đầu tiên của văn chương, như ca dao, vè vãn, văn bia, phần nhiều đã được quan niệm và cấu kết để phục vụ lịch sử. Người xưa sở dĩ dùng các hình thức văn chương đó là cốt để ghi lại những sự việc đã xảy ra.

Đàng khác, khi tác tác phẩm về luân lý, triết lý, chưa thành hình để đào tạo con người, lịch sử đã được đem sử dụng trong việc dạy dỗ. Người ta dùng gương người trước để làm mô phạm cho kẻ sinh sau. Thật sự, chẳng những vậy, mà ngay từ thời cổ, lịch sử đã được lưu ý đến một cách đặc biệt, được lưu ý để cho người đời có một nếp sống tốt hơn. Nhờ được lưu ý lâu đời như thế, ngày nay, mặc dầu tính cách đôi khi khô khan của nó, lịch sử đã thành một môn học quan trọng, một khoa học. Chúng ta thử định vị trí của khoa học này, xem nó nằm đâu trong các khoa học của loài người.

Nói chung, các khoa học đều tìm hiểu về con người, hay về những gì có liên quan đến con người. Lược qua, chúng ta thấy có thần học, góp nhặt những kiến thức về thế giới siêu hình, có triết học, dạy về do lai, cứu cánh con người cùng về lối suy luận, hiểu biết v.v... có các môn học về thế giới hữu hình, thế giới trong đó con người sinh sống, như vạn vật học, vật lý, hóa học... Nhưng, các ngành này chưa bao hàm sử học.

Trong các ngành học của con người, còn có một ngành khác hết sức quan trọng, đó là ngành nghiên cứu về phương diện xã

hội của con người. Thật thế, con người sinh ra là để sống tập thể, sống trong xã hội. Hễ sinh ra, là con người bị đẩy vào trong một hoàn cảnh văn hóa, trong một thể chế chính trị, trong một tình trạng kinh tế, và trong một bầu không khí đạo đức nào đó. Tìm hiểu về con người sống trong xã hội như thế, có các khoa học xã hội, và chính trong các khoa học xã hội này, người ta thấy có khoa sử học, tức là khoa được nói đến cách riêng trong các bài sau đây.

Ngoài khoa sử học, các khoa học xã hội gồm có các khoa kinh tế học, chính trị học, xã hội học. Mục đích của các khoa học xã hội là truyền thụ cho thế hệ sau kho tàng kinh nghiệm của các thế hệ trước. Các khoa học đó cho biết do lai cùng tiến trình hình thành và hoạt động của các thể chế con người về phương diện sống chung với nhau, mỗi khoa theo một đường lối riêng, nêu rõ các đặc điểm và khuynh hướng của các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế, trong thời quá khứ, để con người có thể hiểu rõ và giải quyết các vấn đề thuộc về cùng các loại đó trong bước đường hiện tại và tương lai.

Về các khoa học xã hội, nên có mấy nhận xét chung.

Trước hết, cần phải nhớ rằng, các khoa học xã hội đã từ lâu ăn lấn lên nhau, chằng chịt lấy nhau, trong việc khảo sát con người sống trong xã hội. Sở dĩ các khoa học đó giẫm phải chân nhau vậy, là vì tất cả đều có một đối tượng chung — con người trong xã hội, — và có một phạm vi thời gian chung — từ thái cổ cho đến ngày nay. Vì các khoa học đó chia nhau cùng một đề tài như thế,

nên không một khoa học nào trong các khoa học đó có thể chiếm đoạt một cách riêng rẽ độc quyền về con người sống trong xã hội. Mỗi khoa học xã hội đều quan trọng, nhưng chỉ quan trọng một cách tương đối đối với vấn đề, và không một khoa học nào có thể vỗ ngực tự hào rằng mình nắm toàn bộ vấn đề. Thuyết Mác-xít, lấy kinh tế làm sức mạnh độc nhất điều khiển con người sống trong xã hội, chính là phạm vào chỗ hàm hồ quá trớn đó.

Điểm thứ hai cần phải ghi nhận, đó là tiếng khoa học, khi nói về các khoa học xã hội. Người ta thường quan niệm rằng khoa học nhất thiết phải là những hệ thống kiến thức dựa vào trên những cái gì cân lường được, đo đạc được. Nhưng, sự thực, không phải chỉ có thế giới hữu hình mới có khoa học. Những môn như luân lý học, tâm lý học, cũng là những khoa học. Ở đây, khi nói đến các khoa học xã hội, tiếng khoa học không phải được dùng theo ý nghĩa chặt chẽ của nó, như khi chỉ về các khoa hóa học, vật lý học, v.v... nhưng theo nghĩa rộng và chung của nó, tức là một kiến thức có hệ thống về một đối tượng nhất định. Như thế, sử học, kinh tế học, xã hội học, chính trị học, đều là khoa học cả.

Các khoa học xã hội lại có điều chung này nữa, là khi khảo sát con người sống trong xã hội, các khoa học đó không đứng về phương diện triết lý để đi tìm những nguyên nhân tuyệt đối, hay nguồn gốc sáng thủy, mà chỉ bằng lòng với những lý do gần gũi, trực tại, nghĩa là những gì nghe được, thấy được, biết được, có liên quan hoặc gần, hoặc xa, với vấn đề. Sử

gia, hay kinh tế học, hay nhà chính trị học, hay nhà xã hội học, được coi như là đã có một triết lý nào đó về con người, trước khi những người đó đề cập đến vấn đề con người sống trong xã hội. Đôi khi họ để lộ nhân sinh quan của họ ra trong tác phẩm họ viết, và thường họ dùng nhân sinh quan đó để làm căn bản cho luận lý của họ.

Điểm cuối cùng đáng chú ý về các khoa học xã hội, là các khoa học đó, với mục đích thâm nhập kinh nghiệm của nó, vẫn có phận sự làm giàu cho kho tàng kiến thức của con người, chứ không phải thuộc về hạng các môn bộ có bản tính rèn luyện. Nó không đào tạo, nó chỉ mách bảo. Các khoa học đó dự tưởng rằng trí óc của con người dần dần vào nghiên cứu nó đã trải qua một cuộc huấn luyện đầy đủ để có thể thâm nhập và xử dụng kiến thức nói chung, và nay nó đem kiến thức đến cho.

Nhưng, nếu phận sự chính của các khoa học xã hội không phải là làm cho trí óc có một khuôn khổ và mãnh lực phát triển, thì nó vẫn có công nhiều trong việc giúp đỡ để đào tạo trí óc, bằng cách di dưỡng trí óc cho khỏe mạnh, thăng bằng, dồi dào và hữu ích. Dầu sao, các khoa học xã hội cũng chỉ là những môn bộ miêu tả, làm giàu thêm cho trí óc, chứ không thể thay thế được những môn bộ có bản tính rèn luyện trong các chương trình giáo dục.

Đã nhận xét chung về các khoa học xã hội, trong đó có sử học, nay thử nhìn kỹ hơn vào địa vị của sử học trong các khoa học xã hội đó.

Như đã nói, các khoa học xã hội có chung cùng một đối tượng, là khảo sát

con người sống trong xã hội, nhưng thế không phải là phủ nhận rằng mỗi khoa học xã hội vẫn có những đặc tính của nó, bởi vì mỗi khoa học xã hội phải trình bày một khía cạnh riêng của đời sống con người trong xã hội. Không phải là mỗi khoa học xã hội có thể tách biệt ra khỏi nhau, tự mình đầy đủ lấy cho mình, nhưng mỗi khoa học xã hội có một cái nhìn vào con người không giống với các khoa học xã hội khác, và vì vậy lịch sử không phải là kinh tế học, hoặc chính trị học, hoặc xã hội học.

Lại, người ta sống trong hiện tại nên dễ có khuynh hướng dồn tất cả chú ý vào hiện tại. Các khoa học xã hội, chỉ trừ sử học, thường cố gắng giải quyết các khó khăn đang xảy ra trước mắt. Nhà kinh tế học cố làm sao tìm được phương pháp để làm cho dân chóng giàu, nhà xã hội học cố làm sao tìm được phương pháp hàn gắn các vết thương do tranh chấp, chia rẽ gây nên, ngõ hầu người đời được sống với nhau đoàn kết, yên vui, nhà chính trị học cố làm sao tìm được phương pháp để bảo toàn được tự do dân chủ và làm cho guồng máy hành chánh được vận chuyển điều hòa, mạnh mẽ. Vì cố gắng như vậy, nên khuynh hướng chú ý vào hiện tại dễ bành trướng một cách không kiểm soát, khiến nhà kinh tế học, xã hội học, chính trị học, có thể sao nhãng quá khứ, là chỗ hiện tại bắt nguồn, và như thế, làm cho chính hiện tại không thể giải thích được, không thể hiểu được.

Người ta phải ý thức quá khứ để cải tiến hiện tại.

Để giúp các học giả vừa nói khỏi sa nặng vào khuynh hướng quá sùng thượng hiện tại, lịch sử cung cấp cho họ một kiến thức xác quả về quá khứ. Nhờ lịch sử, tức là khoa học về thời sự quá khứ, các khoa học xã hội khác sẽ giữ được mức thăng bằng giữa hiện tại và quá khứ, và do đó, tạo ra được một viễn ảnh đúng đắn về con đường phải đi. Đó là lý do tại sao các khoa học xã hội khác phải liên quan một thiết với lịch sử. Một trong những phương pháp các khoa học đó phải dùng, đó là phương pháp sử học, tức là một hệ thống các nguyên tắc, luật lệ, giúp một cách hữu hiệu cho việc thu thập tài liệu của thời sự quá khứ, đánh giá các tài liệu đó, và trình bày chân lý lịch sử cho đúng đắn, đầy đủ và sáng sủa.

Chẳng những lịch sử duy trì các khoa học xã hội khác lại trong ý nghĩa quá khứ cần thiết, mà lịch sử còn là nguyên liệu cho các khoa học đó dùng. Khi thuật lại thời sự quá khứ, lịch sử] phô bày một cách vô tư, ra trước mắt các nhà nghiên cứu chính trị, xã hội, kinh tế, tất cả kho tàng kinh nghiệm loài người tích trữ được, từ đời thượng cổ cho tới ngày nay. Muốn làm việc, chính trị học, kinh tế học, xã hội học, phải cần đến các sự kiện mà lịch sử đã thu thập lại, đã liên kết với nhau bằng sợi dây nhân quả, và trình bày một cách mạch lạc.

Nói tóm lại, sử học không phải có giá trị riêng của nó như là một môn trong các khoa học xã hội, mà còn là khoa nhập môn cho các khoa đó nữa. Vì vậy, phương pháp sử học sẽ nói đến trong các bài sau, chẳng những là cần thiết cho sử gia, mà còn cần thiết cho tất cả mọi người theo đuổi các

khoa học xã hội, để họ có thể tự mình tìm tòi và đánh giá các tài liệu họ phải dùng đến.

Nay đem sử học so sánh với từng khoa học xã hội một để nêu rõ một số tương quan cần phải biết.

Sử học và xã hội học giống nhau về đối tượng, tức là con người sống trong xã hội. Nếu sử học trùm phủ mọi hoạt động của mọi giai đoạn của con người, không bỏ sót một hình thái nào mà không xét đến, thì xã hội học cũng quan tâm đến mọi lĩnh vực hoạt động của con người, không khinh rẻ một hình thái nào. Nhưng hai khoa học không phải hoàn toàn giống nhau. Chỗ hai khoa học khác nhau là đang khi lịch sử bao hàm cả phạm vi thời gian từ thái cổ cho đến hiện đại, sử học vẫn nhấn mạnh vào những gì đã xảy ra hơn là những gì hiện có, còn xã hội học cũng chú ý đến tất cả thời kỳ của sử học, nhưng lại nhấn mạnh vào những gì hiện có hơn là những gì đã xảy ra. Hai khoa học còn khác nhau ở chỗ lịch sử thường tách biệt các biến cố để có thể thấy rõ sự kiện hư thực, trong lúc đó xã hội học tìm cách tổng hợp để cho biết ý nghĩa. Một đảng sử học chăm chú vào cụ thể, nêu lên một việc xảy ra tại một nơi, trong một thời nhất định nào đó, đảng kia, xã hội học lại để ý đến những nét giống nhau nơi các sự kiện hơn là những nét khác nhau.

Chính trị học cũng đi rất gần với sử học và xã hội học. Có người đã gọi chính trị học là khoa xã hội học nghiên cứu riêng về xã hội người công dân, và, đã lâu đời, người ta cũng thường cho chính trị là tất cả đối tượng của lịch

sử. Trong các thế hệ trước đây, nhiều người nghĩ rằng vết sử chỉ là trình bày lại nguồn gốc, tiến trình và kết quả của các cơ cấu chính trị, cùng nói đến những vai chính trên chính trường. Làm như vậy, kể ra họ có lý một phần nào, nhất là trong những thời quân chủ. Sự thật, trong bức tranh xã hội, chính trị vẫn cung cấp những nét nổi nhất. Nhưng nếu chỉ chăm chú vào đó đến nỗi quên những biến chuyển trong quảng đại quần chúng, thì đó là một quan niệm quá hẹp hòi về lịch sử, vì lịch sử phải để ý đến tất cả những gì đã xảy ra có quan hệ đến con người sống trong xã hội.

Dẫu vậy, khi nói chính trị không phải là tất cả lịch sử, là không phải chủ trương tách biệt hẳn hai môn đó ra. Có người, vì muốn phản bác phong trào muốn « dồn lại một » của các thế hệ trước, nên cố bưng chính trị học ra khỏi lịch sử. Đối với họ nghiên cứu chính trị, chỉ là khảo sát lý thuyết về quốc gia, về bốn phận của người cầm quyền, của người dân, về ích lợi của chính thể dân chủ v.v... mà không còn đặt quốc gia, hay nhà cầm quyền, hay chính thể dân chủ vào trong bối cảnh lịch sử của nó. Chính trị học như vậy sẽ thiếu mất thực tế và thiên về mộng tưởng.

Nhưng nếu chính trị không phải là tất cả lịch sử, thì kinh tế cũng không phải nốt. Tại sao ? Là tại kinh tế không bao hàm tất cả hoạt động của con người sống trong xã hội, mặc dầu kinh tế vẫn đóng một vai trò quan trọng trong các hoạt động đó. Kinh tế học, tức là khoa học về những nỗ lực của con người để thỏa mãn những nhu cầu vật chất. Nó là một trường quan sát bao la về thời giờ và

NGUYỄN PHƯƠNG

công lao người ta bỏ ra để có cơm ăn, nhà ở, áo mặc, để có thuốc men, có giáo dục, có trò tiêu khiển... Ngăn ấy kể ra cũng phức tạp lắm, nhưng chưa phải là tất cả hoạt động của con người. Hơn nữa, các hoạt động kinh tế còn tùy thuộc chính trị, tín ngưỡng, thiên nhiên v.v... Do đó, nhà viết sử không được quá chú trọng vào kinh tế, cũng như nhà kinh tế phải cần nhiều đến tài liệu do lịch sử cung cấp.

Tóm lại, không sâu xa như triết học, không siêu việt như thần học, không cụ thể như vật lý, hóa học, môn sử học luôn luôn đi đôi với hiện tượng con người sống trong xã hội, lượm lặt lấy kinh nghiệm, tất cả kinh nghiệm, của con người đó, làm thành một kho tàng quý báu và cần thiết cho con người.

NGUYỄN-PHƯƠNG

Kỳ sau : Ý nghĩa Lịch sử.



- Chân lí không phải của riêng ai, và không ai được độc quyền về thiện chí đi tìm chân lí.
Saint-Exupéry
- Mùa đông rét mướt, tùng bách vẫn xanh ; mưa gió tối tăm, gà trống vẫn gáy.
Khuyết-Danh
- Trên thế gian, không có một thứ nước chấm nào sánh được với cái đối.
Cervantès
- Con người vô lí là con người không bao giờ thay đổi.
A. M. Barthelémy

SÁCH THỜI MỚI

- THƯ NHÀ *truyện của Võ-Phiến* **38 \$**
- HẸM BỐN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ
truyện của Xtê-phan Vai, do Tràng-Thiến dịch **22 \$ (Hết)**
- TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI
tiểu luận văn học của Tràng-Thiến **42 \$**
- GUỒNG MÁY
truyện của Giảng-Pôn-Xac, do Trần-Phong-Giao dịch **48 \$**

Mua sỉ, do nơi các nhà phát hành :
Sống-Mới, Nam-Cường, Á-Châu, Khai-Trí

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50 000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Dạo
 - ĐÀ-NẰNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ** **NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

tim về âm lạnh của dĩ vãng

● TRẦN-KIM-THẠCH

Bạn S... thân mến,

MÙA Thu năm nay, tôi lại sắm
nắm quần áo lạnh, đi ngược lên miền
bắc Anh-quốc để dự khóa Hội-Thảo
Quốc - Tế về Cổ-Khí-Hậu (Internat-
ional Congress on Palaeoclimates) với
đồng-nghiệp và đàn anh khác từ bốn
phương trời họp tại thính-đường của
Viện Đại-Học Newcastle upon Tyne,
nằm giữa Đô-Cách-Lan và Anh.

Họ họp nhau lại để thảo-luận về các
khí-hậu cùng những biến-chuyển của
chúng trong dĩ-vãng. Khách bàng-
quang chắc sẽ lấy làm lạ, không hiểu
tại sao lại có những người đem sợi tóc
chê làm tư. Họ ngồi trong gian phòng
âm cúng và đủ tiện-nghỉ của Thực Tại
mà hồn thì phiêu-dạt nơi đồng phủ
tuyết xa xưa. Họ tự hỏi ngày trước,
nơi vị-trí của nước Việt ta hiện nay,

tại sao khí hậu lại giống như Âu-Châu,
tại sao có lần sinh-vật của miền địa-
cực lại sống trong ranh-giới vùng xích
đạo. Họ lại còn hỏi rằng cách đây mấy
trăm triệu năm, Mỹ-Châu mưa nắng
mấy mùa, rừng lầy của Âu-Châu, Á-
Châu và Úc-Châu có rậm rạp không
và gió nơi sa-mạc miền Nam Mỹ mạnh
yếu ra sao, thổi từ đâu sang đây ?

Giờ thì hãy mời bạn cùng tôi theo
dõi bài khảo-cứu của E.A. Bernard
(Louvain, Bỉ) nói về cổ-khí-hậu. Từ
khi được thành-lập cách đây trên năm
nghìn triệu năm, Địa-cầu là một hành
tinh được nhiều ưu-đãi trong Thái-
dương-hệ. Nó hứng nhiệt-năng của
Mặt Trời trên khắp mặt và nhờ sự
vận chuyển theo hình bầu-dục chung
quanh vầng Thái-dương mà nó phân-
phát nhiệt-năng ra khắp nơi. Tuy-
nhiên sự phân-phát này không đều

TÌM VỀ ẨM LẠNH CỦA DĨ VĂNG

đạn ; theo một định-luật linh-động hơn của vũ-trụ, nên có mùa, có cách biệt về nhiệt-độ cũng như về ánh sáng, những điều này làm cho khí-quyển (atmosphère) và thủy-quyển (hydrosphère) biến - chuyển cùng tiền - hóa không ngừng trong không gian và thời gian. Những biến-chuyển ấy được cụ thể hóa bằng các hiện-tượng về khí-hậu mà ta thường gọi là khí-tượng đó bạn ạ. Kết quả của khí-tượng là tạo nên trên mặt đất nào là bờ bể, nào là sông ngòi, thác, suối, hang động ; nào là băng-hà, ao hồ, thung-lũng, đèo, triền. Lại còn giúp cho chỗ này có rừng cây, chỗ nọ trũng thưa, chỗ kia sa-mạc khô nóng mà gió cát hay bão tuyết không ngớt dày xéo. Khí tượng còn phân ra nơi này mưa nhiều, nơi kia đông khô cỏ cháy, nơi nọ bùn lầy nước đọng quanh năm. Không biết bao nhiêu là hình-ảnh. Bạn biết không, mỗi một ảnh hình đó, mỗi một cảm-giác ẩm lạnh đó, Thượng Đế đã cho ghi vào mặt đất. Không còn gì lạ lùng cho bằng thấy một mặt đá bùn còn giữ nguyên vẹn các dấu hừng của một trận mưa cách đây 120 triệu năm, tương tự như ta hiện đang thấy trên bãi bùn của bờ bể Gò-Công. Chúng ta không cần phải bay nhanh hơn ánh sáng để đuổi kịp các hình ảnh đó ngoài vũ trụ, như Einstein đã từng khuyên theo thuyết tương đối của ông, vì chúng ta có thể theo Jules Verne để đi sâu vào lòng đất rồi.

Bạn đã khen ngợi cảnh hùng vĩ của các băng hà (glaciers) trong vùng Pro-

vence, Jura hay Himalaya, nhưng Bạn đâu có biết rằng trong quá khứ, còn có những băng hà vĩ đại gấp mấy lần như thế nữa, mà các chất bùn đã hóa thành đá trải khắp các lục địa ngày nay.

Giáo sư J. J. Bigarella (Ba-Tây) tiếp theo, mời chúng ta đi viếng một sa-mạc Sahara nằm ở Nam-Mỹ, cách đây độ 200 triệu năm. Cát xưa kia trắng và được gió mài nhẵn thín đã hóa thành đá cứng, tạo nên các dãy núi cao ngất. Nhưng trong các lớp đá ấy, những kiến trúc tầng tích (structure de stratification) không thể dấu nổi tông tích của chúng đối với cặp mắt sắc bén của nhà địa chất. Các kiến trúc ấy chẳng những cho ta biết nguồn gốc sa mạc của cát, mà còn cho ta biết hướng và sức mạnh của gió. Ôi, những trận bão cát kỳ dị làm sao. Thời ấy, một luồng gió rất mạnh thổi phía dưới đường Xích-đạo, từ Đông sang Tây. Khi đến khoảng Tây-Nam xứ Ba-Tây thì xoáy mạnh một vòng rộng hơn cả bán đảo Ấn-Độ Chi-Na, đoạn lờ lững về Tây, quay một vòng nữa ngoài khơi xứ Chí-Lợi rồi lại đảo ngược trở lại miền Đông. Cứ thế mà tạo ra một vùng áp lực cao ở giữa Phi-Châu và Nam-Mỹ, một vùng thấp ở Tây-Nam Ba-Tây và một vùng cao nữa trên Thái-Bình-Dương.

Tính khoáng hay khoáng chất cũng có thể dùng để báo cho ta biết khí hậu, nhiệt độ và độ ẩm của quá khứ. E. D. McKee đã trình bày mọi lý do tạo nên các đá màu đỏ.

Oxyt sắt và nhôm là hai khoáng-chất tạo nên màu đỏ trong khí-hậu nóng và ẩm thấp. Những đụn cát ở Phan-Thiết, trước đây màu trắng, không kém cát ở Bà-Rịa hay Thuận-An, nay trở thành màu đỏ ối, vì các chất sắt trải qua bao nhiêu năm trong khí-hậu nóng và ẩm của vùng nhiệt-đới, đã hóa thành oxyd. Theo lý-luận trên đây vùng Tây - Âu, Tây - Bá Lợi-Á, Tây-Nam Úc-Châu, đều có khí-hậu nóng và ẩm. Là thật. Không biết Địa-cấu của thời Đê-Vôn (Dévonien) cách đây, non 350 triệu năm có nằm lật ngang hay không mà vùng ôn-đới ngày nay đã từng là vùng nhiệt-đới của ngày xưa. Sau phần này, tôi sẽ trở lại điểm đó. R. Krausel (Đức) lại đề-nghị nên suy-diễn khí-hậu trong các lớp than đá. Theo giáo-sư thì thực-vật tạo ra than đá ngày nay, ngày xưa đã từng sống trong những môi-trường hết sức đặc-biệt. O. Braitsch (Đức) thì dùng phương-pháp địa-hóa-học (méthodes géochimiques) để tìm ra nhiệt-độ kết-tinh của đá bốc hơi (évaporites). Bạn đi về Long-Hải, thường có dịp thấy các ruộng muối nằm hai bên đường khi vừa ra khỏi Bà-Rịa. Các lớp nước mặn, sau khi được đưa vào ruộng thì bốc hơi dưới ánh sáng nóng của mặt trời, làm cho độ mặn càng ngày càng tăng. Đến một lúc nào đó nước khô hết thì các thứ muối đều kết-tủa xuống và người ta rửa rồi đem ra dùng. Trong hiện tại, các hồ nước mặn như Salt Lake ở Mỹ, Caspienne ở Trung-Đông đều có sự kết-tủa của muối. Nếu các loại muối này bị vùi lấp lâu ngày sẽ hóa ra đá bốc hơi trong đó có muối

mỏ (Sel gemme). Braitsch đã tìm được cách biệt tích xác nhiệt-độ làm cho muối kết tủa trong quá-khứ. Nếu biết nhiệt-độ đó rồi thì biết được nhiệt-độ của nước và nhiệt-độ chung của môi-trường.

Nhiều giáo-sư khác lại dùng địa khai (fossil) tức là những sinh-vật đã hóa thành đá. Nhiều sinh-vật hiện sống như san-hô, có một môi-trường sinh-hoạt đặc-biệt, như nước phải ấm cỡ 18 độ bách-phân. Biết như vậy rồi, Fischer tìm cách ứng dụng vào một vài loại san-hô xưa. Điều này không có gì mới mẻ, nhưng tựu-trung giới-thiệu cho ta thấy rằng hễ có một phương-pháp nào dùng được là nhà địa-chất-học nắm lấy ngay.

Sự dùng các địa khai không mấy khi trúng hay đáng tin cậy, vì như bạn biết, sự sống rất phức tạp, sinh vật không hẳn theo các định luật cứng rắn của lý, hóa. Chúng tìm cách thích nghi hay thay đổi môi trường. Việc dùng các khoáng chất đưa ta gần với kết luận vô tư hơn, nhưng không cho biết kết quả một cách chính xác. Tưởng con đường đi tìm khí-hậu xa xưa đã bị nghẽn ở đây, nào ngờ một nhóm bác-học Mỹ tìm ra một chiếc hàn-thử-biểu nguyên - tử. Giáo - sư Lowenstam đã áp dụng nguyên tắc của Urey (1947) về thương số $0,18/0,16$ để đo nhiệt độ của quá khứ một cách trực tiếp. Sau 10 năm khảo cứu và thí nghiệm với một số lớn sinh vật hiện sống trong các nhiệt độ rõ rệt, ông ta nhận thấy các vỏ sò ốc là những xương cốt đáng tin cậy nhất. Ông đem

phương pháp này áp dụng cho các bể thời Thạch - Thán và Phần - Kỳ. Ông tìm ra được những con số quý báu sau đây : bể Thạch-Thán lạnh trung bình $7^{\circ}7$ lúc đầu, sau đó lên dần đến 20° rồi 24° ; bể Phần - Kỳ, từ 18° đến 28° . Dem những số này thử lại với tất cả các hiện tượng khác, như hiện tượng băng hà hồi ấy, thì thấy rất hợp, hơn cả những nhiệt-độ dự đoán khi xưa. Khi xưa, nhà địa chất đã có một đồng hồ nguyên tử để đo tuổi của các lớp đá thì nay lại có thêm một chiếc hàn-thử-biểu nữa.

Những khảo - cứu - gia khác như Fischer, Craig, Durham, v. v. . . thì đặc biệt chú trọng đến sắc thái sinh hoạt của sinh vật trong những môi trường mà ta biết hết điều kiện. Thí dụ Fischer chủ trương rằng sở dĩ một số sinh vật bị tiêu diệt hẳn trong cuối thời Thạch-Thán là vì nước bể thời bấy giờ hóa ngọt quá độ. Sinh vật quen với nước mặn không thích nghi với hoàn cảnh mới kịp thời nên bị đào thải tức khắc. Spejelbneas (Na-Uy) nhận mạnh đến sự di cư của sinh vật để tránh hoàn cảnh không thuận tiện hay nguy hiểm. Ông đã lấy ví dụ nơi sự di chuyển của hải sinh dọc theo bờ bể Na-Uy, cách nay chừng non một triệu năm. Ông lại đề nghị xét lại trong quá khứ xa hơn nữa có những cuộc di chuyển như thế không, vì điều này rất quan trọng cho cách định tuổi tương đối của các lớp đá. Lâu nay, hễ hai lớp đá cùng chứa một loài địa khai thì được xem như cùng tuổi. Nay nếu

có sự di chuyển như thế thì nguyên tắc căn bản trên đây bị xáo trộn. Hai lớp đá cùng chứa một loài địa-khai nếu ở xa nhau quá, như Á-châu với Úc-châu, biết đâu không cùng một thời kỳ.

Đến ngày thứ ba và cuối cùng, một vấn đề được đem ra thảo luận sôi nổi. Đó là sự tìm lại các chòm cực cũ của Địa cầu bằng phương pháp đo cổ từ trường (paléomagnétisme) của kim khí loại sắt. Câu hỏi được đặt ra từ xưa. Nhận thấy rằng trong quá khứ của quả đất, các loại đất đá hay sinh vật ngày nay chỉ tìm thấy nơi miền nhiệt đới, nhưng ngày xưa lại nằm trong vùng ôn đới. Để giải thích, Wegener năm 1912 đưa ra thuyết phiêu di lục địa (dérive des continents) Bạn có nhận thấy rằng trí tưởng tượng của con người mạnh mẽ đến bậc nào không ?. Tôi ví lục địa như một tảng đá khổng lồ. Nếu ta đem nó bỏ vào trong một bể thủy ngân thì theo luật Archimède, tảng đá phải nổi trên thủy ngân, như gỗ thông nổi trên nước vậy. Lớp lỏng nằm bên dưới các lục địa đã được chứng minh có thật, và mật độ cũng lớn hơn lớp đá cầu tạo nên lục địa. Vì thế mà lục địa trôi lênh dênh như chiếc bè vô-định. Khi hai lục địa gặp nhau thì đùn đáy biển lên thành núi. Khi một lục địa bị tách rời thì có bể sâu tạo ra ở giữa. Wegener dùng cách tìm lại từ trường cũ của chất sắt chứa trong đá xưa và do những sai biệt (differences) với từ trường ngày nay ông suy diễn ra đoạn đường đi của lục

địa. Trước khi từ nạn trong một cuộc thám du để đo từ trường gần vùng Greenland (cực Bắc), Wegener đã khám phá ra rằng xưa kia, Nam-Mỹ và Phi-Châu vốn cùng là một lục địa. Sau trôi đi, và bởi tại một phần trôi mau, một phần trôi chậm, mà lục địa này tách đôi ra. Ngày nay, châu Á và châu Mỹ đang trôi ngược chiều nhau càng ngày càng gần.

Như vậy, nếu thuyết này đúng thật thì lục địa ngày xưa nằm trong vùng nhiệt đới có thể đã trôi vào trong vùng ôn đới. Hoặc trái lại. Sự ích lợi của thuyết này là tránh giải thích sự di chuyển các vùng khí hậu bằng cách cho rằng quả đất đảo ngược, đảo xuôi. Chính vì chỗ đó mà công cuộc khảo cứu của Wegener hiện được tiếp tục. Ví dụ Briden và Irving (Úc) nhắc lại

rằng Schmidt tìm ra một Bắc địa cực (Pôle Nord) trong thời chu la (cách nay 180 triệu năm) nằm ở hướng đông Tây-Bá-Lợi-Á chứ không cùng nằm một chỗ như ngày nay. Nếu đem đặt địa cực ấy lại chỗ của địa cực ngày nay thì ta sẽ thấy Việt-Nam nằm khoảng Tây - Tạng hay Tân - Cương, trong vùng ôn đới vậy.

Theo dõi các cuộc bàn cãi như thế, thật không còn gì thích thú cho bằng. Dù rằng hiện nay, chưa ai dám quả quyết mình đúng Sự Thật, dù rằng các chuyên gia ấy có thể xem mình như những người mù đi rờ voi, hay có thể giải thích lầm sự kiện, nhưng cái chí phân đầu để đi đến Sự Thật khiến cho bất cứ ai dự khóa hội thảo đều cũng say mê cả.

TRẦN-KIM-THẠCH

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY ◊ LOẠI DỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE **NATIONALE** **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

35 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM

135, Đại-lộ **NGUYỄN-HUỆ**
(ex Charner)

Téléphones : 21 902 — (3 Lignes)

22 797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vitheh Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543

B.P. 129

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en : O. F. C. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Diễm sách

DOÃN-QUỐC-SỸ

Tên sách : Khảo luận về ngữ pháp
Việt-Nam

Nhà xuất bản : Đại học Huế

Tên tác giả : Trương-Văn-Chỉnh và
Nguyễn-Hiến-Lê

TỪ ngày tiếng Việt được dùng làm chuyên ngữ trong mọi ngành, người nào được dịp thử thách tiếng mẹ đẻ trong ngành chuyên môn của mình cũng đều ý-thức rằng Việt ngữ quả là một ngôn ngữ phong phú và uyển chuyển, có thừa khả năng là một ngôn ngữ truyền bá văn-hóa (*une langue de culture*), nhưng tiếc thay ý-thức đó vẫn như dựa vào trực-giác mà có, nhiều khi lại muốn nhuộm vẻ huênh-hoang của thứ tình cảm ái-quốc cực đoan, chỉ vì các học giả của chúng ta chưa khởi thảo được một cuốn văn pháp hoàn toàn đầy đủ làm minh chứng. Các vị đó có nghiên-cứu về chính tả Việt, về ngữ pháp Việt, nhưng tất cả những tác-phẩm đã biên khảo đều chỉ nghiên-cứu về một khía cạnh nào của Việt ngữ, hoặc nêu có tính cách toàn diện (nghiên-cứu từ âm thể qua từ ngữ đến từ loại, cú pháp) thì lại quá hời hợt. Thành thử khả năng tiếng Việt

thì ai cũng trực cảm thấy là có thừa, mà mang ra ánh sáng tất cả những khả năng đó, hệ-thống hóa tất cả những khả năng đó, thì chưa có tác-phẩm nào làm nổi. Hai ông Trương-Văn-Chỉnh và Nguyễn-Hiến-Lê là hai tác-giả đã có công đi tiên phong trong việc nâng cao mọi công trình khảo cứu Việt ngữ lên thành một tòa nhà hân hoi, chứ không phải chỉ những nền móng rời rạc, cùng những vôi gạch lỏng chông đây đó. Chỉ riêng thiện chí đã thực-hiện đó, đủ khiến chúng ta tiếp nhận tác-phẩm của hai ông với tất cả niềm hân hoan mến trọng. Huống chi nữa ngành nghiên-cứu ngữ pháp vốn là ngành khô khan, và người quyết tâm đi vào đường đó vắng vẻ làm sao.

•
* *

Sách dày trên 700 trang, khổ 15X23, chữ *romain* to sáng sủa.

KHẢO LUẬN VỀ NGŨ PHÁP VIỆT-NAM

Không kể phần mở đầu, trong đó hai tác-giả trình bày quan niệm và phương-pháp của mình trong việc nghiên-cứu này, cuốn sách gồm năm phần.

PHẦN THỨ NHẤT

Hai tác-giả nghiên-cứu qua về các âm thể Việt, rồi nghiên-cứu kỹ về cách câu-tạo của từ kép. Cuối phần này, hai tác-giả mang lại một danh-từ mới : NGŨ, và so-sánh từ kép với ngữ.

PHẦN THỨ HAI

Hai tác-giả trình bày quan điểm tổng-quát của mình về sự phân chia tác dụng của mỗi từ trong câu ra thành :

từ tính : (căn cứ vào ý nghĩa của tiếng).

từ vụ : (căn cứ vào chức vụ của tiếng trong câu, tức là cú pháp).

Việc phân chia ra từ tính và từ vụ cũng là do sáng kiến của hai ông Trương, Lê.

Chương nói về từ tính (chương V kể từ trang 149) hai tác giả biện minh vì sao mình chọn hai danh từ mới thay cho hai danh từ cũ. Hai ông đã chọn :

Thế từ thay cho *danh từ* ở những sách văn phạm cũ.

Trạng từ gồm cả những tiếng mà ngữ pháp Pháp mệnh danh là *verbe*, *adjectif qualificatif*, và *adverbe de manière*

Hai tác giả lại phân chia ra từ vụ chính (ứng dụng cho thành phần câu),

và từ vụ thứ (ứng dụng cho bộ phận của thành phần câu, tức là từ kết — *groupe de mots*)

PHẦN THỨ BA

Sang phần này hai tác giả tập trung mọi tìm kiếm và suy tư của mình vào việc trình bày các từ vụ thứ (chức vụ của từng tiếng trong từ kết) và do đây phân định chúng thành các từ loại ; *lượng từ*, *loại từ*, *bổ từ*, *giải từ*, *phó từ*, *quan hệ từ* (trong các từ kết).

PHẦN THỨ TƯ

Sau khi đã phân định từ loại ở từng đơn vị từ kết như trên, hai tác giả nghiên cứu tới cách câu tạo *câu* với chức vụ từng tiếng trong *câu* (từ vụ chính). Từ vụ chính khác với từ thứ ở chỗ nào, những tiếng nào chỉ dùng cho từ vụ chính, những tiếng nào chỉ dùng cho từ vụ thứ, những tiếng nào dùng cho cả hai...

Sau cùng, hai tác giả đưa ra một lễ lỗi mới, hợp lý hơn, để phân tích câu Việt ngữ.

PHẦN THỨ NĂM

Trong phần cuối cùng này, hai tác giả xét những ảnh hưởng ngoại lai đến với Việt ngữ (Trung - Hoa với Pháp là chính) : ảnh hưởng về từ ngữ và ảnh hưởng về văn chương tức là về lời hành văn.

• •

Trên đây, tôi tóm lược đại cương tác phẩm. Tôi thấy mặc dầu còn những khuyết điểm mà tôi sẽ nêu ở phần nghi vấn dưới đây, mặc dầu về

cách phân định từ loại — nhất là về những phó từ, quan hệ từ và trợ từ — còn đòi hỏi nhiều cố gắng nữa mới đạt được sự minh bạch mong muốn, nhưng cuốn khảo luận này vẫn là cuốn khảo luận về ngữ pháp Việt kỹ càng nhất từ xưa tới nay, một « tập đại thành » thông minh tất cả những tinh hoa của những bước trước, cộng thêm những khám phá mới mà hai tác giả đã dày công suy cứu trong bao nhiêu lâu.

Tất cả những ý kiến tham khảo trong và ngoài nước đều được trình bày đầy đủ để minh chứng cho lập luận của tác giả ; tất cả những danh từ cũ hoặc mới — nhất là mới — đều được định nghĩa thật rõ ràng đầy đủ theo nguyên tắc chính danh của Không-Từ (1), trước khi được sử dụng thực sự vào việc để đạt ý kiến.

Sau đây là vài ý kiến nhận xét của tôi về cuốn khảo luận trên.

Tôi thoạt xin nêu một số ưu điểm phần lớn đều là sáng kiến của hai ông.

1.— Hai ông Trương-Văn-Chỉnh và Nguyễn-Hiền-Lê là những tác giả đầu tiên đã phân chia dứt khoát hai tác dụng của mỗi từ :

Từ tính : tác dụng theo ý nghĩa.

(1) Vấn đề chính danh là vô cùng quý giá, nhất là trong giai đoạn đầu của việc xây dựng nền quốc học này. Hẳn cũng vì tôn trọng nguyên tắc « chính danh » mà hai ông gồm cả các loại đại danh từ vào thể từ. Vì nói « Tất cả chơi ». Ai ở ngoài đó ? thì tất cả chỉ chính tất, và ai chỉ người nào đó chưa biết, chứ có thay cho danh từ nào đâu mà gọi là « đại danh từ » ?

Từ vụ : tác dụng theo cú pháp.

Vì có sự phân chia dứt khoát này mà cách phân định từ loại về sau rõ ràng, khúc triết hẳn.

2.— Hai ông cũng là những tác giả đầu tiên đã cho du nhập vào ngữ pháp Việt hai ý niệm chủ đề và bán cú.

Ý niệm chủ đề hợp với tinh thần cú pháp Việt ngữ và Hán ngữ.

Ý niệm bán cú giúp cho việc phân tích câu Việt ngữ được dễ dàng minh bạch.

3.— Các từ loại : loại từ, lượng từ, khách từ, và nhất là về quan niệm thời gian khi nói đến bổ từ thời gian đều được khai triển rõ ràng.

4.— Những tiếng như ra, vào, lên, xuống... được xếp vào loại trạng từ phụ trong những trạng từ đôi như chạy ra, nhảy vào, đi lên, đi xuống... (có những nhà nghiên cứu quá chịu ảnh hưởng Pháp ngữ, liệt những tiếng đó vào loại giới từ — préposition).

5.— Hai ông đã chăm chú khái niệm predicate của Anh mà cho du nhập vào ngữ pháp Việt khái niệm thuật từ.

6.— Hai loại giới từ (tđv P. préposition) và liên từ (tđv P. conjunction) được đồng nhất hóa vào một từ loại : Quan hệ từ.

7.— Hai ông dùng thể từ thay cho danh từ và đại danh từ để chỉ tiếng trỏ sự vật hữu hình hay vô hình, cụ thể hay trừu tượng. Nhưng khám phá lớn nhất của hai ông là đã chọn dùng trạng từ để thu gộp tất cả những tiếng mà về từ tính, các sách ngữ pháp Pháp

văn phân chia ra thành : *verbe* (ta vẫn dịch là *động từ*), *adjectif qualificatif* (ta vẫn dịch là *tính từ*) và *adverbe de manière* *phò từ thể cách*.

Các sách nghiên cứu về ngữ pháp Việt của chúng ta từ xưa đến nay vẫn vấp phải trở ngại lớn là điểm này ; các tác giả trước vì chịu ảnh hưởng sâu đậm ngữ pháp Pháp, rồi « khư khư mình buộc lấy mình vào trong », tất cả sa lầy ở điểm muốn áp dụng ngữ pháp Pháp và ngữ pháp Việt và tìm cách phân định đâu là *động từ*, đâu là *tính từ*... trong Việt ngữ. Nay dùng *trạng từ* để gồm những từ tính trên, vừa hợp với đặc tính Việt ngữ, vừa dễ cho sự giải thích phân định từ loại sau này.

8.— Khi phân tích câu, hai ông chủ trương phân tích ra :

— từ vụ *chính* ứng dụng cho thành phần câu.

— từ vụ *thứ* ứng dụng cho từ kết, bộ phận của thành phần câu.

Do đây khi tới giai đoạn phải phân tích câu, hai ông chủ trương phân tích ra từng thành phần câu, rồi từ thành phần chính đó phân tích dần dần đơn vị từ.

Phân tích như vậy vừa hợp với Việt ngữ, vừa hợp tinh thần khoa học. Khi đã nắm vững những danh từ, những định nghĩa thì dù một câu có phức tạp đến mấy, ta vẫn có thể dần dà gỡ mỗi đề phân tích rõ ràng đến đơn vị từ.

Và sau đây là những điểm tôi thấy cần góp thêm ý kiến :

1.— Định nghĩa chủ từ (trg. 495).

Chủ từ là tiếng trở sự vật làm chủ việc diễn tả trong câu.

Như vậy chủ từ bắt buộc phải là *thể từ* mới được.

Đề nghị : bỏ mấy tiếng « *trở sự vật* » trong câu định nghĩa, để cả *thể từ* và *trạng từ* cũng có thể làm chủ từ :

Chủ từ là tiếng làm chủ việc diễn tả trong câu. Như vậy thì câu « *Bán mình là hiền cứu người là nhân* » (Nguyễn-Du), những *trạng từ bán* (mình) và *cứu* (người) là chủ từ. Không cần phải suy ra rồi giải thích thêm « *bán mình* » là *sự bán mình* và *cứu người* là *sự cứu người* khiến ý văn mất vẻ linh động của *sự trạng bán mình*, *sự trạng cứu người* mà trở thành ngưng đọng với *sự kiện bán mình*, *sự kiện cứu người*.

2.— Câu và cú (trg. 479).

Hai ông xác nhận trong ngôn ngữ thông thường *câu* và *cú* đồng nghĩa với nhau, nhưng hai ông đề nghị dùng « *cú* » để trở thành phần câu phức tương đương với *P. proposition* mà chúng ta vẫn dịch là *mệnh đề*. Hai ông viện lẽ : *proposition* là một danh từ vừa dùng về môn luận lý học, vừa dùng về môn ngữ pháp học. Về luận lý học, trong cuốn DANH TỪ TRIẾT HỌC (Đại học Huế xuất bản năm 1958) đã dùng *mệnh đề*, thì về ngữ pháp học nên dùng *cú* cho khỏi lẫn (như người Anh dùng *proposition* cho luận lý học và *clause* cho ngữ pháp học).

Tôi nghĩ dầu sao thì danh từ « *cú pháp* » (tức *P. syntaxe* cũng đã phổ

thông trong dân chúng và tiếng « cú » luôn luôn gọi nghĩa là « câu » rồi, chẳng nên dùng trùng tiếng « cú » để chỉ tương đương với *P. proposition*.

Đề nghị : duy trì danh từ « mệnh đề » cũ, và nói : mệnh đề chính, mệnh đề phụ, mệnh đề đẳng lập... Danh từ « bán cú » giữ được vì hợp với loại mệnh đề mà hai ông nói, và có thêm danh từ « bán cú » cũng không gây rối ren gì đến tiếng cú là câu hiểu theo nghĩa thông thường.

3.— *Khách từ* (tr. 220) và *hình dung từ* (tr. 224).

Hai ông định nghĩa khách từ là bổ từ làm cho một tiếng trạng từ trọn nghĩa. Đặt câu hỏi, khách từ có thể thay bằng « ai » hay « gì ».

Giáp đánh Ất (đánh ai ?)

Nó có tiền (có gì ?)

Và hình dung từ là tiếng miêu tả tính chất của sự trạng. Vì tính chất hiểu theo nghĩa rộng (gồm cả tính tình, nét na, tư cách, hình thức, vẻ dạng, màu sắc...) nên những tiếng in ngả sau đây đều là hình dung từ :

Thuyền chạy vùn vụt.

Gió thổi ù ù.

Quyển sách này hay lắm.

Giáp đến đây luôn.

Bàn này dài hai thước.

Làng tôi cách tỉnh năm cây sô và những tiếng cực, tuyệt, tối, chỉ, rất, khá, khi... đều được xếp loại là hình dung từ.

Tôi thấy hai tác giả đã quá nới rộng phạm vi của hình dung từ.

Đề nghị :

Vẫn duy trì định nghĩa cũ của hình dung từ, nhưng « tính chất » hiểu theo nghĩa hẹp thường. Đặt câu hỏi, ta có thể thay hình dung từ bằng : làm sao, thế nào. Những từ đơn, từ kép, hoặc những tổ hợp chặt chẽ gần như ngữ, hoặc những từ kết miêu tả hình dung của sự trạng tương tự trong những tỉ dụ sau đây đều coi là hình dung từ :

Gió thổi lạnh. Lửa cháy đỏ rực. Hoa rụng như sao sa. Nước chảy tựa thác... (chú ý hai tỉ dụ sau có quan hệ từ như và tựa).

Còn những tiếng cực, tuyệt, tối, chỉ, rất, khá, khi, hơi... thì xếp chúng vào một loại phó từ, có thể mệnh danh là phó từ hàm lượng (tương đương với pháp *adverbe de quantité*).

4.— *Phó từ bị động* và *phó từ xác định* (tr. 586).

Theo hai ông, bị và được là phó từ bị động (của trạng từ) trong những tỉ dụ : Giáp bị đánh, Ất được khen.

Nhưng nói :

Giáp bị Ất đánh.

Giáp được thầy giáo khen.

thì bị, được không dùng để đổi sự trạng tác động thành sự trạng bị động. Trong trường hợp này Giáp là chủ đề và bị, được) làm phó từ xác định của trạng từ.

Tô nghĩ phân biệt như vậy quá tẻ nhạt, và cũng cầu kỳ quá. Bị và được trong hai tỉ dụ sau vẫn nên coi là phó từ bị động. Đây là cú pháp đặc biệt của Việt ngữ.

Người Pháp nói : « *Paul est frappé par Jean* » (Paul bị đánh bởi Jean).

Người Việt nói : « *Giáp bị Ất đánh* ».

So sánh hai câu : « *Ất đánh Giáp* » và « *Giáp bị Ất đánh* » ta thấy Giáp khách từ ở câu thứ nhất (câu tác động), chuyển thành chủ từ bị động ở câu thứ hai, rồi đến phó từ bị động (bị), rồi đến câu tác động, trừ khách từ (*Ất đánh*), vì khách từ đã thành chủ từ bị động.

Vậy ta có thể coi sự thành lập câu bị động đơn giản nhất ở Việt ngữ là :

Chủ từ bị động (khách từ của câu tác động) + *bị* + *câu tác động* (trừ khách từ).

5.— Trợ từ nghi vấn.

Hai ông đã định nghĩa *trợ từ* là tiếng không có thực nghĩa, giúp cho lời nói ý nhị, mạnh mẽ, linh hoạt thêm, hoặc cho lời nói khỏi cục cằn, cộc lốc. (tr. 180) Trợ từ gồm có :

Trợ từ cảm thán : *nhỉ, tá, ư, ru, a, ô, ồ* hay, *ô...*

Trợ từ hô hoán : *hỡi, ôi, bớ...*

Trợ từ ứng đối (để đáp lại hay báo ai cái gì) : *vâng ạ, nhớ nhé...*

Trợ từ nhấn mạnh vào một ý hay chỉ để kéo dài hơn : *Vậy thì hồng, vội gì mà...*

Tôi đề nghị thêm :

Trợ từ nghi vấn :

chưa, chẳng, không chứ... (chuyên đứng sau). Tỉ dụ :

Anh ăn cơm *chưa* ? Đi coi hát *chẳng* ?
Đồng ý *không* ?

— *Có phải, phải chẳng...* (chuyên đứng trước). Tỉ dụ :

Có phải anh ấy đi vắng (*không*) ?.

Phải chẳng anh ấy trượt ?.

— *Sao* (vì sao), *hả* (hử, hờ),... (hoặc đứng trước, hoặc đứng sau). Tỉ dụ :

Sao (vì sao) anh làm thế ? Anh nói thật *sao* ?

Hả, anh bảo gì ? Anh bảo gì, *hờ* ?

Dưới đây là những lý do tôi nêu lên để biện minh :

a) *chẳng, không*.

Hai tác giả cho rằng hai tiếng *chẳng, không* là hai phó từ phủ định, thường hay đi với phó từ xác định có để dùng trong câu hỏi. Lẽ ra ta nói :

Anh có đi chơi hay không đi chơi ?
nhưng ta rút ngắn dần câu nói :

Anh có đi chơi hay không ?

Anh đi chơi không ?

Vì suy luận như vậy nên hai tác giả vẫn liệt *không* và *chẳng* vào hàng phó từ, và đó là điểm chúng tôi không đồng ý với hai tác giả.

b) *chứ*.

Với tiếng *chứ* cũng vậy, chúng tôi chủ trương phân biệt :

Anh đến đây để làm việc *chứ* không phải để nói chuyện (quan hệ từ).

Anh có làm việc chứ? (trợ từ).

c) Sao, làm sao, có sao, . . .

Chúng tôi đồng ý với hai tác giả ở những điểm :

Sao, (gì, thế nào) cũng được! (chủ từ)

Anh (làm) sao thế? (thuật từ)

An làm sao, nói làm sao bây giờ (bổ từ) nhưng trong những tí dụ sau đây chúng tôi coi sao là trợ từ nghi vấn :

Anh ấy không nghe sao?

Sao (vì sao) anh không lại?

Cứ theo hai tác-giả thì trong câu : « Vì sao hai anh không lại? » thì vì sao là bổ từ nguyên nhân. Nhưng theo định nghĩa của hai tác-giả thì « Bổ từ nguyên nhân là tiếng diễn-tả nguyên nhân hay duyên có sinh ra một hay nhiều việc » (tr. 565), vì sao đâu có diễn-tả nguyên-nhân hay duyên có mà chỉ hỏi nguyên-nhân, hỏi duyên có.

Tôi không gọi là bổ từ nghi vấn, vì bổ từ thì hàm ý bổ túc nghĩa, mà những tiếng vì sao, làm sao, vì đâu, bởi đâu... không hề bổ túc nghĩa cho câu mà chỉ giúp ta đặt thành câu hỏi. Do đó tôi chọn trợ từ nghi vấn.

Như vậy định-nghĩa « trợ từ » nên sửa lại như sau :

« Trợ từ là tiếng hoặc giúp cho lời nói linh hoạt, ý nhị đỡ cục-cấn cục-lắc, hoặc để đặt thành câu nghi-vấn, cảm thán... »

6.— Là

Hai tác-giả nêu tí dụ :

A) Hôm nay/mồng bốn tháng giêng.

B) Hôm nay là mồng bốn tháng giêng.

và cho rằng thêm tiếng là, nghĩa câu B không khác câu A. Nói câu A, thường ta ngừng, dù chỉ ngừng rất ít, sau chủ từ hôm nay. Câu B, tiếng là là trợ từ thay chỗ ngừng ấy, và có giá-trị như dấu « = » để phân cách chủ từ với thuật từ cho rõ ràng hơn.

Chúng tôi thấy không thể coi là là trợ từ, mà phải coi là trạng từ trong những câu tương tự. Chúng ta liệu có thể bỏ tiếng là trong câu « cái đó là gì? » để nói « cái đó gì? » được không?

Tiếng là của Việt ngữ trong những câu trên hoàn toàn tương đương với *P. être* và *A. to be*.

Chúng tôi rất đồng ý với Sweet, khi ông này chủ trương phân biệt *grammatical predicate* (thuật từ theo ngữ pháp) và *Logical predicate* (thuật từ theo ý tứ). Trong câu tiếng Anh « *Today is sunday* » *is* là *grammatical predicate*, *sunday* là *logical predicate*.

Cũng vì vậy tôi thấy rằng ông Bùi-Đức-Tĩnh, tác-giả VĂN-PHẠM-VIỆT-NAM, đã có lý khi ông cho tiếng là (trong câu « *Người ấy là bạn của chúng tôi* ») là động từ thụ trạng, và từ kết bạn của chúng ta là thuộc trạng của chủ ngữ. Nếu phải phân tích câu : « *Hắn là bạn chúng ta* », tôi chủ trương phân-tích như sau :

Chủ từ: Hắn

Thuật từ là { là : trạng từ thụ trạng.
bạn chúng ta : thuộc
trạng của chủ từ.

Còn việc căn cứ vào ý nghĩa câu mà phân định « là trạng từ thụ trạng » với « là trợ từ » tưởng không có gì là khó :

Là trợ từ dùng để nhấn mạnh :

Ốt nào là chẳng cay. Ai là không biết tên lưu manh ấy.

— *Là trợ từ dùng để kéo dài lời nói :*

Anh làm tôi sợ sợ là,

*
* *

Trên đây là mấy nhận xét về đề nghị tôi nêu lên nhân đọc cuốn « Khảo luận về ngữ pháp Việt - Nam » của hai ông Trương-Văn-Chinh và Nguyễn-Hiến-Lê. Tôi cũng biết suốt trong sáu, bảy năm ròng, hai ông nghiên ngẫm về ngữ pháp Việt, cân nhắc kỹ những điều đã viết, tùy nghi xem lúc nào nên chú trọng vào hình thức; lúc nào nên chú trọng vào nội dung mà phân định từ loại, nhưng trong khi tuần tự xây dựng tác phẩm đó hai ông hẳn đã phải khép mình theo một hệ thống suy luận để khỏi sa vào hồ tự mâu thuẫn, mà đã khép mình trong một hệ thống thì tránh sao khỏi đôi chỗ máy móc, cứng nhắc. Hơn nữa,

tuy cuốn khảo luận của hai ông ra đời sau rốt và là tập đại thành các bước đi trước, nhưng hai ông lại mở ra một phương pháp phân định từ loại tài kỳ hãn. Giá trị tân kỳ của tác phẩm là điều không ai phủ nhận, nhưng giá trị tuyệt đối của những điều tiên phong đó chắc hai ông cũng còn chờ đợi dư luận để điều chỉnh. Những điều tôi nêu trên đây chính là để góp ý kiến với hai ông để hai ông cùng các học giả khác lưu ý trên bước đường xây dựng nền quốc học và hoàn bị việc hệ thống hóa ngữ Pháp Việt.

Một lần nữa tôi biểu lộ cảm tình nồng nhiệt khi đón nhận tác phẩm văn học khá đồ sộ này, chứng tỏ biết công phu và thiện chí của hai ông Trương-Lê. Với thái độ chân thành tìm kiếm không ngừng ấy, với những cơ sở quý giá đã đạt được ấy với bước tiến khá dài đã thành tựu ấy, tôi ước mong rằng hai ông cũng đã nghĩ đến việc khởi thảo những cuốn ngữ pháp căn bản để dùng ở cấp tiểu học và hai năm đầu trung học (đệ thất, đệ lục) thay cho những tài liệu văn phạm giáo khoa hiện nay đã quá cũ kỹ lạc hậu.

DOÃN-QUỐC-SỸ

- Tiền bạc trong tay một kẻ hà tiện, cũng giống như những thức ăn mà xưa kia người ta dọn trước người chết vậy.

Marie-Joseph de Gaston

- Có những tác giả viết với ánh sáng, có những người khác viết với máu, với phún thạch của núi lửa, với đất, với bùn, với bụi kim cương và sau cùng có những người viết với mực. Những người đáng thương xót là những kẻ chỉ viết với mực mà thôi.

Pierre Revercy



*MILOVAN
DJILAS*

LAI - SINH
lược dịch

ĐÀM THOẠI VỚI STALINE

(xem tiếp B.K. từ số 158)

III) THẤT-VỌNG

Tôi gặp Staline lần thứ ba, vào đầu năm 1948. Đây là lần hội đàm lý thú nhất. Nó diễn ra vào những ngày trước cuộc đoạn tuyệt giữa Nga-Xô và Nam-Tur. Trước cuộc hội đàm đã xảy ra một số biến cố có sự quan trọng quyết-định và nhiều đổi thay trong mỗi bang giao Nga-Xô — Nam-Tur.

... Tôi nghĩ đã đến lúc nói vài lời về thái độ của Staline đối với các phong trào cách mạng, nhất là đối với cuộc cách mạng Nam-Tur. Người ta nhớ rằng trước đây, trong những giờ phút quyết định nhất, Mạc-Tur-Khoa đã thoái lui, không ủng hộ các cuộc cách mạng ở Trung-Quốc, Tây-Ban-Nha và Nam-Tur. Người ta có căn cứ

để cho rằng nói chung, Staline chống lại các cuộc cách mạng ấy ngay trên nguyên-tắc. Nhưng điều đó không phải đúng hoàn-toàn. Thật ra, ông ta chống các cuộc cách-mạng kia trong một số điều kiện nào đó, nghĩa là trong chừng mực những cuộc cách-mạng nầy đi ngược lại quyền lợi quốc-gia Nga-Xô. Hình như ông ta cảm nhận theo linh tính rằng những trung-tâm cách-mạng thiết-lập bên ngoài nước Nga có thể phương-hại đến ưu-thế của Mạc-Tur-Khoa trong phong-trào Cộng-sản quốc-tê. Và đây là việc đã xảy ra thật. Cho nên ông ta chỉ ủng-hộ các phong-trào cách-mạng trong chừng mực ông có thể kiểm-soát được các phong-trào ấy; khi nào ông cảm thấy không còn có thể

kiểm-soát thì ông lại bỏ rơi. Tôi cho rằng chính-phủ Nga Xô hiện nay cũng tiếp tục chính-sách ấy không có đổi thay nào quan yếu.

Mọi sự trong nội bộ nước Nga đều chịu sự chi phối của các ý-tưởng và của con người Staline ; ông ta không thể hành-động khác đi đối với những biên cò, sự kiện, xảy ra bên ngoài nước Nga. Về chính sách đối nội, ông ta xem sự tiến bộ ; sự tự do với các quyền lợi và đặc-lợi của một chính-đảng duy nhất là một ; bởi vậy, về chính sách đối ngoại ông không thể hành động khác hơn là tranh đấu cho quyền bá chủ của Nga-Xô. Không nhất thiết rằng hệ sinh ra danh gia từ đệ thì người ta có nhiều đức tính. Staline ngự trị trên đất nước của ông bằng chế độ độc tài đảng trị, bằng bộ máy thư lại, bằng tinh thần hẹp hòi, nô-lệ, gây ra cho người Nga, nhưng rồi chính ông trở nên kẻ nô-lệ của tình hình xứ sở ông như thế.

Người ta phải thừa nhận một chân lý : không kẻ nào có thể tước đoạt tự do của kẻ khác mà khỏi mất tự do của chính mình.

...Sở dĩ tôi đi Mạc-Tư-Khoa lần này là vì có sự bất đồng ý kiến giữa Nam Tư và Nga Xô về vấn đề Albanie.

Cuối tháng 12 năm 1947, Mạc-Tư-Khoa đánh sang Nam-Tư một bức điện trong đó Staline yêu cầu một ủy viên ban chấp hành trung ương Đảng đến Mạc-Tư-Khoa để dung hòa chính sách của hai chính phủ trong vấn đề Albanie. Staline nêu đích danh tôi, yêu cầu sang bên ấy.

Sự bất hòa giữa Belgrade và Mạc-Tư-Khoa đã biểu lộ trong nhiều trường hợp nhưng nó tỏ rõ hơn sau khi Nauk Spiru, ủy viên ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Albanie, tự tử.

Trước khi Naku Spiru tự hủy cuộc đời, những mối liên lạc giữa Albanie và Nam-Tư đã phát triển trong tất cả địa hạt. Nam-Tư gửi sang Albanie càng ngày càng nhiều chuyên viên về các bộ môn, Nam-Tư còn cung cấp thực phẩm cho Albanie, mặc dù chính Nam-Tư cũng thiếu ăn nhiều. Người ta đã bắt đầu thành lập những công ty gồm nhiều cổ phần. Hai chính-phủ cùng đồng ý cho rằng Albanie phải thống nhất với Nam-Tư, việc này sẽ giúp giải quyết vấn đề thiếu sò người Albanie ở Nam-Tư.

Naku Spiru, một con người mảnh khảnh, dễ cảm xúc, rất thông minh, bấy giờ điều khiển công cuộc kinh tế trong chính-phủ Albanie. Ông ta là người đầu tiên chống lại Nam - Tư. Ông mong muốn Albanie phát triển một cách độc lập nhưng thái độ của ông đã gây phản ứng mạnh mẽ không những trong nước mà ngay trong ban chấp hành trung ương Đảng Albanie. Đặc biệt ông ta vấp phải sự chống đối của Koci Xoxe, bộ trưởng nội vụ trong chính-phủ Albanie. (Koci Xoxe về sau này bị ám sát về tội thân Nam - Tư). Bấy giờ, Koci Xoxe nổi tiếng là người vững thế nhất trong Đảng, mặc dù Enver Hoxha, tinh tế hơn, khôn khéo hơn, là tổng bí thư Đảng và thủ tướng chính - phủ. Ngay cả Hoxha, cũng hứa theo chỉ trích Spiru, nhưng lập

trường của ông ta không rõ ràng. Spiru **đáng thương** cảm thấy bị cô độc, lại bị buộc tội quốc gia hẹp hời, và sắp bị khai trừ khỏi Đảng, bèn tự tử.

Cái chết của Spiru gây ra một điều **mà ông ta không hề tưởng tượng được**, thuở sinh bình : mỗi bang giao giữa Nam-Tur và Albanie suy kém. Tuy **nhân vụ Spiru được êm nhem**. Về sau này, sau sự đoạn giao chính thức với Nam-Tur năm 1948, Enver Hoxha **để cao Spiru tận mây xanh**, xem Spiru là anh hùng dân tộc. Nhưng bây giờ vụ này gây một ấn tượng nặng nề nơi giới hữu trách cao cấp của hai nước, ấn tượng mà người ta không thể nào xóa bỏ được, mặc dù người ta đã kết tội Spiru là khiếp nhược, là tiểu tư sản và nhiều tội trạng khác vốn đối đảo trong ngôn từ kết buộc của Cộng-sản.

... Việc chính phủ Nga-Xô mời một ủy-viên ban chấp-hành trung-ương Đảng Nam Tur sang để giải quyết mọi bất hòa về vấn đề Albanie được Belgrade hoan nghênh, mặc dù người ta chưa hiểu vì sao Staline lại khản khoản để cho tôi được phái đi Mạc-Tur-Khoa.

... Trong những ngày ở Mạc-Tur-Khoa năm 1946, Tito có cho Staline biết rằng tôi bị chứng nhức đầu. Staline mời ngay tôi đến thăm ông ta ở vùng Crimée và nghỉ ngơi dưỡng sức tại đây. Bây giờ tôi đã không đáp lại lời mời vì một số lý do mà những lý do đáng kể nhất là lời mời này không do sứ quán chuyển đạt đến tôi và về phần tôi thì tôi xem đây là

hành động xã giao trong dịp Staline và Tito nói chuyện với nhau mà đề cập đến tôi.

Tôi lên đường đi Mạc - Tur - Khoa ngày 8 tháng 1 năm 1948 — hoặc một ngày gần kề ngày ấy — nếu tôi nhớ không lầm. Tôi ra đi với nhiều tình cảm phiền tạp : tôi vừa hãnh diện được Staline mời đồng thời tôi lại cảm thấy một cách lờ mờ, không giải thích được, rằng sự mời này không phải do tình cờ và cũng chẳng phải do thiện ý đối với Tito và ban chấp hành trung ương Đảng Nam Tur.

Belgrade không cho tôi huân lệnh hay chỉ thị nào đặc biệt. Và lại tôi cũng chẳng cần đến bởi vì với tư cách là một người thân thuộc trong nhóm lãnh tụ Nam Tur, tôi rất am tường vấn đề những mối liên lạc giữa Nam Tur và Albanie.

*
*
*

... Chỉ vài giờ đồng hồ sau khi chúng tôi đến Mạc-Tur-Khoa, trong lúc chúng tôi đang trò chuyện thân mật với đại sứ Nam Tur Wladimir Popovitch thì chuông điện thoại trên bàn giấy của ông này reo lên. Bộ-trưởng Ngoại-giao Nga-Xô nhờ hỏi xem tôi đi đường có mệt nhọc lắm không, vì Staline muốn gặp tôi ngay, nghĩa là ngay đêm đó. Một sự khản cấp như vậy rất hiếm hoi ở Mạc - Tur - Khoa ; những người Cộng sản ngoại quốc thường khi phải chờ đợi nhiều ngày, đến nỗi họ thường bảo nhau : « Mạc - Tur - Khoa, dễ vào, khó ra »

Dù sao, cho dù tôi có một nhọc, tôi cũng sốt sắng nhận lời mời của Staline. Các nhân viên phái đoàn nhìn tôi với một thái độ hân hoan trong đó lưỡng vường chút nào ghen tức. Popovitch và Todorovitch không ngớt căn dặn tôi không được quên những lý do khiến họ đến Mạc - Tư - Khoa ; trong thời gian đi đường tôi đã có thì giờ hiểu đến chi tiết những điều yêu cầu mà họ định trình bày với người Nga.

Tuy nhiên niềm vui của tôi đổi với cuộc hội đàm sắp tới không phải trọn vẹn vì chính sự mời gặp vội vàng như thế. Tôi vẫn thấy lo lo thê nào suốt cả cái đêm mà tôi mạn đàm với Staline và các lãnh tụ khác của Nga-Xô.

Như lệ thường, tôi được đưa đến điện Cẩm Linh, vào văn phòng của Staline, lúc 9 giờ tối. Staline, Molotov và Jdanov có mặt ở đây. Theo tôi biết, Jdanov, ở trong Chính trị bộ, giữ trách nhiệm về sự liên lạc với các đảng Cộng sản ngoại quốc.

Sau khi chào hỏi theo thủ tục, Staline đi thẳng vào đề :

— Sao đó ? Có những ủy viên ban chấp hành trung ương Đảng Albanie tự tử vì các đồng chí. Đây là điều rất phiền thật sự rất phiền !

Tôi bắt đầu giải thích :

— Naku Spiru chống lại với sự thống nhất Albanie và Nam - Tư. Ông ta bị cô độc trong ban chấp hành trung ương Đảng.

Tôi chưa trình bày hết thì Staline tuyên bố một câu làm cho tôi kinh ngạc.

— Chúng tôi không quan tâm đến Albanie. Chúng tôi đồng ý cho Nam-Tư nuốt Albanie.

Bây giờ ông ta xếp hai ngón tay của bàn tay phải lại gần nhau, đút vào miệng, ông ta như muốn nuốt mấy ngón tay ấy.

Tôi kinh ngạc đến lặng người vì cách diễn tả tư tưởng của Staline và cái cử chỉ của ông ta nhưng tôi không biết sự kinh ngạc ấy có hiện rõ trên nét mặt của tôi không. Tôi cố gắng làm ra vẻ xem đây là một trò đùa của Staline, một lời nói thú vị và thẳng thắn thông thường của ông ta. Và tôi còn tìm cách giải thích :

— Vấn đề không phải nuốt Albanie mà là thống nhất hai nước chúng tôi.

Nghe như vậy, Molotov buông một câu :

— Thì đảng nào cũng thế.

Và Staline nói thêm, đồng thời làm lại cử chỉ ban nãy :

— Đúng thế, tôi đã nói rõ là nuốt ; chúng tôi đồng ý với các đồng chí : các đồng chí phải nuốt Albanie và nuốt càng sớm càng hay.

Ngoại trừ sự việc đầy tính chất sâu độc dày dặn ấy, không khí tiếp xúc rất thân mật, nhiệt nồng. Ngay cả Molotov cũng đã nói những lời kia bằng một giọng hòa nhã pha chút

nào trào phúng, một điều vốn không thường có nơi ông ta.

.... Staline đột nhiên hỏi tôi :

— Còn Hoxha ? Người thế nào, theo ý kiến của đồng chí ?

Tôi tránh một câu trả lời quá rõ và thẳng thắn. Nhưng Staline nói và ý kiến mà ông ta bày tỏ cũng đồng một ý kiến với các lãnh tụ Nam-Tur nhận xét Hoxha.

— Một phần tử tiểu tư sản có quá nhiều khuynh hướng quốc gia.

Cuộc nói chuyện lâu không được 10 phút. Staline chấm dứt bằng một câu về vấn đề Albanie.

— Không có sự bất đồng ý kiến nào giữa chúng ta. Đồng chí hãy nhân danh chính phủ Nga soạn thảo một điện văn gửi cho Tito trên tinh thần ấy, ngày mai đưa bản thảo cho tôi.

Tôi ngại không hiểu rõ những lời của ông nên yêu cầu ông cho biết rõ ý kiến của ông lần nữa ; thì Staline lặp lại rằng tôi phải gửi cho chính phủ Nam-Tur một điện văn với danh nghĩa là chính phủ Nga gửi cho chính phủ Nam-Tur.

Bao lâu tôi đã nghĩ rằng đó là một biểu chứng về lòng tin cậy đặc biệt của Staline đối với tôi, đồng thời cũng là một bằng chứng về sự người Nga tán thành chính sách của Nam-Tur trong vấn đề Albanie. Nhưng qua ngày sau, khi soạn thảo bức điện, bỗng nhiên tôi sinh ngại rằng một ngày nào đó người ta có thể lợi dụng

điện văn này để chống lại chính phủ Nam-Tur. Cho nên tôi soạn thảo rất thận trọng và bức điện dự thảo như sau : « Djilas đã đến Mạc - Tur - Khoa hôm thứ Tư và trong cuộc hội đàm diễn ra ngày này, đã có sự thỏa hiệp hoàn toàn giữa chính phủ Nga - Xô và Nam-Tur về vấn đề Albanie ».

Điện văn ấy không hề được gửi đi, nó cũng không được vận dụng để chống chúng tôi, sau khi xảy ra những vụ chống nghịch giữa Mạc - Tur - Khoa và Belgrade sau này.

Phần sau của cuộc hội đàm dành cho những vấn đề không quan trọng lắm như việc chỉ định Belgrade làm nơi thiết lập trụ sở của Phòng thông tin quốc tế Cộng sản, vấn đề tờ báo, cơ quan ngôn luận của Phòng thông tin, vấn đề sức khỏe của Tito vân vân. Tôi vẫn tìm được dịp để nói trở lại về vấn đề viện trợ cho quân đội và kỹ nghệ chiến tranh Nam-Tur. Tôi nói cho Staline thấy rõ là chúng tôi đã gặp nhiều khó khăn với những đại diện Nga Xô ; những người này lấy cớ « bí mật quân sự » để từ chối, không giúp cho chúng tôi điều này, điều khác. Tức thì Staline đứng phắt dậy và la lên :

— Chúng tôi không có bí mật quân sự nào đối với các đồng chí cả ! Các đồng chí là một nước xã hội chủ nghĩa bạn mà chúng tôi giữ bí mật quân sự với các đồng chí sao ?

Ông ta đi lại bàn giấy của mình, điện thoại kêu Boulganine và truyền lệnh ngắn.

ĐÀM THOẠI VỚI STALINE

— Các đồng chí Nam-Tư đang ở đây, phải, phải đoàn Nam-Tư. Các đồng chí phải nghe họ trình bày những yêu cầu của họ.

Chúng tôi nói chuyện ở điện Cẩm-Linh gần nửa giờ. Sau đó, chúng tôi về biệt thự của Staline dự bữa cơm tối.

Chúng tôi ngồi trên xe hơi của Staline ; tôi thấy hình như đây là chiếc xe mà tôi đã đi cùng Molotov năm 1945.

Jdanov ngồi bên tay phải của tôi ở « băng » sau. Staline và Molotov ngồi « băng » phụ, đối diện với chúng tôi. Trong thời gian xe chạy, Staline đưa tay vịn đèn ở bờ xe, dưới có treo một chiếc đồng hồ bỏ túi. Kim chỉ gần 22 giờ. Tôi để ý đến cái lưng của Staline đã khòm xuống, cái ót xương xẩu, mái tóc hoa râm và làn nhăn của da cổ do cái cổ áo cứng của bộ quân phục thông chế gây ra. Và tôi nghĩ : đây là một trong những con người uy quyền nhất hiện nay và đây, những kẻ hợp tác với ông ta. Nếu bỗng nhiên một trái bom nổ gần chúng tôi, phân thân chúng tôi thành từng mảnh thì còn tai họa nào lớn lao hơn nữa. Nhưng ý tưởng đen tối ấy chỉ thoáng qua trong đầu óc của tôi. Nó bắt ngờ đến nỗi chính tôi cũng lấy làm kinh hãi. Với một nỗi niềm thương mến hòa lẫn chút nào đau buồn, tôi hình dung một Staline già cả, một vị cha già các dân tộc đáng người nhỏ bé mà tuổi tác chắt chững, suốt đời đã chăm lo, và hiện thời cũng còn chăm lo, cho sự thắng lợi

và nền hạnh phúc của tất cả giống người Cộng sản.

Trong khi chờ đợi những người khác, Staline, Jdanov và tôi đứng chân ở hành lang biệt thự, trước một bản đồ thế giới. Một lần nữa, tôi nhìn nét bút chì xanh vòng quanh thành Stalingrade và một lần nữa Staline để ý đến cái nhìn của tôi. Tôi thấy cái nhìn thăm dò của tôi làm Staline hài lòng. Jdanov cũng nhận thấy những lần mắt trao đổi giữa tôi và Staline. Ông ta bước đến gần tôi và giải thích :

— Đây vào thời kỳ bắt đầu trận Stalingrad.

Nhưng Staline thì lặng thinh.

Yếu như tôi nhớ không lầm, trong khi Staline bắt đầu tìm trên bản đồ vùng Koenigsberg — sắp được đổi tên là Kalinigrad — thì chúng tôi nhìn vào những thành phố phụ cận của thành Leningrad còn mang tên Đức từ thời Catherine. Staline thấy thế quay lại bảo Jdanov bằng một giọng quyết đoán :

— Hãy thay đổi cho tôi những cái này. Đèn bây giờ mà các thành phố còn mang tên Đức thì thật là phi-lý !

Jdanov rút quyển sổ nhỏ ghi lệnh của Staline. Molotov và tôi đi xuống phòng vệ sinh nằm ở tầng dưới đất của biệt thự. Trong khi đi, Molotov bắt đầu mở nút quần bảo :

— Chúng tôi gọi việc này là giờ hàng xuống trước khi cắt hàng mới lên.

Phần tôi, sự nhớ đến ngày tù tội dai dẳng mà mỗi con người bị bắt buộc không còn biết xấu hổ là gì, tôi bỗng thấy xấu hổ trước Molotov là một bậc đàn anh; tôi vào phòng vệ sinh và đóng cửa lại.

Đoạn chúng tôi trở lên phòng ăn. Nơi đây đã có Staline, Malenkov, Béria, Jdanov và Voznesensky.

Khi bắt đầu bữa ăn, có người — tôi nhớ là chính Staline — đề nghị với mọi người đoán xem hân thử biểu bên ngoài ghi bao nhiêu độ dưới không độ và mỗi người sẽ bị phạt phải uống một sô ly rượu ngang với sô độ sai biệt mà mình đã đoán. May cho tôi là khi còn ở khách sạn tôi đã nhìn hân thử biểu; tôi hạ thấp con sô độ xuống một ít, dựa vào sự thời tiết đã lạnh hơn chút nữa trong đêm. Cho nên tôi chỉ đoán sai có một độ. Tôi nhớ là Béria đã đoán sai đến ba độ và ông ta bảo cô ý đoán sai như thế để được uống rượu nhiều hơn.

Tiền đề của một bữa ăn như thế làm nảy sinh trong trí óc tôi một tà ý: những con người này sống khép mình trong một vòng thật hẹp chắc có thể bày đặt ra những duyên có phi lý hơn nữa để uống rượu, chẳng hạn thách nhau đoán xem chiều dài căn phòng có bao nhiêu thước hay chiều cái bàn có bao nhiêu phân. Và biết đâu họ không làm như thế? Dù sao, sự phân định sô ly rượu phải uống phạt tùy theo sô độ hân thử biểu đoán sai bỗng nhiên khiến cho tôi ý thức được đời sống ăn đặt

các lãnh tụ Nga, sự nhàn rỗi, sự phỉ lý trong cuộc đời của những con người này qui tụ chung quanh vị lãnh tụ của họ vốn đã thuộc về một thời kỳ quá vãng; nhưng đây là những con người đóng một vai trò quyết định về vận mệnh của loài người. Tôi nhớ lại rằng Nga hoàng Pierre le Grand buổi trước cũng đã tổ chức những tiệc tùng như thế, trong đó các thị thần cồ văn của ông ta uống rượu say bí tề, không còn biết đất trời, mà vẫn quyết định về số phận của nước Nga và dân Nga?

... Cuối bữa ăn, Staline đột ngột hỏi tôi vì sao không có nhiều đảng viên người Do Thái trong Đảng Nam Tư và vì sao sô ít đảng viên người Do Thái không giữ một vai trò quan trọng. Tôi giải thích rằng trước hết đó là vì không có nhiều dân Do Thái ở Nam-Tư, thứ nữa vì phần nhiều họ thuộc về thành phần trung lưu. Tôi tiếp:

— Người đảng viên duy nhất dân Do Thái là Pijade nhưng chính Pijade lại tự xem là người Serbie hơn là người Do Thái.

Staline ôn lại trí nhớ của mình:

— Pijade? Một người nhỏ bé mang kính? Đúng, tôi nhớ rồi, hẳn ta có đến gặp tôi. Hiện thời hẳn ra sao?

Tôi đáp:

— Đồng chí ấy là ủy viên ban chấp hành trung ương Đảng Nam Tư; đồng chí cũng là dịch giả quyển Tư bản luận.

Staline ngắt lời tôi bằng một giọng cười chua chát.

— Trong ban chấp hành trung ương của chúng tôi, không có dân Do Thái. Djilas, đồng chí cũng chống Do Thái phải chăng ?

Tôi hiểu lời nói và tiếng cười của ông ta theo một ý nghĩa khác, dường như ông muốn tôi nhận định bốn phận của tôi là phải chống Do-Thái. Tôi thấy đây là một hình thức biểu lộ tinh thần chống Do-Thái của chính phủ Staline và một thủ đoạn khiêu khích của ông nhằm đẩy tôi đến cái thế phải xác định thái độ đối với người Do - Thái, đặc biệt người Do-Thái trong phong trào Cộng-sản quốc-tế. Tôi mỉm cười và yên lặng. Thái độ này dễ dàng vì tôi chưa bao giờ chống Do - Thái và tôi chỉ biết phân chia người Cộng-sản ra làm hai loại : đảng viên xấu và đảng viên tốt. Rồi chính Staline cũng bỏ qua vấn đề nhiều kẻ này mau lẹ, có lẽ ông tự thấy hài lòng đã tỏ ra dày dạn sâu độc và khiêu-khích được người khác.

Ngồi bên trái tôi là Molotov, người ít lời, ngồi bên phải tôi là Jdanov, người rất già miệng. Ông này nói chuyện với tôi về mối liên lạc của ông với người Phần-Lan và ca ngợi người Phần Lan trả những khoản bồi thường chiến tranh rất đúng hẹn. « Tất cả đồ vật đều được giao đúng kỳ đều được phong gói kỹ lưỡng và đều có phẩm chất rất tốt ».

Jdanov kết luận :

— Chúng tôi đã phạm một sai lầm là không chiếm đóng Phần-Lan. Mọi sự đã được giải quyết êm xuôi nếu như chúng tôi làm việc ấy.

Molotov buột một câu :

— A ! Phần-Lan ! như một hạt đậu phụng vậy.

Vào thời kỳ ấy Jdanov thường gặp các nhạc sĩ. Ông ta đang sửa soạn một kỳ thi về âm nhạc. Ông rất mê ca kịch. Ông hỏi tôi :

— Ở Nam Tư các đồng chí có ca-kịch hay không ?

Ngạc nhiên, tôi đáp :

— Ở Nam Tư, chúng tôi tổ chức ca-kịch trong chín hi-viên khác nhau.

Nói như thế rồi tôi nghĩ : sao mà người Nga hiểu về xứ sở của mình ít ỏi đến thế ! Họ chỉ quan tâm đến xứ sở của mình trong chừng mực đó là một địa điểm trong bản đồ.

Jdanov là người duy nhất uống nước cam ở đây. Ông giải thích cho tôi hiểu là ông đau tim. Tôi hỏi :

— Nặng không ?

Ông nén một nụ cười và đáp với giọng chế giễu quen thuộc :

— Bất cứ lúc nào tôi cũng có thể chết bất ngờ nhưng tôi còn có thể sống dai lắm.

... Có hai vấn đề ám ảnh tôi từ bao nhiêu lâu rồi và tôi mong ước được Staline giải đáp. Vấn đề thứ nhất thuộc về lý thuyết : tôi không hiểu sự khác nhau giữa « nhân-dân » và « dân tộc » như thế nào, tôi đã

tìm trong sách vở Mác-Xít cũng như sách vở bên ngoài nhưng không có văn kiện nào giải thích về sự khác biệt ấy cả. Staline vốn nổi tiếng là một lý-thuyết gia nắm vững vấn đề dân-tộc. Tôi xin ông ta cho biết ý kiến sự khác nhau giữa hai ý-niệm nhân - dân và dân tộc như đã nói và tôi nhấn mạnh rằng trong tác-phẩm của ông bàn về vấn-đề dân tộc, xuất bản trước Đề nhất thể chiến, được xem như là một tài liệu lý thuyết rất có giá-trị, ông đã không đề cập đến vấn đề mà tôi băn khoăn.

Molotov lên tiếng trước, giải đáp câu hỏi :

— « Nhân dân » và « dân tộc » là một ý-niệm duy nhất và đồng-nhất.

Nhưng Staline không đồng ý. Ông bảo :

— Không, như thế phi lý.

Rồi ông giải thích một cách giản dị :

— « Dân tộc » là sản phẩm của chủ nghĩa tư-bản với những cá tính nhất định. Và « nhân dân » là gồm chung những người lao động trong một dân tộc nhất định, nghĩa là những người lao động cùng một ngôn ngữ, một văn học và một phong hóa.

Bàn đến quyển sách của ông « Chủ nghĩa Mác-Xít và vấn-đề dân tộc » Staline bảo :

— Đây là ý-kiến của Jlyitch (Lénine)

Vấn-đề thứ hai liên quan đến Dostoïevsky mà thời trẻ tuổi, tôi đã xem như nhà văn lỗi - lạc nhất hiện - đại. Trong thâm tâm, tôi không bao giờ

chấp nhận được những luận điệu Mác-Xít chỉ trách nhà văn này.

Trong văn đề này cũng thế, Staline giải thích một cách đơn giản :

— Dostoïevsky là một đại văn hào và cũng là một tên đại phản động. Chúng tôi không phổ biến những tác phẩm của Dostoïevsky bởi vì những tác-phẩm này gây ảnh hưởng xấu cho thanh-niên. Nhưng dù sao đây là một đại văn hào.

Chúng tôi bắt qua nói chuyện về Gorki. Tôi bảo rằng tôi xem La vie de Klim Sangim như tác phẩm quan-trọng nhất của Gorki, về các lý-thuyết trong đó, cũng như về sự mô tả sâu sắc cuộc cách mạng tháng mười. Staline không đồng ý, ông nói :

— Không, những tác phẩm hay nhất của Gorki là những tác phẩm ông ta viết trước đây nữa : La Ville d'Okurov và Foma Gordeev. Còn nói về sự mô tả cách mạng tháng mười trong Klim Sangim thì người ta thấy rất ít cách mạng và chỉ có một nhân vật bôn-sơ-vich ; Lintikov hay Lintov ?

Tôi sửa lại :

— Koutouzov còn Lintov là nhân vật khác hẳn.

Staline kết luận :

— Phải, Koutouzov. Cuộc cách mạng chỉ được mô tả dưới một cạnh khía thôi và không đúng lập trường nữa...

Tôi hiểu rằng Staline và tôi không thể thông cảm với nhau. Tôi đã có dịp biết ý kiến phê bình của những văn

gia lỗi lạc, họ đều đồng ý với tôi cho những tác phẩm mà tôi đã nói là những tác phẩm hay nhất của Gorki.

Cũng như mọi người ngoại quốc, tôi nói qua văn học Nga hiện đại và tôi ca ngợi sự phong phú của Chokhov. Staline nói :

— Bây giờ chúng tôi có những nhà văn hay hơn.

Ông ta kể ra hai tên, trong đó có một tên đàn bà. Cả hai tên đều xa lạ đối với tôi.

Tôi tránh không tranh luận về cuốn sách của Fadeev mà lúc đó đương bị đá kích là các nhân vật chính kém đáng tính — cả về cuốn Lịch sử triết học Alexandrov cũng đương bị chỉ trích vì những lý do khác hẳn cuốn trước : tính chất giáo điều, hơi hợt và tầm thường.

Jdanov nhắc lại một ý kiến của Staline về tập thơ tình của K. Simonov.

— Đáng lẽ người ta chỉ nên in tập thơ đó ra hai bản mà thôi : một cho chàng và một cho nàng !

Nói rồi ông ta cười một cách khiếm tốn để nhấn mạnh vào câu khôi hài đó trong khi mọi người cả cười.

Tôi đề ý rằng không có đêm nào mà tôi không có dịp chứng kiến sự thô tục của các nhân vật ở đây, nhất là của Béria. Người ta buộc tôi uống một ly rượu đặc biệt, thứ rượu nhiều chất hổ tiêu. Béria cười gằn và cất nghĩa cho tôi hiểu rằng thứ rượu này có ảnh hưởng bất lợi cho các hạch sinh dục. Muốn cho tôi hiểu ông ta

dùng những lời lẽ hết sức sòng sạo. Staline chăm chú nhìn tôi trong khi Béria nói. Ông ta tỏ vẻ sẵn sàng phá lên cười nhưng khi ông thấy tôi lộ rõ sự kinh ngạc vì lời lẽ của Béria thì ông trở nên nghiêm trang.

Staline cố tìm cách để cho cuộc nói chuyện có phần riêng tư và thân mật. Nhớ lại rằng năm 1946, ông có nhận với Tito mời tôi sang Nga, ông bảo :

— Tại sao đồng chí không đến Crimée ? Tại sao đồng chí khước từ lời mời của tôi.

Mặc dù đã chờ đợi bị hỏi như thế, tôi cũng thấy khó chịu, lấy làm lạ rằng Staline không quên việc ấy. Tôi giải thích :

— Tôi đợi sứ quán Nga chính thức đạt lời mời. Và lại tôi cũng thấy không nên làm phiền đồng chí.

— Đồng chí đùa ! Đồng chí sẽ không làm phiền tôi chút nào. Đồng chí không muốn đến đây thôi !

Staline đã thăm dò ý nghĩ của tôi vậy.

Ngay sau đó, ông ngồi thu mình lại, giữ một thái độ lạnh lùng và không nói gì nữa.

SẮP PHÁT HÀNH

THƠ TRẮNG

của ĐỖ-TẤN

do THỜI-MỚI xuất bản

... Staline chậm dứt bữa ăn bằng sự uông mừng Lénine.

— Chúng ta hãy uông đề nhớ đến Wladimir Jlyitch, vị lãnh tụ, vị thầy của chúng ta và người tiêu biểu tất cả đời với chúng ta. Chúng ta cạn ly một cách yên lặng và trịnh trọng. Nhưng say quá rồi, chúng tôi quên sự long trọng ấy đi ngay. Duy có Staline là giữ vẻ đứng đắn, nghiêm-nghị và u-buồn.

Chúng tôi rời bàn ăn nhưng trước khi chia tay Staline vắn đĩa hát. Ông bước vài bước theo điệu khiêu-vũ của quê hương ông và người ta thấy ông nhảy có điệu.

Nhưng ông dừng lại ngay và nói, bằng một giọng đầy cam chịu :

— Tuổi tác dần dần làm cho tôi suy yếu : tôi già rồi.

Nhưng những cộng sự viên hay nói đúng hơn những thị thần của ông nhao nhao lên cải chính :

— Không, không, không, vô lý ! Đồng chí còn trẻ lắm. Đồng chí nhảy rất hay. Vâng, đúng như thế, với tuổi của đồng chí mà đồng chí. . .

Sau đó Staline vắn một đĩa hát trong đó giọng ca của một ca-sĩ lại hòa tấu cùng tiếng chó sủa, chó tru. Ông ta cười ha hả nhưng khi thấy tôi tỏ vẻ không hiểu và khó chịu thì ông giải thích như để tạ lỗi :

— Dù sao, điệu hòa tấu này thật là thông minh, hết sức thông minh !

Mọi thực khách đều đứng phía sau Staline, sửa soạn ra về. Không có gì để nói nữa sau buổi tiệc rất dài này trong đó mọi việc đều được đề cập đến, ngoại trừ cái lý do buổi tiệc.

LAI-SINH



★ Người ta không thể không lo sợ khi người ta gây ra sự sợ lo.

Epicure

Đã phát hành thi tuyển :

RỪNG

Tiếng nói duy nhất của những người hai mươi

● Bản thường 28\$

● Bản đẹp 200\$

Các bạn yêu sách quý xin liên lạc :

— XUÂN-THAO : 39, Phan-Thanh-Giản, Đà-Nẵng

— PHƯƠNG-TẤN : 224, Bà Hạt, Saigon

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chieu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chieu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - YANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Lá thư Jérusalem

● TRẦN - VĂN - KHE

NG. xa cách,

Năm 1958, tại Ba-Lê, năm 1961, tại Tê-hê-răng (Téhéran) và Đông-Kinh, năm nay tại Jérusalem, mấy Hội-ng nghị âm-nhạc ấy thay đổi nơi họp, mà chủ đề và người tham dự quanh đi quẩn lại cũng bấy nhiêu. Nhưng mỗi lần, cái hồ chia rẽ nhạc Đông-Tây được lấp thêm, mỗi lần, nhạc Á-Phi bước thêm mấy nấc để tiến lên ngang hàng với các loại đại nhạc Âu-Mỹ.

Bạn có nhận được chương trình Hội-ng nghị và thấy qua các vấn đề được đem ra thảo luận. Xin hẹn với bạn lần sau, sẽ nói cho bạn nghe những điểm quan trọng trong lần họp này : tôi còn phải nghe những cuốn băng thu thanh mấy bài thuyết trình, sắp lại cho có thứ tự những ý kiến tôi đã trao đổi, trong hoặc ngoài hội nghị với các giáo sư, nhạc sĩ dự hội. Lần này, tôi chỉ ghi lại cho bạn vài điều nghe thấy lúc tôi viếng nước Israël, một quốc gia đã tuyên bố độc lập từ ngày 15 tháng 5 năm 1948.

Quốc gia Israël được thành lập từ năm 1948, nhưng dân tộc Do-Thái đã có một lịch sử gần 4000 năm, từ lúc nước Israël còn mang tên là Canaan, rồi đến Palestine. Chắc bạn còn nhớ tên vua David đóng đô tại Jérusalem, và vua Salomon con vua David đã nổi danh là một ông Vua công bình. Sau khi vua Salomon mất đi, quốc gia quân chủ Do-Thái bị chia ra làm hai phần : Juda và Israël. Dân tộc Do-Thái bao phen đã chiến đấu giành tự do : năm 586 trước Tây-lịch, Israël và Juda bị hai nước Assyrie và Babylone thôn tính, người Do-Thái bị lưu

đầy tại Babylone. Và sau đó mấy lần nổi lên chống lại với nước Syrie, với quân đội La-Mã (70 sau Tây lịch). Suốt mấy ngàn năm, dân Do Thái bị các dân tộc khác thay nhau đô hộ : Á-Rập (637-1072). Thổ-Nhĩ-Kỳ Seljoukides (1072-1096), Âu châu trong kỳ Thánh chiến (1099-1291), Mameluks (1291-1517) : Ottomans (1517-1917) và cả dân Mông Cổ trong năm 1260. Để tránh sự đàn áp và hiếp bức, người Do Thái đi ra nước ngoài, nhưng luôn luôn vẫn còn một số ở tại nước. Sau trận thế giới chiến tranh thứ nhất, Hội Quốc Liên giao cho nước Anh bảo hộ nước Palestine, Palestine là tên của quốc gia Do Thái từ thời quân La-Mã chiếm đóng. Vào năm 1914, người Do Thái còn sống rải rác khắp nơi trên thế giới ; tại Palestine họ chỉ được 100.000 người. Từ ngày tuyên bố độc lập đến giờ, người Do Thái khắp nơi đều trở về nước cũ để kiến quốc ; và hiện nay, trên một nước diện tích được 20.700 cây số vuông, có 2.232 300 dân gồm 2.069.000 Do Thái, 181.000 Hồi giáo, 51.000 Thiên chúa giáo, và 25.000 dân Druzes.

Nhìn vào địa đồ, bạn thấy quốc gia Israël chỉ là một lốm nhỏ mà chung quanh thì toàn là các nước Á-Rập ; phía Bắc Liban và Syrie, phía Đông Syrie và Jordanie, phía Tây Nam, Ai-Cập và Gaza. Và ở ba phía nước Israël đụng được biển : Tử Hải (Mer Morte) phía Đông, Hồng Hải (Mer Rouge) phía Nam, và Địa Trung Hải (Mer Méditerranée) phía Tây.

Khí hậu rất điều hòa, mùa đông không lạnh lắm. Mùa hè tuy hay hạn và nóng nhưng ở mấy nơi như Jérusalem trên đồi cao, từ lúc mặt trời lặn đến sau, có gió thổi mát và đêm ngủ phải đắp mền.

Quốc gia Israël là một nước mới thành lập, một nước đang lên về mọi mặt, có nhiều chuyện muốn nói cho bạn nghe, nhưng trong một bức thư không thể nói đủ về sử ký, địa dư, chánh trị, kinh tế về các tổ chức xã hội, tôn giáo, các trường học, các liên đoàn. Tôi chỉ ghi lại cho bạn vài nhận xét chung về phong cảnh và con người bên Israël.

Về phong cảnh, rất tiếc là vì vấn đề sức khỏe tôi phải về Pháp gấp, chớ không thì trong 3 ngày liền đi viếng tất cả các vùng, tôi sẽ có thể nói cho bạn biết cảm giác của tôi khi đi ngang sa mạc Judée hay dạo trên hồ Tibériade. Chương trình du lịch ấy vì tôi đau đã tan theo mây khói rồi. Tuy vậy, từ phi trường Lod ở vùng Lydda, gần thành phố Tel-Aviv, đến Jérusalem, xe ô tô chạy qua nhiều vùng, đồng bằng cỏ, đường núi có trên 60 cây số, xe lên đèo xuống ải, và dọc theo đường, tôi cũng thấy được hai hàng cây xanh gieo bóng mát cho người lữ hành trốn nắng, mấy đám xương rồng, nọc trụ khổng lồ đầy gai chơm chơm nhưng cũng có nhiều quả đỏ hồng mà trẻ con rất thích ăn. Hôm dạo phố ở Jérusalem, tôi thấy một cụ già bán trái xương rồng. Một cậu bé đến mua. Ông bỏ một trái ra,

lột vỏ, và cậu bé ăn cái ruột trông ngon lành ; tôi cũng nếm thử thấy nó mát mát, ngon ngọt như trái gùi bên nhà mà tôi quên mất tên, vỏ đỏ bên ngoài, còn bên trong ruột trắng có lấm tấm hạt đen như hạt é. Người bên này nói rằng dân Do Thái như quả ấy. Bên ngoài trông xấu xí và có gai góc, nhưng vào được bên trong con người của họ thì mới biết họ hiền lành, dịu ngọt. Hoa bên này màu sắc tươi đậm mà hương thơm cũng ngát ngào. Hôm mới đến Jérusalem, tôi tạm trú tại khách sạn của Y. M. C. A. (Hội thanh niên Tin-lành), sau buổi ăn chiều, tôi dạo mát trong vườn hoa trước cửa, mùi bông lài ở đâu phảng phất trong gió, làm tôi nhớ lại hương thơm trong vườn hoa của người cô thứ năm của tôi. Ban đêm trăng có vẻ sáng hơn bên Âu châu, nhưng cũng còn thua ánh trăng bên nhà. Ngoài phố, hai bên đường thừa thớt ánh đèn không sáng choang như ở các kinh đô Âu-Mĩ, đi bách bộ về phía mã vua David để ngắm trăng, cũng là một cái thú mà ít khi tìm được bên Âu Châu, trừ ra những người ở ngoại ô như tôi, may ra còn tìm được chút ánh trăng không bợn ánh đèn. Châu thành Jérusalem cất ở trên vùng cao-nguyên, có nhiều đồi. Khách sạn Eden ở trên một ngọn đồi. Hôm tôi dự tiệc do Đài phát thanh đài tại đây, lúc ra về, một người trong ban tổ chức gọi tôi lại để tôi nhìn mặt trăng vừa tròn, vừa to, màu vàng đậm. Lại nhứt là trăng tuy đã mọc cách xa chân trời mà vì đứng trên đỉnh đồi nhìn ra, thấy trăng rất thấp so với mặt đất. Đêm thì trăng sáng tỏ mà ngày thì trời xanh không gợn chút mây. Mặt trời nóng như đốt, nhưng thỉnh thoảng một cơn gió nhẹ thổi mát da. Và nhờ trong không khí ít có hơi nước, mà mình thấy dễ chịu chớ không phải lúc nào người cũng đầm mồ hôi. Phong cảnh tại Jérusalem không mỹ miều, không duyên dáng, không hữu tình, nhưng đổi thay theo ánh nắng và tùy từng nơi. Đi đến biên giới nước Jordanie nhìn xa thấy núi Ô-liu (Mont des Olives) nơi Đức Chúa Giê-xu sống lại, thấy núi Scopus với trường Đại-học Hê-bơ-ra-i-cơ (Université hébraïque) cất tận trên đỉnh, thấy nghĩa địa Do-Thái, tất cả các nơi mà người Do Thái cho là Thánh địa nay nằm trên lãnh thổ Jordanie. Người Do-Thái đến đó vọng về mấy ngọn núi ấy mà chẳng biết bao giờ có thể bước chân đến đây. Có người liều lĩnh vừa qua khỏi hàng rào kẽm gai, phía bên Do-Thái cũng như phía Jordanie, là một loạt đạn chằm dứt ngay cuộc đời của họ. Ngọn núi Zion, mà trên đỉnh có mã vua David, thuộc về Israël. Hôm mới đến tôi có đi lên đây và đứng trên nóc nhà thấy cả châu thành cổ với bức tường rào kiên cố. Tôi đã nói với bạn rằng, mỗi thành phố lớn dường như phải có một nơi thật cao cho du khách lên đó để có cái nhìn bao quát cả châu thành, như Ba-Lê có tháp Eiffel vậy, khách-sạn Y.M.C.A. có một cái lầu, đứng trên

từng chót, cao hơn mặt biển 1461 thước; hôm tôi tạm trú ở đây, buổi sáng có lên từng lầu chót để nhìn cả bốn phương thấy khắp nơi của thành Jérusalem. Tôi có đi viếng mã của vua Hérode. Muốn vào trong ấy, có nơi phải khum lưng mà bò. Ngoài ra còn có cái thú đi dạo phố, chiều thứ bảy. Thứ bảy bên này là ngày nghỉ như chúa nhật bên Âu Mỹ. Chiều thứ sáu tôi đến Jérusalem thấy thành phố vắng tanh, xe ô-tô-buýt, xe ca từ 4 giờ chiều đã nghỉ chạy. Sáng thứ bảy, người ta đến nhà thờ Synagogue để đọc kinh. Nhưng lối 6 giờ chiều thứ bảy, tất cả dân sự như hẹn hò gặp nhau đi dạo phố, đèn đuốc sáng choang, người đi như chảy hội. Ngày thứ bảy họ gọi là Shabbat. Các công việc đều ngưng lại, các tiệm đều đóng cửa. Tôi còn nhớ lại lúc sang nước Ba-Tur, người ta dặn rằng muốn mua đồ tại các tiệm nhớ rằng thứ sáu tiệm Ba-Tur đóng cửa và thứ bảy đến phiên tiệm Do-Thái và chúa nhật là tiệm người Âu Mỹ. Rắc rối chưa! Dạo phố thích nhất là đi bộ. Đi bộ bạn mới có thể nhìn qua các tủ kiếng trưng hàng hóa để thấy giá sinh hoạt, gặp những người bán hàng rong, trẻ con ăn vặt, bạn mới có thể vào những xóm bình dân thấy cách sống giản dị của họ. Sáng thứ bảy, ngày nghỉ, vợ chồng thức dậy mặc quần áo ngủ, ngồi nói chuyện trước hàng ba, điều mà bên Âu - Châu không bao giờ bạn thấy được. Mỗi chân, bạn đi ô tô buýt. Cứ đi từ đầu đến cuối đường xe, bạn chỉ trả 13 agoroth (tức là lối 4 đồng rưỡi, một đồng liu Israël chia ra làm 100 agoroth). Bạn đừng đi tắc xi vì bên này xe không có công tơ, tùy tài xế và bạn thỏa thuận giá với nhau. Nếu bạn không biết chỗ định đi, xa hay gần, thì chắc bạn phải trả với giá cao hơn thường lệ. Sự giao thông công cộng tại Jérusalem chưa được hoàn bị. Từ học xá đến trung tâm thành phố xe chạy chỉ mất 15 phút, mà thường thì phải đợi có khi đến nửa giờ, 40 phút, mới có một chuyến. Xe tắc xi để dành cho những người có việc gấp hoặc có tiền. Đi một mình bạn trả nguyên một chuyến. Hôm mới đến, tôi đã nắm mùi « tắc xi » bên này. Sở du lịch Peltours lo về việc tiếp rước những người đến dự hội. Gặp tôi, hỏi tên họ, thì nhân viên hãng Peltours xin lỗi rằng không chờ đợi tôi đến chuyến này vì bên Balê, người ta cho hay tôi sẽ đến nhằm chuyến máy bay LY 245. Nhưng dầu sao, họ cũng đưa tôi ra bến xe, gọi một anh tài xế tắc xi, giao hẹn họ sẽ trả tiền xe cho tôi, rồi tôi đứng bên chiếc xe, giữa trời nắng chang chang mà đợi. Đợi anh tài xế kiểm đủ số 7 người cho đầy xe. Tôi là người hành khách đầu tiên của anh, đã chịu khó đứng đợi ngoài nắng, tôi lại là khách của nước anh đi đến dự hội nghị, thế mà 20 phút sau, anh lại nói với tôi: « Tôi không thể chờ ông được. Xe tôi có 7 chỗ, mà có 2 cặp vợ chồng, và một cặp vợ chồng với đứa con, vậy là hết chỗ rồi. Chờ ông thì có một cặp vợ chồng ở lại đợi, tôi chỉ có 6 người đi ». Anh ta đem va li của tôi bỏ lại và kêu một anh tài xế khác, giao « của

no» lại, rồi nói với tôi : « Ông đợi một chút. Không sao, bây giờ đến lát nữa thế nào cũng có người đi ».

— Tôi phải đợi trong bao lâu nữa ? Có thể tới chiều không ?

— Không sao đâu, thẳng bạn tôi kiếm mỗi giời lăm.

Anh tài xế này tử tế hơn một chút, chạy kiếm một cái ghế để trong bóng mát, bảo tôi yên lòng ngồi đợi đấy. Một giời sau, chuyến máy bay 2 Y 234 tới. Nhân viên hãng Peltours đón người dự hội thấy tôi chưa đi, hỏi tại sao, tôi thuật lại cách sắp đặt của anh tài xế tắc xi, ông ta lắc đầu. Thêm được một hành khách, rồi 2, rồi 3, đến đủ số 7 người tôi mới đi về khách sạn được.

Thành phố Jérusalem không lớn lắm. Dân số được 156.000 người. Jérusalem là một trong những thành phố xưa nhất thế giới. Theo tài liệu của nước Cổ Ai Cập, Jérusalem thuộc ấy người Ai-Cập gọi là Uru Salem. Từ năm 1000 trước Tây lịch, vua David chiếm thành Jérusalem, lập quốc rồi con của ngài, vua Salomon cất một cái đền, nơi nhen nhúm lòng tín ngưỡng và nguyện vọng quốc gia của dân tộc Do Thái. Bị chiến tranh tàn phá năm 587 trước Tây lịch, Jérusalem được những người con Do Thái từ Babylone về dựng lại. Đền ngày xưa vua Salomon cất bị phá, lại được trùng tu. Rồi đến năm 70 sau Tây lịch, quân đội La-Mã dưới sự chỉ huy của hoàng đế Titus, một lần nữa thành Jérusalem bị gót giày quân xâm lược chà đạp. Từ năm 135 đến mấy chục năm sau, người La-Mã gọi thành Jérusalem là Aelia Capitolina. Đến năm 638, Jérusalem bị người Á-Rập chiếm đóng và trong vòng 450 năm, Jérusalem là một trong 3 đô thị hồi giáo lớn nhất (sau La Mecque và La Medina). Người Do-Thái qui tụ sống trong vùng ngày xưa vua Salomon cất đền mà chút di tích còn lại họ gọi là « bức tường đầm lẹ ». Từ thế kỷ thứ XI, người Âu có đạo Thiên Chúa không muốn để Jérusalem trong tay người Á-Rập Hồi giáo, cử binh từ Âu-châu sang Thánh địa và một lần nữa Jérusalem biến thành chiến địa. Nỗi khổ của dân chúng Jérusalem đến tột bậc, khi năm 1260 quân đội Mông Cổ của Thành-Cát-Tur-Hãn chiếm đóng tại đây. Lịch sử của Jérusalem là lịch sử của quốc gia Israël và dân tộc Do Thái. Nhà cửa mới cất, chen với di tích tự ngàn xưa. Ngoài đường những thùng thơ khổng lồ sơn đồ y như thùng thơ bên Anh, có lẽ là di tích của thời kỳ bảo hộ. Nhưng xe cộ chạy bên mặt chớ không phải bên trái. Chẳng biết bạn có thích đi viếng di tích thời xưa hay chẳng, chớ mỗi lần tôi đến nơi nào mà nhớ rằng từ lúc người ta dựng nó, tạo nó ra đến nay, sức tàn phá của thời gian sau 2, 3 ngàn năm chưa tiêu diệt được sợi dây vô hình nối liền người văn nhân nghệ sĩ đã diễn tả những tư tưởng hay quan niệm nghệ thuật của mình và người du khách thời nay đến xem và tìm hiểu, tôi thấy có mọi cái gì thích thú vô cùng.

Đi dạo phố, bạn sẽ thấy rất nhiều dân tộc khác nhau, nhưng họ đều là công dân Issaël. Đó là một điểm đặc biệt về con người bên xứ này. Thật ra không có một chủng tộc Do Thái mà một tín ngưỡng Do-Thái. Tôi có gặp nhiều người Do Thái gốc bên Đức, bên Pháp, bên Tiệp-Khắc, Balan, Syrie, Maroc. Họ có thể là người da trắng hay da đen, từ Châu Âu, Châu Á hay Châu Phi đi đến, người Do Thái cùng chung một tín ngưỡng. Nhưng bên Israël, ngoài người Do-Thái còn có dân Á Rập (Hồi giáo), có người Âu (Thiên chúa giáo) và người Druze mà giáo chủ của họ là Yethro, nhạc phụ của Moïse. Nhờ sự có mặt của nhiều dân tộc và tôn-giáo mà các nhạc học giả dễ so sánh đối chiếu các truyền thống : trong buổi hòa nhạc tối hôm mừng 7 tháng 8 tại đại giảng đường Wise, bà Gerson Kiwi có cho nghe 19 cách đọc Thánh Kinh. Nhưng sự xung đột, ganh tị nghi kỵ giữa các chủng tộc đó không phải là không có, vấn đề gay go nhứt của chánh phủ Israël là vấn đề Á Rập. Theo hiến-pháp thì có sự bình đẳng giữa tất cả công dân Israël, không phân biệt chủng tộc, ngôn ngữ hay tôn giáo. Người Á Rập được bầu cử, ứng cử. Tại Quốc-hội Israël, người Á Rập có 7 đại biểu trong số 120 nghị sĩ. Họ có quyền dùng tiếng Á Rập để thảo luận. Trên giấy bạc, và cò gởi thư có in chữ Hê Bơ Rơ và chữ Á Rập. Nhưng có hai điều làm cho người Á Rập ở Israël thấy họ thua kém dân tộc khác : Thứ nhứt là họ không bắt buộc phải đi lính. Không phải họ thích tòng quân nhưng đó là một bằng chứng chánh-phủ Israël không tin cậy họ và không cho họ giữ khí giới. Chánh-phủ Israël trong một quyển bạch thư về vấn đề Á Rập có nói rằng sở dĩ không bắt người Á Rập phải nhập ngũ, vì e rằng nếu chiến tranh xảy ra giữa quốc gia Israël và các nước Á Rập, người Á Rập công dân nước Israël, nếu đang ở trong quân đội, lẽ tất nhiên phải cầm súng bắn lại quân đội Á Rập trong đó biết đâu không có bà con anh em của mình. Vì vậy, người Á-Rập có thể tình nguyện vào quân đội nhưng không bị bắt buộc phải đi lính như những người công dân khác. Bên Israël, tất cả mọi người đàn ông, đàn bà, con trai con gái đến tuổi đều phải đi lính. Người Á Rập cho rằng chuyện miễn lính làm cho họ có cảm giác không bằng người khác. Và lẽ tất nhiên trong sự giao dịch hằng ngày, lòng nghi kỵ giữa người Do Thái và Á Rập không làm sao tránh khỏi và hận nghìn đời chưa chắc đã quên đi. Điểm thắc mắc thứ nhì, phóng viên báo Le Figaro bên Pháp có nói rõ, là họ khó được giấy thông hành hơn các công dân chủng tộc khác. Sau khi điều tra cẩn thận, hoặc trong những trường hợp đặc biệt, họ mới được giấy thông hành. Nhiều người Á Rập đã 4, 5 đời, từ ông tới cha đều sanh trưởng và sống trên giải đất mà họ cho là của họ, nay phải bị coi như người lạ, họ tủi thân. Và lại trong kỳ giao hảo vừa qua, nhiều người Á Rập đã bỏ nhà đi theo bà con ở các nước lân cận. Sau khi đình chiến, chánh-

phủ Israel cho một thời hạn để hồi cư. Nhiều người về quá thời hạn hoặc bị tình nghi, hoặc khó sanh sống hơn trước. Vấn đề ấy, chánh-phủ Israël để tâm đến rất nhiều, nhưng không phải để mà giải quyết khi giữa Israël và các nước Á Rập còn có sự căng thẳng về chính-trị hay quân sự.

Vì có nhiều chủng tộc khác nhau chung sống trên một lãnh thổ nên có một số trẻ con lai ra đời. Chúng nó mặt mày rất đẹp, nhưng chẳng biết lúc trưởng thành, chúng theo phe cha hay phe mẹ.

Trong sự giao dịch giữa các công dân khác chủng tộc với nhau, tiếng nói chánh thức của họ là tiếng Hê - bơ - rơ (Hébreu), nhưng vì họ sống ở các nơi có khi họ quen nói tiếng Đức, tiếng Á Rập, tiếng Anh hơn tiếng Hê - bơ - rơ. Mỗi người dân Israël biết nói ít ra cũng 3, 4 ngoại ngữ. Trừ một thiểu số nông dân, công nhân ít có dịp giao dịch với người ngoại quốc, thì chỉ biết tiếng Hê-bơ-rơ hoặc Á-Rập, chớ tất cả tài xế tắc-xi, bồi dọn phòng khách sạn đều biết tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, có khi cả tiếng Ý, tiếng Ý-Pha-Nho. Một hôm, hai vợ chồng ông giáo sư người Anh mà gốc người Balan gặp một cô gái Do Thái đi qua, trước khi hỏi chuyện cô gái, họ nói với nhau bằng tiếng Balan, chắc là nói lên cô gái ấy, rồi mới hỏi cô ta có biết nói tiếng Anh không vì ông bà không biết tiếng Hê bơ-rơ. Cô gái trả lời : « Có, tôi biết nói tiếng Anh và biết cả tiếng Balan nữa ». Hai ông bà hơi sượng rồi cả ba đàm đạo bằng tiếng Balan. Trong các hội nghị, đại biểu Israël thường nói được 3, 4 ngoại ngữ. Thật ra, cũng khó mà nói chuyện với bạn về con người Do Thái. Nước Israël đối với Âu-châu là thuộc về phương Đông, đối với các nước Viễn đông hay Cận đông họ thuộc về phương Tây. Họ nửa Đông nửa Tây mà ngày nay Tây nhiều hơn Đông. Họ có nhiều chuyện khác hẳn người phương Tây. Như họ viết chữ Hê-bơ-rơ từ mặt sang trái mà viết ngang như chữ Á-Rập, chớ không phải viết đứng như chữ Hán. Khi vào đền thờ, họ phải đội mũ chớ để đầu trần là vô lễ. Thành ra, ở trạm trước cửa ngõ mộ vua David, có một chỗ cho thuê nón hay mũ để du khách có thể vào trong nhà thờ mà không thất lễ. Thường thì họ đội một cái mũ nhỏ bằng chỉ, hôm đêm hòa nhạc tại đại giảng đường Wise, có một ông ra sân khấu đọc kinh mà đội nón nỉ xám loại nón Fléchet, người Âu-châu lấy làm ngạc nhiên lắm.

Người Do - Thái từ trước đến giờ nổi tiếng là có óc buôn bán, hay gian lận, lừa đảo. Bên này, hễ ai nghi đủ mách khoé để làm ra tiền thì bị người khác nói : « Anh đó Do Thái quá ! » Người ta thường thuật một câu chuyện tiêu lâm về tánh người Do Thái : Trong một tiệm cà phê, anh bồi đem ly rượu bia lại bàn cho khách. « Trong ly rượu bia có con ruồi. Nếu người khách đứng dậy trả tiền rồi bỏ đi, người đó là người Anh. Nếu anh ta đập bàn,

đòi đem chuyện ấy ra quốc hội, đó là người Pháp. Nếu anh ta lấy tay bóc con ruồi bỏ đi rồi uống như thường, đó là người Trung-Hoa. Còn nhiều người nước khác mỗi người hành động một cách. Có một anh, lấy con ruồi ra, uống một chút, gọi anh bởi lại để đổi ly khác, và trước khi trả ly có ruồi lại, anh ta bóc con ruồi bỏ vào túi để dành lần sau, anh đó là người Do Thái». Những câu chuyện nói để cười chơi thường thì không đúng sự thật lắm. Có điều là trên thế giới, trong các ngành thương mại, người Do Thái chiếm ưu thế. Tôi có một người bạn Do Thái cũng học với giáo sư Chailley về môn nghiên cứu âm nhạc. Chính anh cũng đùa với bản tánh cái gì cũng mua cũng bán của người Do Thái. Hôm giáo sư C. và tôi đến nhà em ruột của anh bạn ấy để thăm, giáo sư C. khen tấm thảm lót trong nhà rất tốt thì anh bèn đùa rằng : «Tấm thảm đó thầy C. khen tốt đấy. Em định bán bao nhiêu ? ». Hôm đổi giấy máy bay để về Ba-Lê gấp, tôi đã thấy rằng, vấn đề thương mại là trọng đối với một người Do Thái. Tôi được mời tham dự hội nghị cùng với nhiều giáo sư nhạc sĩ bên Âu-Châu. Tất cả mọi người được mời thì đi về cùng một lúc. Ban tổ chức tại Jérusalem đài thọ tất cả tổn phí. Nhưng họ mua vé đi chung cả đoàn, cho đỡ tốn. Thành ra nếu tôi về liền khi sau hội nghị bế mạc hoặc 15 ngày sau, thì thôi ; nay tôi lại muốn về trước, mặc dầu có giấy chứng nhận của bác sĩ bên ấy, theo luật thì tôi phải có vé cá nhân, vé này mất hơn vé cả đoàn nhưng 4, 5 trăm quan mới (lỗi 10.000 đồng bạc). Anh bạn A, người Do Thái, dẫn tôi tìm ông chủ tịch ban tổ chức. Ông này, cũng Do Thái, nhưng lại sẵn sàng ký tên vào một tờ giấy gọi cho sở du lịch, cam đoan chịu hết số tiền phải trả thêm để tôi về gấp. Đủ giấy tờ như thế mà ông chủ sở du lịch không chịu đổi giấy, lấy lẽ rằng, tôi ở bên Pháp, muốn trả thêm tiền vé máy bay, phải dùng ngoại tệ. Ông chủ tịch ban tổ chức, người Do Thái, muốn trả bằng ngoại tệ, thì phải xin phép bộ Kinh-tế. Bao giờ có giấy phép của bộ Kinh tế thì ông ta mới chắc không mất tiền và chịu đổi vé cho tôi. Anh bạn tôi tức quá la to : Ông nói vậy, một khi mà sức khỏe một người, sanh mạng một người tùy cái vé máy bay, ông cũng đợi cho đủ cả giấy tờ của bộ Kinh-Tế ông mới đổi vé cho người ta à ? » Hai người cãi nhau to tiếng , anh bạn tôi đỏ mặt tía tai vì cách làm việc máy móc và vì chỗ người ta đặt quyền lợi trên lòng thương người. Nhưng chính cơn giận của anh bạn đó làm cho ta thấy rằng không phải người Do Thái nào cũng nghĩ đến tiền bạc, đến cái lợi trước nhứt. Cũng có người như ông S. chủ tịch ban tổ chức, không ngần ngại chịu trả thêm tiền tổn phí, có người như anh bạn A. đang làm việc bên Pháp lương cao, bằng lòng về nước lãnh điều khiển Thư viện Âm nhạc vừa mới thành lập với số lương bằng 3 phần tư lương anh bên Pháp, không chịu dâng bằng dạy nhạc tư thực để làm giàu. Ông cụ thân sinh của anh, trong câu chuyện với

tôi có nói: « Nếu con tôi nó bằng lòng để bằng dạy đàn dương cầm và hòa âm, nó có tiền gấp đôi lương của nó bây giờ. Nhưng nó lại muốn đi theo lý tưởng của nó: sưu tầm và gom góp tài liệu về thân thể và tác phẩm của tất cả nhạc sĩ Do Thái hay



Bạn Trần-Văn-Khê dẫn cô phụ họa theo lối ngâm thơ lục bát của ta

gốc Do Thái trên thế giới ». Có thể bạn cho rằng anh A là một ngoại lệ. Nhưng nhìn vào số người học rộng tài cao, mà cặm cụi trong các ngành nghiên cứu thì ta phải nhận thấy rằng họ có một lý tưởng: làm cho nước họ giàu mạnh thêm về mặt văn hóa hay khoa học.

Chẳng những thế, đám thanh niên đang lên và người đang nắm vận mạng của nước Israël hoàn toàn tin tưởng ở tương lai và họ đầy nghị lực. Đức tánh ấy đáng cho chúng ta lấy làm gương. Họ làm những việc ta có thể gọi là « di sơn đảo hải ». Như việc trường Đại học cũ của họ còn ở bên lãnh thổ nước Jordanie chưa biết bao giờ họ mới trở về đây được. Mà Trường Đại học Jérusalem là trung tâm văn hóa, không những cho toàn nước Israël, mà cho cả người Do Thái trên thế giới. Phải có chỗ để đào tạo nhân tài, để cho các nhà bác học tìm tòi nghiên cứu. Họ bèn lựa ngọn đồi Givat Ram ở dãy núi về phía Tây châu thành Jérusalem, cho cốt mìn nổ bay ngọn đồi, san bằng ra rồi họ cất trên ấy một trường Đại học mới. Trường Đại học cũ cất trên núi Scopus. Thuở ấy trường có không đến 1.000 sinh viên và 190 giáo sư. Ngày nay số sinh viên lên đến 7.000 và số giáo sư hơn 900; trên đỉnh đồi đá Givat Ram mọc lên nhiều tòa nhà, tường đá cửa kiếng, trong đó có đại giảng đường, có thư viện, có phòng thí nghiệm, có sân vận động, có học xá. Trường cất chưa xong nhưng bây giờ ta đã thấy các vĩ đại của nó.

Hội nghị âm nhạc cử hành trong trường Đại học, người đến dự hội nghị hầu hết ở luôn trong Học xá. Bên ngoài trời nắng chang chang, mà nhờ tường dày, xây toàn bằng đá nhà cửa cất bằng những nguyên liệu có thể che nóng che lạnh, nên vào trong học xá là mình thấy dễ chịu ngay. Phòng rộng rãi, bàn ghế giường ngủ màu sắc rất đẹp, tôi ngồi tại bàn học nhìn ra rặng núi xa xa và con đường quanh co lượn khúc dưới chân đồi với cả ánh sáng của đô thành Jérusalem; khi trời sẫm tối, tôi thương người

sinh viên nước ta, chưa biết bao giờ hoàn cảnh thuận tiện để có thể học hành trong những điều kiện tốt đẹp như thế. Thật ra, họ thực hiện được những kế hoạch của họ rất mau, cũng nhờ bao nhiêu người Do Thái trên thế giới làm giàu rồi gởi tiền về quốc nội để cất trường hay để làm cho sa mạc biến thành đất phì nhiêu. Lúc đến Jérusalem, thấy thành phố thiếu một con sông và theo thời tiết bên này suốt mùa hè không có một giọt mưa, tôi giựt mình khi thấy trong các công viên cỏ mọc xanh tươi, trong trường đại học, họ trồng rất nhiều cây cối hoa cỏ. Như thế tức là họ phải tưới thường trực, cỏ hoa mới mọc nổi dưới ánh mặt trời nóng như thiêu. Hỏi ra, thì tất cả nước dùng ở Jérusalem một số ít nhờ hồ chứa nước mưa, và hầu hết do máy nước ở Tel Aviv bơm đến. Tel Aviv cách Jérusalem những 70 cây số mà cũng không có sông. Cả nước Israël chỉ có một con sông Jourdain. Hàng năm con sông ấy chỉ cho được hơn 400 triệu thước khối nước. Mà sự cần dùng lên đến 1.200 triệu thước khối. Cần dùng để nấu ăn, rửa ráy, tưới hoa mà cũng để dẫn thủy nhập điền, làm cho sa-mạc biến thành vườn thành ruộng. Nhờ dẫn thủy nhập điền ấy họ có thêm được 136.000 mẫu tây đất, dùng để trồng hoa quả và các cây sợi. Làm sao cho đủ nước? Một mặt họ tìm nguồn, tìm suối, đào giếng, cất hồ chứa nước mưa. Một mặt họ thí nghiệm làm mưa nhân tạo để chứa nước đầy hồ, đem nước biển lọc lại lấy muối, lấy các chất hóa học rồi nước để dùng vào việc trồng trọt. Họ đang tìm cách lấy lại nước đã được dùng rồi, khử độc, khử trùng đem dùng trở lại. Các công việc hô phong hoán vũ, dẫn thủy nhập điền ấy, do chánh phủ hợp lực với tư nhân mà làm. Công ty nước có nhiều cổ phần trong đó chánh phủ có 52 phần trăm. Ngoài ra cũng có công ty thành lập không phải với mục đích thương mại mà để kiến quốc, cũng do tư nhân bỏ vốn mà chánh phủ kiểm soát. Như công ty Mekorot có 1200 kỹ sư, kỹ thuật gia và công nhân chuyên lo cung cấp ống dẫn nước và dụng cụ việc dẫn thủy nhập điền. Công ty Tabal có 350 kỹ sư lo việc phát nước từng nơi. Họ nhất định đến năm 1971 là nước sẽ dư dùng. Không đủ đất, họ phá núi lập trường, họ dẫn nước vào sa-mạc, để cho đồng cát biến thành vườn ruộng. Không đủ nước, họ làm mưa nhân tạo, họ tìm nguồn đào giếng. Khí hậu nóng bức, họ trồng hơn 20 triệu cây để cho phong cảnh được thêm chút màu xanh dịu dàng, cho có bóng mát hai bên đường để lữ hành trốn nắng và cũng để dùng trong kỹ nghệ ngày mai. Họ đã trồng cây dọc trên 880 cây số hai bên các con đường cái quan và đường trong phố. Họ đã biến 30.000 mẫu tây đất hoang thành rừng rậm. Không nói đến lý tưởng chánh trị hay tôn giáo của họ, không nói đến bản tánh tự nhiên của dân tộc họ, tôi chỉ thấy nghị lực của cả một dân tộc quyết lòng kiến quốc, thấy một quốc gia mà Tạo hóa không sẵn cho nguyên liệu về kim khí hay khoáng chất, đến thiếu cái tối cần là nước để uống hay trồng trọt, mà với sức mạnh và lòng hy sinh của dân, họ có thể tạo một nước hùng cường và sức con người cũng có thể lấp biển đời non. Gương ấy đáng cho chúng ta soi chung, phải không bạn?

Thư đã quá dài, xin hẹn bạn lần sau, tôi sẽ nói chuyện với bạn về đời sống bên Israël.

Xa-xôi

TRẦN-VĂN-KHÊ

hoang vắng

Ngỡ rằng trời đã giao thu
mây bàng bạc đỏ dâng mù núi sương
khách đa nghe lạc nẻo đường
dừng chơn ngơ ngác hỏi phường phố đâu

mới hay còn giữa rừng sâu
đồng chua nước mặn cỏ sâu biêng lay
bao quanh chương khi lưu đây
gốc buồn cỏ thụ bóng vầy ngô hồn

con người há chẳng bốn chôn
chiếc xe năm tháng chuyển dời thời gian ?
sông sâu còn ngoảnh lại ngàn
hướng chi lời khách bàng quang sự đời ?

muôn loài đã thảo im hơi
cúi đầu nghe sóng nhủ lời thiết tha
còn lời : kẻ mãi xa nhà
ngủ trông nước cuộn, buồn và ngẩn ngơ...

vượt biển

Vực sâu chợt nghĩ rợn mình
Sầy chân rơi xuống vô hình thủy cung
Vừa trông nét đá lạnh lùng
Nghe vang tiếng thét muôn trùng đại dương

ghềnh chom chồm dấu phong sương
này lưng cổ trụi, nọ sườn chơ vơ
lênh đênh năm tháng xa bờ
chưa nguôi biển gió nghe xơ xác lòng

đời người dấu lấm hoài mong
nghĩ thăm thăm ấy đã cuồng bước chân
và tôi : tâm trí bản thân
tưởng như chơi với chín tầng không gian

trải qua biết mấy đoạn đường
cũng còn ngẩn ngại bước sang cõi đời
tự dưng hồn thấy chơi vơi
lữ trình khiếp hãi con người thịt xương

(tình biển)

HỮU-PHƯƠNG

NGƯỜI QUA SƯỜN ĐỒI

LUÂN-HOÁN

Người đi qua như một loài chim lạ
có cánh vàng và hai mắt long-lanh
lời hót ồm rung dài trong hốc đá
cho chân mềm lên từng lá cây xanh

Trời bữa đó có vì sao mới mọc
cũng lạ lung và bờ ngõ trong mây
người tha thiết đi tìm con suối ngọt
nước của rừng hay nước mắt đã đầy tay?

mà chợt thấy xôn xao từng thớ thịt
và máu người bỗng thấm ướt ra vai
Dòng máu đó vô tình làm đại lộ
chợt kéo dài, chợt ngừng lại, chợt chia hai

Thoáng lưỡng lự chạy theo vùng mắt sáng
người về đâu trên hai lối đi này
đường tự do của phương trời quang đãng
người xin về nhưng biết chọn sao đây?

... à ời tình hỡi là này
cho em làm giúp làm giày anh mang
đường hoa trở lại xóm làng
ruộng xanh nước ngọt miền Nam đón chờ

(Đà Nẵng)

LUÂN-HOÁN

Quay trong gió lốc

CÁI ý nghĩ đó, nửa có vẻ ngộ nghĩnh nửa có vẻ ngớ-ngẩn, đã đến với tôi vào tất cả những buổi chiều, sau một trận mưa nhỏ, như buổi chiều hôm nay.

Mặt trời đã xuống quá thấp, nắng chỉ còn trên mây, gió thổi thật nhẹ nhàng, làn nước mỏng đã biến mất trên mặt đường nhựa. Tất cả chẳng còn gì là sôi nổi, phi thường. Tất cả như cùng dịu lại, cùng muốn hòa hợp với nhau để tạo thành một không gian êm đềm. Trận mưa nhỏ vừa qua làm cho cát hai bên đường hơi ẩm ướt, mặt đường nhựa vừa sạch vừa mát. Một vài chiếc lá khô nhích đi từng bước nhỏ như còn ngơ ngác trong một thế-giới mới.

Tôi từ cầm lên cửa sổ và nhìn phong-cảnh ở trước cửa nhà mình một cách thích thú như đang nhìn một cảnh lạ. Có lẽ trong thời thơ ấu của tôi đã có khá nhiều buổi chiều thú vị như thế. Nhưng khi cổ gọi lại dĩ vãng thì tôi lại chỉ nhớ mang máng được rằng : đã có một buổi chiều, trong bầu không khí dịu dàng như thế này,

tôi cùng vài chú nhỏ khác reo hò trong sân nhà và giơ tay đón những chiếc lá tre rơi. Vậy mà, tôi không thể nào tránh được cảm giác băng khuâng, quen thuộc.

Kỷ niệm không kêu gào nhớ tiếc mà hình như chỉ cất tiếng thì thầm kể chuyện bằng một giọng thật trầm.

Khoảng sân trước nhà tôi khá rộng, tôi nhìn những cánh hoa giấy màu tím thắm nằm giữa đám lá xanh và bỗng dưng tôi cảm thấy rằng nếu có một cô gái nào, từ con đường nhựa khô, bước vào dưới giàn hoa giấy và mỉm cười thì tôi sẽ thấy là cô ta tuyệt đẹp. Nếu cô gái đó có một khuôn mặt bầu bĩnh, cái trán trắng hơi nhỏ hướng bĩnh và một vài lọn tóc còn ướt nước dính trên trán, trên thái dương, mái tóc thì tung ra, một môi ngả xuống vai, chắc tôi sẽ trở thành kẻ si mê cô ta hay, ít nhất, tôi sẽ mang hình ảnh cô ta suốt đời trong lòng. Giữa vùng ánh sáng êm ả, băng khuâng này, tôi không thích những sự lý-luận sáng suốt, vững chãi. Và tôi xây dựng mãi khuôn mặt bầu bĩnh của cô gái, bắt

khuôn mặt nàng phải ướt át nước mưa nhưng vẫn tươi cười như bình thường đoạn đường dĩ vãng. Sao khuôn mặt đó phải có vẻ phong trần như thế? Chắc lại có một đoạn văn lãng mạn nào còn vương vấn theo ý nghĩ của tôi để gây rắc rối cho dung nhan một người đàn bà. Nhưng tại sao tôi có thể tin chắc sẽ si mê cô gái đó? Tôi chịu không trả lời được câu hỏi này. Nếu nghĩ rằng ngoại cảnh đã làm cho lòng tôi căng thẳng như một sợi dây đàn thì phải nhận hình ảnh cô gái có sức mạnh của một nhát búa phũ phàng.

Cũng may, sợi dây đàn chưa bao giờ gặp một nhát búa. Trên con đường nhựa thỉnh thoảng qua một vài cô gái. Họ đi vội vã như ánh nắng chiều và đôi khi nặng nề như đêm tối. Nếu may mắn có một mái tóc xoăn tung ôm gió, hay một khuôn mặt còn ướt nước thì chúng lại làm cơn mơ mộng của tôi vỡ tan tành.

Rồi anh chàng bán cà-rem ế cũng ịch ạch đạp xe trên quãng đường êm ả, mát rượi ấy, anh ta cất tiếng rao dài để kích thích những đôi tai nhỏ xíu ở tận cuối ngõ, trong giọng rao còn vẻ hăm hực, nặng nề như những phích kem đầy buộc đằng sau xe. Những người bán hàng rong, những động cơ xe mà tiếng nổ thiếu phần thanh lịch, lễ phép, tất cả vụt qua trước mắt tôi rồi biến mất. Vẫn còn lại buổi chiều với những kỷ niệm kéo về chập chùng, mang mang, đầy chặt bầu trời và mơ màng, trống không, tan rã như mây.

Một chú nhỏ thành linh chạy đến trước cửa nhà tôi, ngấm ngấm sơ qua khoảng đất dưới giàn hoa rồi bắt đầu cúi xuống vẽ mấy cái vòng tròn. Gió vuốt lại tóc cho chú, ánh sáng tô cho khuôn mặt chú

thêm màu tươi non thần tiên. Chú bé méo cả miệng đi để cho nét vẽ thêm tròn. Chú bé vẽ, rồi xóa, rồi lại vẽ vội vàng. Bàn chân xinh nhỏ của chú bé xoa nhẹ trên mặt đất, một vài sợi cát mỏng theo gió quẩn vào chân chú bé. Hoàn thành xong công việc sửa soạn giải trí trường chú bé đứng thẳng, phẩy tay rồi vẫy một chú bé khác cũng đang hí hoáy vẽ vờ ở một khoảng đất trống bên kia đường. Chú kia quay lại cũng vẫy tay một cách gắt gỏng, mặt thì nhăn nhó:

— Bên này tốt hơn.

Trong khi hăm hực vẫy bạn, chú bé đó nhìn trộm vào nhà tôi, vẽ vắn e sợ cái nhìn dọa nạt của tôi. Tôi nhận ngay ra đó là chú bé đã một lần, để phục thù cái việc tôi cấm các chú đùa nghịch trước cửa nhà tôi và hái hoa vứt bừa bãi vào buổi trưa, đã cầm một cái lõi ngô ném lên mái tôn và bị tôi đuổi cho một phen bỏ vía. Chú bé luồn từ ngõ này sang ngõ khác, chân quay tít như chong chóng. Sau khi đã vượt một quãng đường gian khổ dài cỡ nửa cây số, quay lại vẫn thấy tôi hăm hờ đuổi theo thì ché bé kinh hãi quá. Thật là một việc bất ngờ trọng đại đối với chú! Chưa có tên người lớn nào đùa dai đến như thế! Tôi dậm chân mạnh thêm và chú bé hoảng hồn vừa chạy vừa òa khóc. Tiếng khóc bị đứt quãng đôi lúc ré lên như tiếng kêu cứu thảm thiết. Nhìn cái thân hình bé con cuống quýt chạy trước mặt mình nghĩ cũng tội nghiệp. Nhưng mặc, phải làm cho vài chú sợ xanh mặt thì mới hy vọng ngủ trưa yên lành.

Chú bé đứng trước cửa nhà tôi nhìn những vòng tròn mới vẽ được với dáng

tiếc rě. Rồi chú vứt mạnh viên gạch nhỏ trong tay xuống công trình của mình và quyết định chạy theo tiếng gọi của tên bạn ở bên kia đường.

Gió thổi nhẹ nhàng, mây trời vẫn đậm màu sương đục.

Tôi nhận ra dáng Hậu từ xa.

Bao giờ hấn cũng hơi cúi đầu khi ngồi trên chiếc xe Vespa như phải xông xáo để chống với những chướng ngại vật ở trước mặt. Hậu dựng xe ngay dưới giàn hoa giấy, giơ tay chào tôi và bước những bước thật trịnh trọng qua khoảng sân cỏ, giữa chỗ bạn bè với nhau hấn cũng vẫn trở tài đóng kịch, làm các điệu bộ hấp dẫn. Hấn chịu khó học tập kỹ lưỡng về phương pháp đi đứng, cách nói năng. Và mới đây tôi chê hấn có nụ cười quá rộng của trẻ thơ nên hôm nay, hấn chào tôi bằng nụ cười nửa miệng trông mệt mỏi một cách thật đáng ghét. Mái tóc hấn bóng mượt vẫn chưa làm hấn hài lòng, và tay hấn được dùng khá nhiều vào công việc kiểm soát lại các đầu. Nếu Hậu luôn luôn chọn những buổi chiều như buổi chiều nay để mời tôi đi lang thang với hấn thì chắc chắn không bao giờ hấn bị thất vọng. Hậu hỏi :

— Nhớ ai mà đứng ngẩn mặt ra thế ?

— Nhớ ông Giám-đốc ở sở.

— Rảnh chứ ?

— Rảnh. Đi chơi tểu một lúc được.

Hậu dừng lại ở ngưỡng cửa, lần lượt co từng ống quần lên để phủi những hạt đất nhỏ bám vào gấu quần, hấn ve vuốt đôi bí-tất và than :

— Mới tậu mấy trăm đây Đi chưa đầy năm bạn đã mất màu, hết cả tư cách, hao quá. Đau nhất là chưa kịp đến nhà các « em » biểu diễn một lần nào.

Hậu đã bắt đầu nói khoác. Hấn nói khoác rất trôi, rất tỉnh. Hấn nhào vào bất cứ chuyện gì và ở vấn đề nào hấn cũng hăm hở làm kẻ dẫn đầu. Tôi không nói thẳng ra rằng tôi biết đôi bí-tất của hấn chỉ đáng giá ba chục. Hấn miễn tôi có lẽ vì tôi là một trong số những người, rất hiếm, luôn luôn tỏ ra tin tưởng những điều hấn nói và thỉnh thoảng còn vờ cảm phục. Như thế, để khuyến khích lòng tin của tôi đôi khi hấn cũng làm được một vài chuyện đúng với lời nói và hấn dùng tài bịa đặt của hấn để làm cho tôi tưởng rằng tài năng của tôi to lớn gấp hai, gấp ba thường lệ. Dĩ nhiên, tôi cũng phải bắt chước mọi người chia lời nói của Hậu ra làm ba phần giá trị khác nhau : một phần tin được, một phần cần phải xét lại và phần cuối cùng, thường nhiều nhất, nên để mặc cho nó tan vào hư vô. Tôi miễn Hậu vì ngoài tậ khoác lác ra, hấn không còn tậ nào khác, lại luôn luôn tỏ ra rộng rãi với bạn bè. Vả lại, có một anh chàng khoác lác ở cạnh, người ta cảm thấy tin tưởng, lạc quan và yêu đời hơn.

Tôi vừa thay quần áo vừa bảo Hậu :

— Đi chơi xuống thôi đấy. Hồi này cuối tháng, các túi bắt đầu há miệng ngập rồi. Vào các quán ăn uống cũng chả thú vị gì, bước vào cửa quán cái cổ mình hình như đã róm máu. Máy chém của các ông chủ tiệm càng ngày càng sắc ghê người.

Hậu nhăn mặt gặt tay :

— Ờ, việc gì mà lo xa thế... à này, chịu khó ăn mặc tử tế một tí đi.

— Có vào nhà ai hả ?

— Có. Bỏ guốc ở nhà, đóng giày vô.

— Quan trọng vậy hả. Ai thế ?

— Chưa biết.

Tôi ngồi đằng sau xe, nắm lấy vai Hậu. Vai hần rộng và to. Hậu đã khổ công tập luyện để cho các cô gái ngồi sau hần có chỗ bám vững chắc, đáng tin cậy. Ngoài vấn đề quần áo ra có lẽ không còn vấn đề gì khiến hần chú ý hơn là việc nghiên cứu các kiểu thư viết cho đàn bà. Hồi này bí để tài nên hần chịu khó đọc sách hơn trước và biết dùng các câu danh ngôn, lợi dụng tài năng của các văn hào trong cuộc tán gái.

Đường ngoại ô rộng và vắng. Hậu cảm đầu xả ga, chiếc xe lướt êm như sắp sửa rời khỏi mặt đất. Tôi yêu tốc độ nhưng rất ghét những lúc xe phải dừng lại quá đột ngột. Hậu lại hay biểu diễn trò đạp phanh cho xe quay ngang ra để nghe những tiếng ken két hùng dũng. Tôi bắt đầu nói để Hậu giảm bớt tốc độ và chú ý nghe :

— Độ này vai nở gớm nhỉ.

Hậu làm bộ thân nhiên :

— Ờ ! Thì vẫn tập tạ đều mà. Bao giờ đời này hết đàn bà thì ta mới ngừng tập thể thao...

Hần liền thoáng :

— Cậu phải biết. Ngay trong bài Đức-dục của học trò tiểu học thánh nhân cũng đã dạy : Con người ta sinh ra đời, lúc bé là của cha mẹ, lớn lên là của tình nhân và về già là của vợ, vậy ta phải luôn luôn

ra công tập luyện thân thể cường tráng... Còn ông anh ? vẫn tập đều đấy chứ ?

— Nghỉ lâu rồi.

— Thật là đồ lười.

— Hơ. Tớ đem quả tạ tặng cho bà hàng xóm để bà ấy nén cà, nén dưa từ hơn một tháng nay rồi.

Buổi chiều sau một cơn mưa thường qua mau, gió lại bắt đầu thổi đậm và lên tiếng reo trên ngọn cây. Một người Tàu già, cưỡi chiếc xe đạp đen già hơn ông ta, đi ngược chiều với chúng tôi.

Ông ta mặc một cái quần đùi rộng, dài quá gối, chiếc áo mai-ô bản thủ được cuộn lên ngang ngực. Vừa đi ông ta vừa dùng tay trái xoa xoa cái bụng tròn của mình một cách âu-yếm. Cánh tay phải giữ tay lái xe cũng có vẻ thông dong, nhàn hạ. Phía sau ông Tàu già, hai cô gái đeo nhau trên chiếc Solex đang tìm cách vượt lên. Mặc cho kẻ đằng xa bấm chuông inh ỏi, ông ta vẫn thản nhiên đạp chầm chậm, tay xoa bụng như xoa cuộc đời trơn nhẵn của mình, một cuộc đời có lẽ không bao giờ gây nên tiếng động hay bị xôn xao vì tiếng động. Thấy xe chúng tôi hai cô gái đành dẹp vào lề và tự nhiên bật cười, sự kỳ quái của cái chương ngại vật phía trước đã làm các cô mất hết vẻ bức bối. Hậu lái nghiêng xe ra giữa đường và thỉnh thoảng nói to :

Ờ, cười kia, có thể mà cũng cười l...

Giọng hần kéo dài ra thật chướng tai, tôi bấm chặt hai vai hần để phản đối. Đôi mắt cô gái ngồi sau xe Solex quắc lên, cô ngồi trước còn ngơ ngác, hai xe đã vụt xa nhau. Hậu đã có vẻ cao hứng sau câu khen của tôi và sắp sửa sản xuất những trò khó thương, tôi quát khê :

— Này, liệu hồn, chỗ này gần nhà tớ, còn trong vòng cấm địa, đừng có nham nhở.

— Gớm, ông anh đạo đức quá ! Phải biết, trong thời đại này mạng sống của con người thật mong manh. Bom khinh-khí có thể nổ thành linh bất cứ lúc nào, không vui chơi cũng thiệt. Lên thiên-đường rồi thì có hối cũng không kịp.

— Hừ ! Đừng lý-luận rở tiền.

— Ha, kê nhau ghê thế, em lại quay xe ngược lại cho ông anh nghe hai con bé nó chửi bây giờ.

Hậu khuỳnh hai tay ra và bắt đầu hát nho nhỏ. Nói thêm thì lại đâm khó chịu vô ích, tôi lặng im nghe hấn hát, cố gắng vui theo niềm vui của hấn. Nghe tiếng hát của Hậu chập chờn như tiếng gió bên tai tự dưng tôi cảm thấy hết cái buồn nản của những trò đùa vặt vãnh.

Vào một con đường vắng, tiếng hát của Hậu trở nên to và thô. Bị âm nhạc kích thích hấn nhịp chân trên sàn xe, bàn tay vung vẩy một cách thỏa mãn và vêu đời.

Bỗng Hậu ngưng hát, ngồi thẳng người, nghiêm trang bảo tôi :

— Coi kìa... thằng cha đi trước mặt mình... nó có cô bồ xinh quá.

Đôi tình nhân đi đồng chiều với chúng tôi, trên lề đường, ở phía xa. Cô gái có vẻ mềm và gọn, anh chàng cao hấn hơn cô ta một đầu, và cứ khom xuống, để nói luôn miệng như để nuôi dưỡng ái tình. Có lúc anh chàng nhô hấn về phía trước rồi quay đầu nhìn lại mặt cô gái, vẻ loay hoay, xun xoe, bợ đỡ. Tay anh chàng múa may quanh cô gái nhưng chưa

dám bao lấy ngang lưng nàng. Chắc anh ta còn đang chứng minh mỗi chân tình của mình để phá nốt khoảng không gian ngăn cách mỏng manh đó.

Hậu cho xe đi chậm lại khi đến gần cặp tình nhân, biết hấn sắp dở trò, tôi cuống quýt bóp mạnh vào sườn hấn :

— Này, đừng có...

Không kịp. Hậu chỉ co người lại một chút, hấn dồn tất cả sự chú ý vào mục tiêu của hấn. Chiếc xe đi sát vào lề gần như đứng lại bên cặp tình nhân, Hậu nói bô bô :

— Ê ! Hấn nói dóc đó đừng tin !

Rồi Hậu rút hết ga, phóng vụt đi, nếu không nắm chặt vào áo hấn thì tôi đã bị ngã lộn cổ ra phía sau xe. Hậu cúi hấn xuống tay lái và khi hấn ngửa cổ lên tôi mới biết là hấn đang cười, cười không thành tiếng, cười đến nghẹt thở. Tôi không đủ can đảm quay lại xem phản ứng của cặp tình nhân. Sự khoái trá làm cho Hậu nhấp nhồm trên đệm xe. Tôi nói gì hấn cũng không thèm nghe. Hấn giơ ngón tay cái làm hiệu chỉ về phía sau, nói trong từng cơn đứt quãng :

— Tớ cá với cậu, cặp này hôm nay thế nào cũng giận nhau. Anh chàng đang ba hoa, bị tớ cáo thế, nhất định sẽ cụt hứng, có tán thêm cũng ngượng miệng... Cô nàng thì bắt đầu nghi ngờ...

Tôi không ưa những trò đùa của Hậu, nhưng vẫn chịu hấn là tài, hấn nắm được nguồn vui ở khắp nơi, hấn nhạt nụ cười trên đường đi dễ dàng như nhạt một viên sỏi.

Trước khi dừng xe ở cổng một căn nhà lạ mà Hậu chưa đưa tôi đến bao giờ, Hậu bảo :

— Hôm nay đến thăm ông bạn Tuy, hẳn mới khoe hẳn có một « mục » lạ lắm.

Tôi chưa gặp Tuy lần nào, nhưng đã nghe Hậu nói về hẳn. Hậu thường nhấn mạnh ở điểm hẳn có thể làm quen với các cô gái rất nhanh, và hẳn cũng rất sành sỏi trong công việc tìm kiếm những người tình chớp nhoáng, không cần kể khai tên họ.

Trông phía ngoài căn nhà của Tuy người ta đã thấy ngay rằng hẳn thuê nhà chỉ cốt có chỗ để nằm. Hàng rào đồ nghiêng ngả, hai cánh cổng gỗ mở toang hình như không bao giờ đóng. Trong phòng có vẻ gọn gàng, sạch sẽ hơn. Tuy ở trần, đang đứng trước gương chải tóc. Sau khi Hậu giới thiệu tôi, Tuy mỉm cười chỉ chiếc giường ở cuối phòng, tôi đến ngồi, Hậu nằm lăn ra. Một thanh niên ngồi ôm chiếc đàn ghi ta bên cửa sổ hình như không hề chú ý đến những nhân vật mới trong căn phòng. Anh ta khua tay trên dây đàn mấy cái rồi đứng dậy, cầm một cuốn sách trên bàn, đến vỗ nhẹ vào lưng Tuy một cái để chào và đi ra ngoài, đôi môi anh ta thỉnh thoảng mím lại, chuyển động như còn một miếng ăn nào trong miệng, cần phải nhai cho xong. Cặp lông trắng làm cho nét mặt anh ta có vẻ lạnh đậm và không kém phần bất lịch sự.

Tuy chải đầu khá lâu, khi cả mái tóc hẳn đã nằm theo con đường nghệ thuật, hẳn bỏ lược xuống, bàn tay phải Tuy ép

sát xuống mái tóc rồi thỉnh phẩy nhẹ về phía trước. Đoạn tóc trên trán bỗng lên, xổ tung như gặp gió, nhiều sợi tóc cuốn rối vào nhau một cách bơ phờ. Và khi Tuy quay lại nhìn chúng tôi, với mái tóc đó, đột nhiên hẳn có vẻ dày dặn, phong trần của một tài tử đóng vai anh hùng phiêu lưu trên màn bạc. Đôi mắt Tuy hơi nhỏ, môi hẳn đầy cong, lúc nào cũng như còn ướt. Nhưng hẳn khôn ngoan, luôn luôn giữ nét mặt tươi tỉnh, mỉm cười, nên đôi môi có vẻ nhẹ nhàng hơn. Nụ cười nhẹ lan từ môi lên đến đuôi mắt, đầu Tuy lại hơi cúi thành ra hẳn có dáng hăm hở của một kẻ thấy cái gì ở phía trước mình cũng vui tươi, ngon lành, hấp dẫn. Với vẻ ham muốn ở đôi môi, Tuy vừa cất bước là người ta đã tưởng hẳn sắp sửa chồm lên, xông xáo, phá phách. Tuy hỏi Hậu :

— Chuyện em Thương của mày đi đến đâu rồi ?

Hậu rút trong túi ra hai phong thư, quật nhẹ xuống giường.

— Ăn chắc. Đến cái thư thứ năm là ta đã quật em sụm. Em chỉ được cái ba hoa, nói năng ra vẻ sành sỏi, lợc lợc lắm nhưng thực tình em có quá nhiều mặc cảm, tính tình hiền khô. Sau khi nghiên cứu kỹ ta đã liệt cô bé vào loại con gái số 3. Cô bé mới gửi cho ta hai bức thư đây...

Tuy nhặt hai bức thư, đọc sơ qua. Hậu nói tiếp :

— Chương trình tháng này gồm có ba điểm : thứ nhất : phải làm cho ông cụ em tưởng mình là một tay trí kỷ của cụ về vấn đề chính trị và thời cuộc. Thứ hai : đưa em đi chơi lang thang lành mạnh đôi lần và thứ ba : tính toán kỹ

lương để khỏi bị đưa ra tòa... còn mày?
Tối hôm qua có gì lạ không?

Không cần dùng tiếng lóng, Tuy kể lại cho chúng tôi nghe những chuyện hấn làm đêm hôm trước bằng một giọng bình thản, hấn nói những tiếng tục tĩu trôi chảy đến nỗi người nghe mắt hấn cảm giác ngượng ngùng, khó chịu. Thấy thỉnh thoảng Tuy lại nhìn tôi, hơi ngần ngại, Hậu bảo ngay:

— Ông này thì cũng như tại mình..

Hậu chụm năm ngón tay ấn nhẹ vào ngực tôi:

— Có hơn là còn giữ được một dùm đạo đức giả.

Tuy nhìn đăm đăm vào mặt tôi, chờ đợi. Đến nước này thì chả nên dùng một thứ ngôn ngữ nào khác nếu không muốn bỏ về.

Tôi cười và cũng nói tục:

— Vâng, tôi chỉ còn giữ được một dùm đạo đức rất nhỏ, nhỏ bằng... bằng một cái quần lót và bắt cứ một người đàn bà nào cũng có thể làm cho... rơi mất!

Tuy cười theo tôi, mừng rỡ. Tôi châm thuốc hút và tưởng đã quen được với những điều đang diễn ra xung quanh mình.

Vừa đi đến phía mắc áo, Tuy vừa nói:

— Đúng ngày mồng một tết năm nay mình đã tự hứa với mình rằng: nhân dịp xuân về ta nhất quyết sẽ yêu một cô gái nào đó một cách thật đáng hoàng, tử tế, vậy mà không xong.

Con gái ngày nay thật chán, cứ liệu một chút là được!

Hậu hỏi:

— Hình như mày có một « mục » mới chiến lắm?

Tuy đang hai tay, ngửa cổ nhìn trần nhà:

— A... để mình sẽ dẫn hai cậu tới. Cô bé này tuyệt lắm, nhà giàu, đẹp, lời đời, đầu chuyện tình cảm nghe mê không chịu được. Nàng lại ở với một bà cô già, bà cụ này thường bị mình đánh lạc hướng bằng vài hộp bánh.

— Bỏ mẹ?

— Nàng có chuyện xích mích với gia đình, giờ vừa đi làm vừa đi học.

— Coi chừng thứ giả?

— Không. Điều tra kỹ lương rồi mà. À, lúc đến nhà nàng, các cậu chịu khó nhớ giùm là mình có thêm ba chứng chỉ bên luật khoa đấy nhé.

Hậu gật đầu:

— Được. Còn văn bằng của tớ thì để lúc đi đường tớ nghĩ ra sau. Ông Trần này thì khỏi cần, hiện đương kim chủ hiệu sách lại đã từng dạy học hai năm ở một trường tư thực, đủ xài rồi.

Tuy mặc một chiếc quần đen, ống bó và ngắn hở cả bí-tết, đôi chân hấn có vẻ nhẹ nhõm và sửa soạn nhảy nhót. Thấy Tuy tỏ vẻ phân vân trước cái mắc áo sơ mi, Hậu góp ý:

— Mặc cái màu hồng ấy.

— Không được. Sáng nay mình đi chơi gặp mưa, cái áo này bây giờ còn ẩm, chưa thể dùng về những việc quan trọng.

Lúc đi đường Tuy cho chúng tôi biết người con gái tên là Mai.

Căn nhà Mai ở giữa một phố đông đúc, đời sống chạy ào ạt từ sáng sớm đến quá nửa đêm. Trước cửa nhà, một chiếc đèn ống được gắn vào dưới mái hiên để góp ánh sáng với thiên hạ. Tuy dẫn chúng tôi đi theo một con đường nhỏ; hai bên có tường, hơi tối, để lên một cầu thang xây bên cạnh nhà. Mai đứng chờ chúng tôi ngay ở cửa gác, có lẽ nàng đã nghe tiếng xe và đã trông thấy chúng tôi từ trước.

Hậu nói nhỏ với tôi :

— Xinh đấy chứ.

— Đẹp.

Nàng mỉm cười, hầu hết các cô gái cười mỉm đều dễ thương. Vẻ vui tươi của Mai làm cho cái cảnh ba thằng con trai nối đuôi nhau lên thang gác bớt chướng. Ánh đèn sáng trải trên cánh tay, trên nét mặt Mai một màu trắng mềm và tươi mát. Đôi mắt nàng mở to, vui, không ngạc nhiên. Chiếc áo đồng màu với mái tóc được thu hẹp, bó sát thân thể làm cho người đàn ông đứng trước mặt nàng chỉ muốn mở rộng vòng tay. Tuy chỉ Hậu nói :

— Anh bạn này mới hồng thi, cứ bắt tôi cùng đi xem xi-nê để giải sầu. Tôi nghĩ đưa bạn đến nghe Mai nói chuyện còn thú hơn nhiều.

Hậu đang cười rất tươi, vội hơi nghiêm mặt lại cho hợp với vai trò đến bất ngờ. Mai trẻ môi :

— Á, chưa chi đã nịnh khéo Mai rồi. Xin mời các anh vào trong nhà.

Phòng khách gọn gàng và sang trọng như có một ông chủ dư giả cần tụ họp

gần bè mỗi cuối tuần để bàn chuyện thời cuộc. Một bà cụ già, ngồi trong ghế bành, quay ra lắng bả những câu gì không rõ để đáp lời chào của chúng tôi. Bà cụ lập cập thu dọn đồ lễ riêng của bà rồi đi vào nhà trong, nhường chỗ cho chúng tôi. Bà cụ bước chậm chạp, chân như lết trên nền đá hoa. Nhìn bà cụ cố nhường mắt để tìm đường tôi biết rằng lát nữa đây chúng tôi, cũng như tất cả những người bạn của Mai đã vào căn phòng này, không còn phải lo lắng về phả bà cụ.

Hậu ngồi xuống ghế, rút bao thuốc ra châm một điếu, hán bắt đầu tính toán từng cử chỉ. Que điếu vừa bật lửa, hán ngược nhìn Mai một cách nghiêm trang, vẫn cố giữ vai trò buồn rầu. Tuy đi mở cái cửa sổ và bịa thêm vài câu để tả nỗi buồn của Hậu. Hán bước như đang theo một điệu nhạc, tự nhiên, thân mật.

Sau khi thở hơi khói đầu tiên, Hậu từ ngả người ra ghế, không thêm chú ý đến ai. Hán thành công. Mai vội vàng chú ý và săn sóc hán :

— Anh nghe nhạc nhé.

Nàng đem một chồng đĩa đến để trên bàn, trước mặt Hậu :

— Anh chọn đĩa giùm Mai.

Nàng đi lại nhí nhảnh, gọn gàng như một con chim nhỏ vừa chớm bay. Giọng hát của người nữ danh ca Pháp cất lên đầm ấm, bắt tất cả những âm thanh hỗn độn dừng lại ngoài cửa sổ căn phòng. Tiếng nhạc đậm trầm, đều, liên kết, như dính chặt với nhau, tạo thành một hình khối có thực bay lượn trong

không gian. Tiếng ca đột nhiên gọi lên những niềm vui nhẹ và lạ. Bỗng dưng tôi nghĩ đến một bầu trời đầy những sợi tơ vàng óng ánh trong nắng.

Tuy cũng ngồi xuống ghế và chọn cái đĩa nhạc. Hấn phê bình :

— Tuy ca sĩ ngoại quốc chiến thật ! Càng gặp những nốt cao họ ngân càng tuyệt, hơn ca sĩ nội hóa nhiều.

Hậu ngồi thẳng dậy, búng tàn thuốc :

— Anh bạn lẫn thẩn ! Ca sĩ ngoại quốc to lớn, buồng phổi rộng rãi, dư dưng, tha hồ sai sang. Còn ca sĩ nước mình ngực lép, phổi bé tí, chưa bắt đầu ngân đã hết hơi. So sánh một cách độc đoán như thế là thiếu tinh thần ái quốc.

Chúng tôi cùng cười : Hậu đã chán vai trò thiếu não. Hấn thường bị đàn bà làm cho quên bạn bè. Hấn sẵn sàng vạnh rồ về ngớ ngẩn của tôi và Tuy để giữ sự nổi bật của mình. Tôi biết từ lúc này Hậu chẳng nề nang Tuy một chút nào. Hấn sẵn sàng coi Mai là một cô trọng tài xinh đẹp.

Mai gợi chuyện, phê bình những phim đang được chiếu trong tuần. Tuy tỏ ra sành sỏi và hay triết lý vụn. Hậu giữ giọng khôi hài, châm biếm. Tôi dùng âm nhạc làm chỗ ẩn nấp để khỏi phải góp ý kiến. Mà những đĩa nhạc Hậu chọn hay thật, âm thanh tràn đầy căn phòng và thời gian bị đuổi ra khỏi cửa.

Câu chuyện lúc đậm lúc nhạt nhưng không làm mỗi một. Mai phải nghe nhiều. Mỗi lần cần suy nghĩ mỗi nàng hơi trề ra, đùa cợt, khinh thường. Những câu nói lạ của Hậu chỉ làm Mai mở to mắt ngạc nhiên một cách bình tĩnh. Mỗi lần quay

sang nhìn tôi, Mai giữ nét mặt nghiêm trang hơn. Có lẽ nàng lầm tôi là một kẻ từng trải đáng vì nề. Vẻ im lặng của một người sống nhiều không khác vẻ lạnh lùng của một anh dấn bao nhiêu.

Trời đổ mưa to. Cánh cửa sổ thì nhau tự động đóng sập lại. Tuy đứng dậy đến mở lại mấy cánh cửa gỗ bên ngoài và đóng cửa kính. Hậu quay ra xem mưa và hút thuốc. Mai tắt máy hát và hỏi tôi :

— Anh cùng học Văn-Khoa với anh Hậu ?

— Không. Tôi bỏ học lâu rồi Mai ạ. Bây giờ thì đi buôn.

Hậu cướp lời tôi :

— Anh chàng này thì làm đủ nghề. Dạy học hai năm chán, giờ bỏ nghề để làm chủ hiệu sách.

Mai cười :

— Thế thì đằng nào cũng vẫn là bá chủ cả.

— Vâng, chỉ khác là bây giờ khỏi phải quát mắng và cho zéro khách hàng.

Mai nhìn tôi hơi lâu, nàng vượt xa mức bạo dạn của một cô gái bình thường :

— Mai cũng tập đi làm được một năm. Thật chán. Bước vào đời chưa được bao lâu mà đã cảm thấy mình già rồi.

Hậu phản đối sỗ sàng :

— Hừ, đôi má mới như trái táo vừa chín thế kia mà đã dám tự nhận là mình già.

Tuy vừa xoay then khung cửa kính vừa triết lý :

— Đàn bà hay có mặc cảm thật vô lý về tuổi tác mình.

Mai mỉm cười, cúi xuống, bàn tay phải vuốt nhẹ cánh tay trái như để tìm một dấu vết của thời-gian, rồi nàng nhìn tôi :

— Mai nói thật đó. Phải không anh ?

Mai ngửa cổ, lướt nhẹ năm ngón tay trên má rồi vuốt tóc, mái tóc nàng hơi tung ra. Nếu Mai đóng vai cô gái, trong một buổi chiều sau trận mưa nào đó, hiện ra dưới giàn hoa giấy trước cửa nhà tôi và mỉm cười thì quả thực tôi không ân hận gì cả. Không cần một mái tóc ướt nước, không cần.

— Hồi anh dạy học chắc học trò mến anh lắm? Anh nói chuyện vui ghê.

— Dạy năm đầu tiên tôi cũng nghĩ lắm như Mai. Học trò tuy không tỏ vẻ mến tôi nhưng không đứa nào dám có một cử chỉ hỗn trước mặt tôi, trong khi đó chúng hay bàn tán và phê bình nhằm về tất cả các ông thầy khác. Tôi đinh ninh là mình có thiên tài điều khiển học trò. Tôi yêu đời mãi cho đến lúc khám phá ra sự thật trong . . . trong . . . xin lỗi Mai . . . trong câu tiêu ! Bao nhiêu ác cảm dành cho tôi chúng gửi cả vào trong đó. Chúng họa chân dung tôi trên tường, và để tránh sự ngộ nhận, chúng còn cẩn thận ghi đích danh tính tôi ở phía dưới. Năm sau tôi bắt đầu làm việc không có hứng thú. Đến lúc trường tan vì ông chủ trường nhận thấy nghề đi thầu có lợi hơn công việc truyền bá văn hóa, thì tôi quyết định xoay đi buồn.

Tiếng mưa đổ xuống mái nhà đã bớt dữ dội. Tuy mở hé một bên cửa kính, chợt hắn quay vào vẫy gọi rồi rít :

— Mời quý vị ! xin mời quý vị ra đây mau !

Chúng tôi chạy đến bên cửa sổ. Tuy vừa chỉ tay vừa nói bằng một giọng thật quan trọng :

— Quý vị hãy nhìn thằng cha đang đi bên kia đường... đó, hần mập mập, đi cạnh cô nàng mặc jupe hồng... Quý vị hãy ngắm kỹ khuôn mặt hắn, ngắm thật kỹ đi, nhất là bộ râu

Chúng tôi chăm chú nhìn người đàn ông Tuy chỉ đang điều người đàn bà đi sát dưới mái hiên để tránh mưa. Ông ta ăn bận sang trọng tuy lưng hơi cúi, nhưng mặt ông ta lại ngửng nhìn lên một cách tự tin vững chãi. Khuôn mặt tròn, đầy, hơi nặng nề thêm với một bộ râu con liều. Mai hỏi :

— Sao ?

Tuy nói vẫn giữ vẻ thúc giục tha thiết :

— Xin cứ nhìn khuôn mặt hắn kỹ đi.

Hậu sốt ruột :

— Nhìn kỹ rồi. Có gì lạ ?

Tuy quay lại, mạnh dạn chỉ vào mặt mình :

— Bây giờ yêu cầu quý vị nhìn kỹ mặt tôi và xin quý vị thành thực trả lời giúp tôi câu hỏi này : giả thử tôi để râu thì mặt tôi có đến nỗi... bần tiện, bần thủ như mặt hắn không ?

Tôi đang định để râu kể từ lần hớt tóc kỳ tới này.

Mai bật cười :

— Để râu thế coi càng hách chứ sao.

Tuy giơ hai tay lên trời, than thở :

— Trời đất ơi ! Thề mà hách ! Thật đúng là một con sâu róm ròi trên một chiếc bánh dầy thiêu.

Than xong, Tuy đến trước chiếc gương lớn đứng ngắm nghía để nghiên cứu thêm về giả thuyết hán có thêm bộ râu trên mép. Hậu trở lại bàn hút thuốc. Mai còn đứng sau lưng tôi, nhìn xuống đường. Mặc dầu rất ham đi sau đàn bà để ngắm mái tóc và lưng họ, tôi lại không ưa bị ai nhìn sau lưng vì vẫn có mặc cảm về sự gầy gò của mình. Tôi vừa định lùi lại thì Mai đã tiến lên, áp mặt vào cửa kính.

Con đường phố trước mắt chúng tôi vẫn nhộn nhịp dưới màn mưa. Từng cặp, từng cặp xuống xe và dắt nhau chạy vội vào một phòng trà ca nhạc. Hình cửa phòng trà lộn ngược dưới mặt đường làm cho một quang đường ngắn đổ rọi ánh đèn. Chú bé có nhiệm vụ giữ xe kho. áo mưa, đội nón, ngồi trên yên một chiếc Vespa, bất động như hình vẽ một anh chàng lực sĩ quảng cáo thuốc sau lưng chú. Thỉnh thoảng một chiếc xe hơi dừng sát lề đường để đón một trong những cô gái đang đi đi, lại lại trước mấy cửa hiệu bán quần áo.

Một chiếc xe đen già, kèn càng, do một ngoại kiều lái, đi chậm chậm sát vào vỉa hè, người lái xe hình như bị một mục tiêu khác làm cho quên hẳn con đường trước mặt. Tôi hỏi nhỏ Mai :

— Chắc anh chàng mũi lõ kia cũng đi tìm...

— Vâng.

— Trên lề đường chỉ còn hai cô, một áo xanh, một áo vàng, Mai đoán xem cô nào sẽ được lên xe của hán ta.

— Em đoán cô áo vàng.

— Tôi, cô áo xanh.

Bỗng hai cô gái nhận được dấu hiệu và chạy ra xe cùng một lúc. Bàn tay mở cửa xe không phải của anh chàng ngồi cầm lái. Thì ra trong xe có hai người. Mai nói :

— Chúng ta cùng thắng.

— Ngày nào cũng có cái cảnh yêu nhau nhộn nhịp thế sao ?

— Mai không để ý.

— Họ có vẻ vội vàng như những kẻ sợ hết mùa xuân vậy.

Mai đứng thẳng người, quay lại nhìn tôi, giọng buồn bình :

— Đàn ông thường sợ già hơn đàn bà.

Môi nàng hơi bặm lại, hai ngón nhỏ ở hai bên miệng phồng lên một cách nũng nịu. Mắt nàng mở to như hơi giận dữ với tên đàn ông trước mặt nàng. Tôi cười, cười thực tình, sẵn sàng để cho nàng nhìn thấy bức họa vụng về của thời gian nằm trên má, trên đuôi mắt tôi :

— Sai rồi. Đàn ông không bao giờ sợ già, họ chỉ sợ người yêu của họ già thôi.

Mai không cười, quay mặt nhìn xuống đường. Tay nàng uể oải vẽ những vòng tròn mờ mờ trên cửa kính, ngón tay quanh quẩn, thân thờ, những vòng tròn hỗn loạn chồng chất lên nhau. Giọng nàng xúc động đột ngột :

— Đàn ông sướng thật. Có nhiều người đàn bà vừa mở mắt trưởng thành đã trông ngay thấy người chồng sắp cưới

của mình để rồi phải nhắm mắt theo chân hân vào một thế giới tình yêu thiếu màu sắc và kết toàn bằng bốn phận.

Tôi nhìn khuôn mặt Mai phản chiếu mờ mờ sau cửa kính. Trong gương, khuôn mặt mất hết các nét phụ, chỉ còn đôi mắt đẹp, mái tóc buồn và bóng đêm mệnh mông xung quanh. Đôi mắt đó, trong một thoáng, đã lướt nhìn khuôn mặt tôi trong gương rồi lại trở về với cảnh nhộn nhịp dưới đường. Trong vùng ánh sáng của con đường phố trước mặt chúng tôi, mưa không có chân, mọc ra từ bóng tối và gieo mình, rẩy nẩy trên mặt đường nhựa, tung toé, tự do. Mưa loang loáng bay qua khuôn mặt buồn của Mai trong cửa kính.

Những chấm nước nhỏ li ti tụ nhiều trên tóc Mai, thỉnh thoảng chạm phải ánh đèn lại b. t lên lóng lánh. Vai nàng cũng đầy chấm nước. Bỗng dưng tôi muốn đặt bàn tay sẵn sóc lên đôi vai, lên mái tóc đó như từ bao lâu nay tôi đã từng ao ước được vuốt những giọt nước phong trần trên khuôn mặt cô gái mơ hồ, hiện ra vào một buổi chiều sau cơn mưa, dưới giàn hoa. Giữa cảm giác hồi hộp, xao xuyến là một niềm vui băng khuâng.

Một giọng ca tha thướt, từ căn phòng trà, bay lan trên đường phố. Giọng ca vui tươi, thanh thản lạ lùng. Hình như người nữ ca sĩ đã đem về đây cả một cánh đồng cỏ xanh êm mát, cánh đồng cỏ chum lên sự náo động của thành phố, và rồi nàng vừa đi tung tăng trên đó vừa ca hát.

Có tiếng Tuy đề nghị sau lưng chúng tôi :

— Này, bây giờ tụi mình đi xi-nê còn kịp xuất cuối cùng.

Hậu tán thành :

— Ý kiến hay.

Mai rời khung cửa kính, quay vào, chợt lại vui vẻ, nhí nhảnh, gọn gàng như một con chim vừa chớm cất cánh :

— Chờ Mai thay áo nhé.

Hậu nhìn Mai cười, nụ cười dồn cả lên đôi mắt nheo lại. Nụ cười, hơi khinh bỉ một cách thân mật, như thấu rõ cả tâm hồn người khác. Hân vẫn giữ giọng nịnh hót.

— Này, cấm đánh phấn đó. Nhân danh các thẩm mỹ gia tôi sẽ đầu đơn kiện nếu Mai dám dùng đồ nhân tạo để che lấp cái đẹp siêu phàm mà Tạo hóa đã ban cho.

Nàng vừa đi khuất vào nhà trong, Tuy đã hỏi nhỏ Hậu :

— Ngon lành không ?

— Tuyệt !

Hậu bỏ điều thuốc xuống cái gạt tàn, đứng phắt dậy, rời khỏi ghế. Hân tiến đến trước mặt tôi, vừa tắc lưỡi vừa uốn lượn bàn tay trong không khí để vẽ những đường nét tưởng tượng của một thân thể đàn bà nẩy nở. Giọng hân vẫn kéo lê ra :

— Tuyệt !

Tôi vừa cố gắng cười đồng lõa với Hậu vừa muốn tát hân.

Tuy đứng trước gương sửa lại cổ áo. Trên môi hân vẫn nở nụ cười ham muốn, tự tin. Dáng điệu hân vẫn như sắp nhảy chồm về phía trước để phá phách.

Hắn vừa vuốt tóc vừa nói nhỏ với Hậu và tôi :

— Xin báo trước là lúc ở rạp xi nê ra tôi sẽ mượn phép các cụ đưa em bé về tề xá và...

Tuy tiếp theo câu nói bỏ lửng bằng cách giơ hai tay tạo những hình vẽ trong không khí, nét mặt thản nhiên một cách tàn nhẫn. Mọi việc đối với hắn lại dễ dàng đến thế sao ? Hậu hỏi :

— Chắc được không ?

— Suy. Rồi coi.

Thật là lợm giọng khi phải nhìn một lúc hai khuôn mặt khác nhau của Tuy. Mai từ nhà trong bước ra với một nụ cười. Tuy nói ngay :

— Lúc ở rạp ra, Mai nhớ nhắc tôi tắt về nhà để lấy cho Mai mấy đĩa nhạc tôi mới mượn được.

Tôi chẳng cần hồi hộp, lo lắng đợi chờ lâu. Mai đáp luôn, không một thoáng nghi ngại, thắc mắc :

— Được. Mai sẽ nhắc anh.

Hậu đưa mắt nhìn tôi, nét mặt hắn vẫn tĩnh táo.

Tôi cố nghĩ đến một quyển sách hay còn đọc dở ở nhà, hy vọng sự hấp dẫn của cuốn sách làm tôi nao nức muốn về, và tôi vừa xem đồng hồ vừa nói :

— Thôi, hai cậu đi với Mai nhé. Khuya rồi, tôi phải về.

Mai mở to mắt, sững sờ, quyển luyện :

— Ủa, anh không đi với bọn Mai sao ?

Tôi nghĩ là nàng lại đóng kịch và tôi không muốn làm một khán giả dễ tính.

*
• •

Ngồi trên chiếc xích-lô máy chở mình về nhà, tôi cảm thấy quyển sách mà tôi vội vàng nhớ đến chỉ là một tác-phẩm nhạt thếch. Tôi hình dung lại khuôn mặt của Mai trong khung cửa kính, những chấm nước nhỏ vương trên mái tóc nàng và cũng không sao quên được những dự định của Tuy. Chỉ cần nhớ đến đôi môi đầy, cong, đáng điệu hăm hở tiến tới của hắn là thấy được đủ chuyện.

Tiếng máy xe nổ to, mưa rơi và gió nổi ào ào chung quanh mình. Chán quá. Không làm sao nghĩ về chuyện gì một cách minh mẫn được cả. Thật khó yên tâm với hình ảnh một con chim nhỏ vui tươi, nhí nhảnh vừa chồm xòe cánh bay trong tâm hồn mình.

Vùng ngoại ô mưa nhỏ, tôi nhìn qua miếng kính nhựa trước mặt để báo hiệu cho anh chàng xích-lô dừng đứng trước cửa nhà. Khi tôi bước xuống, anh ta vẫn ngồi yên trên nệm xe, vừa vuốt nước trên mặt vừa năn nỉ :

— Xin thầy cho thêm năm đồng. Xa quá mà, trời mưa, đường xấu, nhồi hư hết xe.

Tôi chiều ý anh ta. Đời sống này cái gì cũng lên cao giá, hình như chỉ có một thứ độc nhất đang xuống giá là sự chân thành. Tôi hấp tấp bước vào nhà, vô tình chạm phải cây cột chống giàn hoa giấy đang ứ rữ, ướt sũng nước. Sau một cái rung mình, giàn hoa đổ nước xuống rào-rào.

Ảo tượng

Dân tình

Đó anh thấy viên sỏi này bờ ngõ
Nằm im đây ôm kín nỗi vu vơ
Bàn tay nhỏ em làm duyên nhất lầy
Đời bỗng đứng đẹp thương mến không
ngờ.

Anh bận bịu với nỗi niềm chán nản
Đưa hai tay chực xô ngã cuộc đời
Tha nhân đó vẫn sống sờ tàn nhẫn
Cho bàn tay anh quờ quạng chơi vơi...

Bởi chỉ muốn quay về tìm ảo tưởng
Chợt bàng hoàng máu ứa mới về tìm
Mà từ lâu tìm đời sao nín thở
Anh đau thương nhìn gót mỗi chân
mềm.

Thì nắm lấy tay em đây bé nhỏ
Trần gian này tìm giao ngộ yêu
thương.

Bằng nụ cười hoa tình yêu chớm nở
Xóa đi anh hoài vọng một thiên đường.

Này anh biển rộng nghe buồn
Bàn tay lửa sóng vào hồn xôn xao
Khởi xa ảo tượng con tàu,
Bờ này ảo tượng công đầu tên anh
Rối thôi mình hiểu được mình :
Chạm tay đã giữ bóng hình vu vơ
Vào đời tuổi mộng đại khờ
Vào yên đảm đuổi quên bờ thời gian
Giật mình tỉnh dậy bàng hoàng
Nghe anh : biển rộng khơi ngàn
tàu đi...

Tàn phai

Buồn sao thấy tội phút này
Thôi anh, thôi bỏ tháng ngày xưa sau.
Ấn tình hoài vọng cho sâu
Bàn tay son sắt rồi màu tàn phai.
Lạnh lùng trời rộng sông dài,
Tâm tư buốt giá lạc loài vào yêu.
Mắt em anh khóc cho nhiên
Đời này anh chịu bỏ liễu thân anh ?
Còn chỉ thuở nhỏ xây thành
Đắp đài vẽ tượng công anh sau này ?
Bây giờ nồng đậm tình đây
Thôi anh, thôi bỏ tháng ngày xưa sau.

Ông lão bẻ ghi

LÚC đặt được chân lên cái nhà ga vắng tanh, thì người khách lạ đã thở hết muốn ra hơi. Chiếc vali to tướng của khách, không ai chịu vác giùm khách, đã làm khách mệt đừ. Khách rút khăn mu-soa lau mặt, đưa bàn tay chặn trước mắt rồi nhìn con đường sắt chạy thẳng tắp tận chân trời. Vừa thở hào hển khách vừa xem đồng hồ, nét mặt lộ vẻ dăm chiêu : giờ này đúng là giờ mà chuyến xe lửa khách đáp phải chạy qua đây.

Lúc ấy có một người, không biết từ đâu bước ra, đèn gắn võ nhẹ trên vai khách. Khách vội ngoảnh lại, thấy người vừa vỗ vai mình là một ông lão vóc người nhỏ nhắn, ăn mặc như một nhân viên sở hỏa xa. Ông lão xách nơi tay một chiếc đèn lồng màu đỏ nhỏ xíu như thứ đèn của trẻ con chơi, mỉm cười nhìn khách. Bằng một giọng lo lắng khách hỏi :

— Xin lỗi bác, bác cho phép cháu được hỏi thăm chuyến xe lửa có lẽ đã chạy qua rồi ?

— Đây là lần thứ nhứt cậu lạc đèn xứ này thì phải ?

— Cháu có việc phải đi lập tức. Ngày mai cháu cần có mặt tại T. . .

— Xem đó đủ rõ là cậu không hay biết mảy may gì về những chuyện đã xảy ra ở đây. Việc mà cậu cần làm gấp ngay từ bây giờ là mau mau đi tìm thuê một căn phòng đang quán.

Nói xong ông lão chỉ cho khách thấy một ngôi nhà kỳ lạ màu xám tro trông giống như một cái nhà tù.

— Nhưng cháu đâu muốn lưu lại đây. Cháu định đáp xe lửa kia mà.

— Cậu nên thuê một căn phòng lập tức. Nếu may ra mà cậu thấy còn một phòng nào thì tôi khuyên cậu nên thuê luôn một tháng. Như vậy đã đỡ tốn kém mà cậu cũng được đổi đãi tử tế hơn.

— Bác điên sao ? Cháu đã nói với bác là cháu cần phải có mặt tại T. . . ngày mai.

— Nghe cái giọng của cậu lão những muốn bỏ mặc cậu cho đáng kiếp. Nhưng mà thôi, lão không chấp, lão sẽ thuật cho cậu rõ đầu đuôi.

Xin bác làm ơn thuật.

— Xứ chúng tôi, như cậu đã biết, là một xứ rất nổi tiếng và hệ thống giao thông bằng xe lửa. Cho đến ngày nay, thật ra hệ thống giao thông đó, chúng tôi chưa thực hiện xong, nhưng để bù lại chúng tôi đã làm được nhiều công việc lớn lao khác. Như việc ấn hành những bảng chỉ dẫn ghi rõ giờ đến và giờ đi của các chuyến xe, và việc bán vé cho hành khách. Trên bảng chỉ dẫn sở hòa xa đã nêu tỉ mỉ tên của tất cả những nơi trong nước mà xe lửa sẽ đi qua; sở hòa xa lại còn bán cả những loại vé để đi về những thôn xóm rất nhỏ rất xa xôi nữa. Đủ hết, chỉ thiếu có mỗi một điều: là làm thế nào để các chuyến xe tuân đúng theo những giờ giấc đã ghi trên bảng và chạy thật sự qua những nhà ga đã nêu tên. Dân chúng trong xứ ai cũng chỉ mong mỗi có bấy nhiêu. Trong khi chờ đợi họ ngoan ngoãn chịu đựng mọi tình trạng bất thường; và lại lòng ái quốc của họ không cho phép họ nói lớn những gì mà họ đang âm ứ.

— Nhưng thưa bác, thật sự thì có một chuyến xe nào sẽ đi qua chỗ này chăng?

— Nếu lão nói có thì hóa ra lão nói sai sự thật. Như cậu đã thấy đó, sở hòa xa đã đặt đường rầy, tuy rằng đường rầy đã hơi hư hỏng. Ở một

vài nơi đường rầy chỉ được đặt một cách tượng trưng, nghĩa là sở hòa xa chỉ cho vẽ bằng phấn trắng hai vạch song song trên mặt đất. Thế theo tình trạng hiện thời thì không một ai có quyền bắt buộc xe lửa phải chạy qua đây, cũng như không một ai có quyền cấm cản không cho xe lửa được chạy qua đây hết. Trong đời lão lão đã thấy vô số xe lửa như vậy rồi và lão cũng đã được biết những kẻ đã có cái may được đáp những chuyến xe lửa ấy. Nếu cậu có đủ kiên nhẫn đợi thì có lẽ chính lão sẽ được hân hạnh tiễn cậu bước lên một toa xe vừa xinh xắn vừa có đủ tiện nghi cũng không chừng.

— Nhưng chuyến xe bác nói đó chạy đi T... chớ?

— Lão không hiểu tại sao cậu lại nằng nằng đòi đi T... cho bằng được? Thiết tưởng riêng cái chuyện được bước lên xe lửa cũng đã đủ là một chuyện đáng cho cậu hả dạ lắm rồi. Một khi cậu đã ngồi trên xe lửa đâu đó xong xuôi, cuộc đời cậu chắc chắn sẽ xoay theo một hướng nào đó. Hướng đó là hướng đi T... hoặc không phải là hướng đi T..., lão nghĩ cũng chẳng quan hệ gì cho cậu lắm.

— Cháu có một vé hợp lệ để đi T... Theo lý, xe lửa phải đưa cháu đến đó. Như vậy, bác nghĩ cháu nói phải hay không nói phải?

— Nhiều người sẽ cho là cậu nói phải. Đàng cái quán mà lão đã chỉ cho cậu, cậu sẽ gặp được vô số hành khách đã cẩn thận mua hàng đồng vé. Lệ thường, những kẻ biết lo xa, họ còn

mua đủ loại vé để có thể đi về đủ mọi nơi trong xứ nữa kia. Lão biết có nhiều người đã bỏ ra cả một sò bạc kêch xù vì vé...

— Theo cháu tưởng, muốn đi T..., chỉ một cái vé cũng đã đủ lắm. Bác xem vé của cháu đây này...

— Chỉ trong nay hoặc mai đây thôi sò hòa xa sẽ cho đặt thêm một đoạn đường mới nhờ ở sò tiền bán vé thâu được của một ông hành khách nọ vừa tiêu nhân cả một tài sản khổng lồ trong việc mua vé khứ hồi để đi trên một thiết lộ trình còn trong vòng nghiên cứu. Đồ án của thiết lộ trình này, gồm nhiều đường hầm để đi luôn qua núi và nhiều cầu sắt để vượt qua các vực sâu, cho đến nay cũng vẫn chưa được các kỹ sư của sò hòa xa chấp thuận.

— Nhưng cháu chỉ muốn biết đoạn đường đi T... đã mở rồi hay chưa mở mà thôi!

— Đã mở rồi, và nhiều đoạn đường khác cũng đã mở rồi như thế. Thật ra, xứ chúng tôi có rất nhiều xe lửa và có thể thỏa mãn nhu cầu xê dịch của tất cả hành khách một cách tương đối được, miễn là họ vui lòng thông cảm, đừng đòi hỏi một cái gì quá vĩnh viễn và thường xuyên. Nghĩa là, nếu nói toạc móng heo ra, khi bước lên xe lửa thì hành khách đừng ai hi vọng được xe lửa đưa đến đúng cái nơi muốn đến của mình.

— Sao thế bác?

— Vì muốn phục vụ đồng bào một cách đặc lực sò hòa xa đã bắt buộc

phải áp dụng những biện pháp rất liêu cho xe chạy những miền mà không ai ngờ nổi là có thể chạy qua. May mắn chuyên xe cảm tử ấy lắm lúc phải mất nhiều năm mới chạy được suốt quãng đường, và cuộc đời của hành khách, do đó, bị lắm sự đổi thay quan trọng. Trường hợp hành khách, vì không chịu nổi những thử thách quá gay go, qua đời ngay trên xe trong khi xe chạy, vẫn thấy xảy ra luôn. Sò Hòa Xa, đã trù liệu trước mọi sự, có cho móc thêm vào đoàn xe một toa — nhà xác và một toa — nghĩa địa. Có thấy được nét mặt của các nhơn viên hỏa xa lúc họ khiêng xác hành khách — xác đã được ướp cẩn thận bằng dầu thơm — đặt trên « ke » của nhà ga đã ghi trên vé ta mới thấy rõ họ đã hãnh diện vì phận sự họ thế nào! Nhiều khi đoàn xe chạy qua những chỗ mà đường rầy chỉ còn có một bên khiến các bánh xe phải lăn bừa trên « tà-vẹt » và trợn một phía của toa xe bị xóc lên một cách thâm hại vô cùng. Hành khách mua vé hạng nhứt — sò Hòa Xa đã trù liệu tất cả đầu vào đó — liền được xếp ngồi qua phía có đường rầy, còn bọn mua vé hạng nhì thì cứ can đảm can rầy chịu xóc. Lại có những chỗ khác tệ đến nỗi bao nhiêu đường rầy đều mất sạch và toàn thể hành khách, cả hạng nhứt lẫn hạng nhì, lúc ấy đành chịu chung một cảnh khổ như nhau, chịu cho đến lúc đoàn xe ngưng lại, rã tan ra từng mảnh.

— Trời Đất ơi!

— Như ngôi làng F... chẳng hạn. Làng ấy đã được dựng lên sau một

vụ tai nạn thuộc loại lão vừa kể. Đoàn xe lửa bị sa lầy trong đất lún, bao nhiêu bánh xe đều bị cát làm mòn tận trục. Đám hành khách bắt buộc phải sống chung đống nhau rất lâu, đến nỗi từ những câu chuyện xã giao trao đổi tầm thường và cần thiết đã nảy sinh ra những mối quen biết đậm đà. Một vài mối quen biết ấy đã nhanh chóng biến thành tình yêu, và do đó làng F... mọc lên, một ngôi làng cấp tiên nhan nhản những trẻ con tinh quái chuyên đùa nghịch với những mảnh vụn đã rỉ của đoàn xe ngày trước.

— Trời ơi, người như cháu đây đâu đủ sức để chịu đựng những chuyện ghê gớm thế kia!

— Cậu chớ thốt những lời bi quan thái quá. Theo lão tướng thì trước hết cậu cần giữ sao cho tâm trí lúc nào cũng bình tĩnh sáng suốt rồi may ra cậu sẽ trở nên một bậc anh hùng. Cậu đừng cho là trong chuyến đi, hành khách sẽ không có một dịp nào để phô trương lòng can đảm và khả năng hi sinh của họ. Lão nhớ có một lần, có một bọn nọ gồm hai trăm hành khách vô danh đã viết nên một trong những trang vẻ vang nhất của lịch sử đường xe lửa xứ này. Trong một chuyến chạy mở đường, anh thợ máy điều khiển đoàn xe đã kịp thời tìm thấy một chỗ thiếu sót quan trọng do lỗi của đám chuyên viên đặt đường sắt. Tại một nơi có vực sâu nọ, đám chuyên viên đã quên phứt việc bắc một chiếc cầu. Và cậu có biết mọi việc đã diễn ra cách nào không? Lúc ấy, thay vì cho đoàn xe chạy lùi trở lại,

anh thợ máy bèn đứng lên mở lời kêu gọi, được toàn thể hành khách hưởng ứng. Tất cả đều đồng ý nỗ lực giúp đoàn xe lửa tiếp tục cuộc hành trình. Dưới sự chỉ huy quả quyết của anh thợ máy mọi người xúm lại tháo đoàn xe lửa rời ra từng mảnh rồi kê vai vác tất cả để đem qua phía bên kia miệng vực sâu. Càng hi hữu hơn, khi xuống tới đáy vực đám hành khách đầy thiện chí ấy lại còn phải lội qua một con sông rộng chảy âm âm như thác nữa. Kết quả của sự nỗ lực đó mỹ mãn đến nỗi, từ bây giờ đi sở Hòa xa liền bỏ hẳn ý định xây cầu, bằng lòng hoàn lại một số tiền quan trọng cho những hành khách nào dám liều mạng đương đầu với nỗi khó khăn phụ trội ấy của hành trình.

— Nhưng ngày mai cháu phải có mặt tại T...!

— Hay lắm. Lão rất mừng mà thầy cậu vẫn khẳng khẳng giữ nguyên ý định. Đủ biết cậu là người có tinh thần cứng rắn. Bây giờ lão khuyên cậu nên lại đàng quán nghỉ ngơi, đợi cơ hội đáp ngay chuyến xe lửa đầu tiên mà cậu gặp. Hay nói đúng hơn, cậu nên cõn thê nào để trèo lên xe cho bằng được vì lão chắc chắn sẽ có hàng ngàn người khách sẽ đứng ra cản trở việc cậu định bước lên xe. Mỗi lần có một đoàn xe đến, đám hành khách, nóng nảy vì đã phải đợi chờ lâu, liền từ trong quán đua nhau chạy tủa lại nhà ga. Nhiều vụ tai nạn đáng tiếc đã xảy ra chỉ vì sự thiếu lễ độ và sự không cẩn thận của những hành khách,

ây. Thay vì bước lên xe một cách có trật tự họ lại thích xô đẩy nhau để rồi cuộc không có lấy một mòng nào trèo lên xe được cả. Xe chạy mất, bỏ mặc họ đứng bực tức cả lũ trên «ke» Không biết làm gì hơn, họ bèn quay ra trách móc nhau là quân mất dạy, chửi bới nhau inh ỏi, đấm đá nhau huỳnh huých hàng giờ.

— Thế cảnh binh đâu ? Sao cảnh binh không can thiệp ?

— Ban đầu người đã thử đặt tại mỗi nhà ga một toán cảnh binh nhưng về sau người ta nhận thấy công việc tổ chức cảnh binh như thế là một công việc quá vô ích và tốn kém, vì xe lửa, ác thay, chỉ đến vào những ngày hoặc những giờ mà mình không làm sao đoán trước. Hơn nữa toán cảnh binh nào cũng giống toán binh này, tựu trung chỉ là một lũ ham tiền, chỉ lo bảo vệ riêng những hành khách giàu sang để được họ thăng bằng tất cả những gì mà lúc ấy họ có mang theo sẵn. Chính vì thế mà người ta bèn quyết định lập ra nhiều trường đặc biệt để đào tạo những hành khách tương lai, dạy họ những cách ăn ở lịch sự, những phương thức phải theo để sống được trọn đời trên xe lửa, những thế nhảy khác nhau để có thể trèo lên một đoàn xe đang phóng thật nhanh. Người ta lại còn phát cho mỗi học viên một bộ áo giáp để tránh nạn bị gãy xương sống mỗi khi cần chen lấn với bao nhiêu hành khách khác.

— Nhưng khi đã bước được lên xe rồi mình có còn phải ngại gì về

những sự khó khăn sẽ gặp nữa không ?

— Chỗ này lão thầy khó trả lời cậu cho dứt khoát. Lão chỉ khuyên cậu cần đề ý các nhà ga. Nhiều khi, ngồi trên xe, cậu tưởng rằng cậu đã đến T... trong khi thật ra thì cậu lại là nạn nhân của những trò ảo hóa. Để các hành khách có cảm tưởng đang sống một cuộc sống yên ổn, vui tươi trên những toa xe chật nít, sở Hòa Xa đã bắt buộc phải dùng đến một vài thuật mọn. Có những nhà ga chỉ có cái dạng bên ngoài, cắt giữa rừng, mang tên những thành phố lớn. Nhưng ta chỉ cần tỉnh mắt một chút là nhận thấy ngay cái dụng ý không minh bạch. Những nhà ga ấy trông không khác gì những phong cảnh bằng cát tông trên sân khấu, còn những người mà ta thấy đứng đây đứng đó trong ga thì lại là những hình nộm mặt cưa. Những hình ấy, tuy bị mưa nắng làm hư hại nhiều nhưng lắm lúc lại là hình ảnh trung thành của thực tế : hình nộm nào cũng có một nét mặt mệt mỏi vô biên.

— Cũng may là T... không xa đây lắm.

— Hiện nay xứ chúng tôi đang thiếu những đoàn xe chạy thẳng. Nhưng cũng rất có thể rằng ngày mai cậu sẽ đến T... như lòng cậu vẫn mong. Tuy mang tiếng là không được hoàn bị lắm trong sự điều hành công việc nhưng sở Hòa xa thỉnh thoảng cũng tổ chức được một chuyến xe chạy suốt. Chẳng hạn, có những hành khách không hay biết ắt gặp gì về tình trạng

của hệ thống hỏa xa ; họ mua vé đi T... ; một đoàn xe ghé lại ; họ bước lên ; một lát sau họ nghe có tiếng anh thợ máy rao to : «T... đây, đã đến T... rồi ». Họ bước ngay xuống xe, không cần nhìn kỹ trước sau gì cả, ấy thế mà họ lại nhận thấy rằng xe lửa đã chở họ đến T... thật sự rồi.

— Theo ý bác thì cháu... có nên, làm một việc gì đó bất cứ để hi vọng gặp cái may mắn như bọn hành khách đó không ?

— Nên lắm chứ ! Nhưng ngặt một nỗi là mình không thể nào biết trước một việc làm như vậy sẽ có ích lợi chút nào không. Nhưng cậu cứ làm thử. Cậu cứ trèo lên xe, cứ tâm niệm rằng rồi đây thế nào cậu cũng sẽ đến được cái nơi muốn đến. Cậu đừng chuyện trò gì với những kẻ mà cậu lầm tưởng là bạn đồng hành. Họ có thể làm cậu thất vọng với lời nói chuyện vô duyên của họ hoặc có thể tô cáo cậu để cậu bị tù bị tội cũng không chừng.

— Bác nói sao ?

— Thế theo tình hình hiện nay thì toa xe lửa nào cũng chở đầy thám tử. Những thám tử ấy, phần đông là tình nguyện, suốt đời chỉ biết có mỗi một việc để cao tinh thần xây dựng của sở Hỏa Xa. Thỉnh thoảng trên xe ta lại gặp một ông hành khách ham nói ba hoa, thứ hành khách có tật nói cho sướng cái lỗ mồm nhưng lại chẳng biết gì về những điều đang nói. Liền đó, bọn thám tử bèn hiểu câu nói của ông hành khách theo nhiều nghĩa khác nhau, suy ra thành một ý kiến chết người, mặc dầu câu nói chỉ là một câu nói tầm thường, vô tội. Nếu rủi như

cậu lỡ đại kiêu đó, lỡ đại một tí thôi, chắc chắn cậu sẽ bị bọn thám tử bắt ngay lập tức. Cậu sẽ bị giam cho đến chết trong một tòa nhà ngục hoặc sẽ bị tống xuống một nhà ga giả nằm lơ lửng giữa rừng. Cho nên lão xin cậu nghe lời lão, khi bước lên xe cậu cần tin tưởng mãnh liệt vào chuyện đi của cậu, cậu cần ăn uống càng ít càng hay, và khi xe đến T... rồi nếu nhìn mãi trong ga mà không gặp được một khuôn mặt quen nào thì cậu chớ có hấp tấp đặt chân ngay xuống đất.

— Nhưng cháu có quen ở ai T...đâu.

— Nếu thế thì cậu lại càng phải thận trọng giữ mình lắm lắm. Lão xin nói để cậu hay trước, là cậu sẽ gặp nhiều sự cảm dỗ dọc đường. Trên xe nếu cậu nhìn ra cửa sổ cậu có thể bị vướng vào một thứ bầy ảo ảnh đã giăng sẵn. Các cửa sổ của mỗi toa xe đều có trang bị nhiều máy móc tài tình tạo ra được đủ thứ hiện tượng lạ trong đầu hành khách. Lão từng thấy nhiều kẻ khôn khéo là thế mà cũng vẫn bị mắc phải như thường. Chẳng hạn có một vài thứ máy, được điều khiển từ đằng đầu máy, chuyên phát ra những tiếng động và những nhịp lắc lư khiến ai nấy đều đinh ninh rằng đoàn xe đang chạy trong khi thật sự thì đoàn xe đã nằm ì hành mấy tuần rồi. Trọn đám hành khách không một ai hay biết được chuyện gì ; mỗi khi nhìn ra cửa kiềng họ vẫn thấy những phong cảnh đẹp ở hai bên đường hiện ra liên tiếp.

— Người ta làm thế với mục đích gì ?

— Với mục đích lành mạnh làm giảm bớt sự âu lo của hành khách và đánh lui những cảm giác nhọc mệt của

cuộc hành trình. Người ta làm thế vì người ta muốn rằng, có một ngày nào đó, toàn thể hành khách sẽ ý thức được bốn phận hành khách của mình, sẽ hoàn toàn giao phó số mạng cho số Hỏa Xa, sẽ tuyệt đối tin tưởng vào tài tổ chức thiêng liêng cao cả của số Hỏa Xa, sẽ không bao giờ thắc mắc tự hỏi mình sẽ đến đâu hoặc sẽ đi đâu mỗi khi bước lên xe lửa nữa.

— Còn bác, có lẽ bác đã đáp xe lửa đi đây đi đó nhiều rồi ?

— Lão ấy à ? Lão chỉ là một nhon viên bé ghi nhỏ mọn. Không giàu gì cậu, lão là một nhon viên bé ghi đã về hưu, thỉnh thoảng mới đến nhà ga đây một lần để hỏi tường lại cái thuở nào oanh liệt. Lão chưa từng đi xa và không bao giờ dám có ý định đi đi xacả. Nhưng lão đã tiếp xúc với rất nhiều hành khách và đã biết là xe lửa đã thành lập được một số lớn thôn ấp và thành thị, ngoài ngôi làng F... mà lão đã kể lai lịch cho cậu nghe rồi. Đôi khi bọn thợ máy trên xe lại còn nhận được những chỉ thị bí mật. Họ mời tất cả hành khách xuống xe, lấy cớ là trong vùng có một danh lam thắng cảnh nào đó mà hành khách cần thưởng ngoạn qua cho biết. Động lạ, suối mát hoặc thành quách lâu đời. « Mười lăm phút để quý đồng bào ngắm cảnh », anh thợ máy rao to như thế bằng một giọng đáng yêu. Nhưng đến lúc tất cả hành khách tin thật đi được một quãng khá xa thì xe lửa bèn hồi hã mở hết tốc lực chạy vù mất dạng.

— Còn đám hành khách ?

— Họ đi thơ thẩn từ nơi này qua nơi nọ trong một ít lâu rồi cuối cùng nhóm

hợp nhau lại để tổ chức thành một ấp. Những vụ « ngắm cảnh » loại đó thường xảy ra ở những nơi chôn sấn, cách xa đời sống văn minh nhưng có đủ những nguồn lợi nhiên nhiên phong phú. Đám người được cho đi « ngắm cảnh » thường là một đám người còn trẻ, phần đông là những thiếu nữ đang độ xuân thì. Riêng cậu, lão hỏi thật, cậu có thích được sống trọn đời bên cạnh một cô gái đẹp, ở một nơi tuy hoang vu nhưng hùng vĩ như thế hay không, hả ?

Vừa nói ông lão vừa nheo mắt mỉm cười nhìn người khách trẻ, dáng điệu nửa tỉnh quái nửa thành thật mền thương. Đúng lúc ấy, từ xa bỗng nghe vang lên văng vẳng một hồi còi xe lửa. Ông lão nhảy nhồm, tỏ vẻ lo lắng, cầm chiếc đèn lồng quơ lia lịa, làm những dấu hiệu rất buồn cười.

Khách hỏi :

— Xe lửa đó à ?

Ông lão chạy vụt trên con đường sắt, hớt hơ hớt hải như một người điên. Chạy được một quãng xa ông lão quay lại, nói to với khách :

— Cậu quả thật may mắn ! Thề là sáng ngày mai cậu sẽ đến nơi. À, mà nơi ấy cậu vừa bảo tên gì ?

— X ! Khách đáp.

Lúc ấy ông lão chìm mắt trong ánh bình minh, nhưng châm lửa đỏ trên chiếc đèn lồng vẫn tiếp tục chạy tung tăng tới trước một cách đại dột như muốn đón cả đoàn xe Tận đàng xa, chiếc đầu máy hung hăng tiến lại rầm-rầm.

JUAN JOSE ARREOLA
NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Chuyện trò • dạ thảo

Nắng ngủ bờ mi, chiều ướp mộng,
Tóc dài gọi nhẹ ý cô-liêu.
Tàn thu gió chờ buồn không nói,
Học-xá đời hồn nhỏ hát-hiu.

Câu chuyện Thiên-đàng đi đến đâu ?
Anh lo nhân-thế vẫn đau sầu.
Này em ! Thơ ghé bờ sông lạ
Cuối bến linh-hồn sẽ gặp nhau.

Anh sáng vàng rung cây đại-lộ.
Biển chiều im-lặng động âm-ba
Anh theo lời dịu xuôi tiền-kiếp
Thấy rõ luân-hồi trên nét da.

Đời xé về đâu ai đã biết,
Con thuyền tư-tưởng nổi lênh-đênh !
Thoáng trong mộng mảnh thời-gian đó,
Thần-tượng trần ai hiện dáng hình

Thôi em tan biến trong hư-ảo
Hòa-điệu linh-thiêng nhập-thể rồi.
Con bướm trời nào nghiêng cánh nhỏ,
Hừng nắng hoàng hôn trên đóa môi ?

Ta đến biểu-cương tình tuyệt-đối,
Cần gì định-nghĩa lại màu xanh !
Xác thịt một lần mang tội-lỗi,
Thực-phẩm chưa cay nuốt đã đành.

Xuôi cánh thời-gian chìm ngõ hẻm,
Ta nhìn thực-tại khoác hư-vô,
Trừ một chút gì ca trọn-vẹn
Khép kín không-gian lúc chuyện-trò.

D. T.

(trong Người tìm tuyệt-đối)



Ghe im buồm rũ tiêu điều
Trưa Quy-Nhơn phảng phất chiều Tiên-Sa
Tay em sờ cát thành to
Gót chân em để dấu bờ biển hoang
Bãi xưa nắng vẫn còn vàng
Hay mùa đông sóng phai làn ai ăn ?
Cúi đầu nghe liễu thì thầm
Trong hoang vắng đã gieo mầm đau thương

Vai nghiêng chiều ngủ phổ phường
Nắng tàn sao bỗng nhớ thương nội thành
Đường em phượng búp còn xanh ?
Ở đây phổ vắng giầy anh nhịp buồn
Góc bàn nhà trọ màn buông
Ánh đèn khuya đỏ nghiêng hồn nhớ em

Áo màu biển gió chiều lên
Nắng gầy gác bãi phai niềm cô liêu
Biết em phổ lạ nữa chiều
Hãy cho anh gửi ít nhiều buồn xa

Quán khuya bọt rượu phổ mờ
Giật mình liếng sùng miền xa chợ buồn
Bóng gầy mẹ, vóc quê hương
Gác tay thao thức gối giường mệnh mỏng

TRẦN QUANG LONG

quy nhơn

tuy hòa

nguyễn-ngu-í

phụ trách

Bách-Khoa

phòng văn giới nhạc sĩ

XI

* VĂN - VI

— Tên thật : Đình-Van-Dạm.

Sinh năm 1928 tại làng Bình-Đặng, quận Cần-Giוע, tỉnh Chợ-Lớn (nay thuộc tỉnh Long-An, Nam-Việt).

Bắt đầu nghiên cứu nhạc lúc lên 7 ; đến 11 tuổi mới có thầy dạy.

Sử dụng : đàn cò, đàn gáo, đàn kìm, đàn tranh, đàn sến, đàn tam, ống tiêu. Rồi đàn Tây-ban cầm (guitare espagnole tức là lục huyền cầm) đàn vĩ cầm (violon).

Dự vào cuộc đại hòa tấu cổ nhạc do hội Nghệ sĩ cá hữu tương tế tổ chức tại rạp Cầu-Quan, năm 1951.

Cộng tác với ban Nhạc cổ truyền tại đài Phát thanh Sài-gòn, do nhạc sĩ lý Hàm đề u khiển (1953).

Lần lượt cộng tác với các đoàn hát : Bửu-Thắng, Tấn-Thành-Ban,... và hiện nay là nhạc trưởng giàn cổ nhạc đoàn « Kim Chung A, tiếng chuông vàng Thủ-đô », và đang cộng tác với hai hãng đĩa « Hồng-Hoa » « Việt-Hải » và mở lớp dạy nhạc và ca tại nhà.

● Nhạc khí Tây phương giàu cung bậc hơn nhạc khí của ta ; và âm thanh của chúng vì đó mà dồi dào hơn của ta. Ta dùng đàn Tây (như Vi cầm, Tây ban cầm) mà diễn tấu bài bản ta, thì ta đem vào thể giới âm thanh của ta một chút gió lạ, một chút hương xa phù hợp với gió với hương mình sẵn có, tưởng cũng là một việc nên làm.

● Một trong những khuyết điểm của nhạc ta, không phải là không có một kí âm pháp khoa học, mà là chưa có một lối kí âm thống nhất

Anh rời chiếc đồng hồ đeo tay.

— Mới một giờ hơn. Hai giờ rưỡi, tôi mới đi tập tuồng. Chúng ta có một giờ rưỡi để chuyện trò. Như thế cũng đủ chớ anh ?

— Nhưng xin anh dùng cơm trưa đã.
Anh cười.

— Người xưa bảo : « Dĩ thực vi tiên », nhưng nay anh cho phép tôi không lấy việc ăn làm đầu, mà lấy việc tiếp khách làm trước. Tôi hẹn 12 giờ rưỡi, mà vì đàn ở đài phát thanh, rồi có việc cần trong nghề phải đi với anh Năm Cơ, tôi bắt anh đợi hơn nửa tiếng đồng hồ, thì anh nỡ nào để cho lỗi tôi nặng thêm bằng cách bắt tôi phải cơm nước xong xuôi mới cùng anh bàn về nhạc. Anh đừng lo tôi đói, tôi đã có cái này.

Rồi anh bước lại vách, sờ soạn tìm cây đàn tranh, đem lại bàn. Âm thanh réo rắt làm không khí oi bức trưa hè bỗng trở nên dễ chịu.

— Tôi đãi anh bài « *Phượng cầu* » đó. Anh nhớ tích...

— ... Từ Mã-Tương Như với Trác-Văn-Quân ? Tích người quả phụ trẻ đẹp,

say bỏ tất cả để theo khách tài hoa vì một tiếng đàn...

Người nhạc sĩ ấy làm tất một tiếng đàn, để cải chính :

— Một bài đàn đúng hơn. Bài « *Phượng cầu Hoàng* »,

Và anh cao hứng, rao vài câu Ai, và ngâm :

Phượng hờ ! Phượng hờ ! Qui cố hương

« Ngao du tứ hải cầu kì Hoàng

« Thời chưa gặp hờ... »

Tôi ngắt anh :

— Nhưng mà anh, anh đã gặp thời rồi chớ ! Nhạc trưởng ở một gánh hát lớn đồn ở đài phát thanh, đồn cho hai hăng đĩa, dạy đàn ca tại nhà..., như thế là thời đã gặp rồi !

— Tôi chẳng biết như thế có phải là gặp thời không, nhưng chắc chắn là tôi ít thì giờ rảnh, nhờ thế mà lắm khi tôi quên sự tàn tật của mình.

Dường như đôi mắt anh nhấp nháy sau hai tròng gương đen.

— Anh có tật lâu rồi ?

— Từ năm tôi lên ba, anh à. Vì độc của bệnh ban trắng.

— Chắc tai nạn này có ảnh hưởng ít nhiều đến nghiệp cầm ca của anh ?

— Ảnh hưởng quyết định. Có lẽ chẳng được thấy màu sắc của đất trời mà tôi đặc biệt chú ý đến âm thanh quanh mình. Lúc nô đùa với trẻ đồng lúa, tôi thường lấy lon sữa bò đánh, vì thích nghe giọng nhỏ to, cao thấp ; rồi cùng lũ bạn quăn lá làm kèn, thổi chơi, nghe ngổ ngỗ, cảm thấy mơ hồ mình được an ủi, vỗ về. Lên năm, tôi được về chơi quê ngoại ở Bãi Xàu, bà con bên ngoại tôi có nhiều người chơi đàn, nên tôi càng thích nhạc. Ông thân tôi vốn là cai kèn trong quân đội Pháp, người biết sở thích tôi, mua cho tôi một cây đàn liú...

— Đàn liú ?

— Đó là tên người ta gọi cây đàn cò nhỏ. Ông thân tôi chỉ nghĩ rằng người cho tôi một người bạn, người có dè dặt người cho tôi một nghề !

— Lúc ấy anh lên mấy ?

— Tôi được bảy tuổi. Có cây đàn trong tay, tôi đàn nhái những điệu tôi tình cờ nghe được. Nhờ trời, tôi có sẵn chút khiếu, nên tôi nhái khá mau, khá đúng. Và gặp ai đàn cây đàn gì là tôi cũng tìm cách vọc cho được, và vọc một lát là tôi đàn tạm tạm. Tuy nhiên nhạc từ khi lên bảy, mà mãi đến năm tôi mười một tuổi, tôi mới chánh thức học đàn, nghĩa là có thầy dạy hẳn hoi.

« Người thầy đầu tiên của tôi là ông Bảy Thừa ở miệt Thủ Thiêm ».

— Anh học đàn chắc khó hơn người thường ?

— Cái lí là thế. Vì tôi chỉ có nghe mà không thấy. Nhưng nhờ sáng dạ, trời lại phú chút khiếu riêng, lại nhờ chăm chỉ, mà tôi lại học mau hơn các bạn sáng mắt. Tôi học một mà biết hai. Có lẽ là một phần lớn nhờ giác quan thứ sáu. Nhờ thế mà sau khi biết chơi đàn cò, tôi học thêm các thứ đàn khác, và tiếp tục biết sử dụng đàn gáo, đàn kìm, đàn tranh, đàn sến, đàn tam ; tôi lại học thổi ống tiêu, ống sáo.

— Thế thì anh chuyên đàn nào ?

— Tôi chuyên đàn Tây - ban - cầm, (guitare espagnole), mà ta cũng gọi là lục-huyền-cầm.

— Sao lạ vậy anh ? Anh lại chuyên chơi một thứ đàn ngoại quốc !

— À, anh ngạc nhiên cũng phải. Tôi xin nói rõ đầu đuôi.

« Số là sau khi biết chơi đàn cổ nhạc, tôi bèn học thử đàn Tây. Bắt đầu học đàn măng cầm (mondoline). Thời ấy, những bài hát Tây như *Riquita*, *Chanson pour Nina*, *C'est à capri*, *Si tu reviens*, *Au revoir scout*, rất được thanh niên nam nữ mến chuộng ; tôi học đàn Tây đầu tiên là vì theo mốt, mà cũng vì tánh hiếu kì. Sau đó, tôi mới có ý học thiệt — vì trước là học chơi — để thử so sánh với nhạc của mình, hầu có thể rút được chút ít gì hay để áp dụng vào nhạc ta, hay ngược lại.

« Tôi tự hỏi : nhạc cổ điển ta đặc biệt ở chỗ rung, nhấn, mổ... nó hay là ở chỗ đó, còn nhạc Tây không có, thế mà nó cũng hay, vậy cái hay của nó ở đâu ra ?

« Tự nhiên cái hay mà tôi nói ở đây là cái hay khi diễn tấu.

« Sau một thời gian học tập, tôi để ý thấy các đồn khảy của Tây phương hay ở chỗ *láy*, tiếng Pháp gọi là « *trémolo* », đồn dương cầm hay ở chỗ ngân dài, đồn vĩ cầm hay ở chỗ rung.

« Chính nhờ để công tìm hiểu, so sánh, mà tôi có ý dùng nhạc khí Tây phương mà đồn bài bản ta ».

— Nhưng có người lại cho rằng : đồn ta mà đồn bản Tây không thể nào hay bằng đồn Tây, cũng như đồn Tây mà đồn bản ta, khó mà hay được như đồn ta. Vì mỗi thứ nhạc khí có mỗi bản chất riêng, có đôi thứ giống nhau, như đồn cò với đồn violon, nhưng không thể thay thế nhau được.

— Ý kiến ấy của anh Nguyễn-Vĩnh-Bảo, tôi cũng được biết. Nhưng khi dùng nhạc khí Tây để diễn bài ta, ta cũng phải có gì chăm chú, chớ đâu phải áp dụng một cách máy móc cách đồn bản Tây vào bản ta. Thì làm sao mà khỏi chướng tai người Việt ta.

— Xin anh nói rõ điểm này.

— Tôi nghĩ mỗi nhạc sĩ hẳn đã tìm cho mình một lối riêng trong việc này. Tỉ như với cây vĩ cầm, khi đồn bản Tây, tôi rung một, mà lúc đồn bản ta, tôi rung đến hai. Có rung gấp đôi thì mới có thể diễn tả tinh thần bản nhạc mình, và người nghe không cảm thấy xa lạ.

« Tôi nghĩ cổ nhạc ta như một khu vườn. Khu vườn này tuy có ít nhiều đặc biệt, mà chưa phong phú mấy. Vậy nếu ta xét có bông nào, cây nào hợp với thủy

thổ, ta đem về trồng trong khu vườn ấy, cho thêm sắc thêm hương, thêm hoa thêm quả, thì cũng là một việc hay, miễn là hoa trái ấy không phải là hoa trái độc.

« Vì vậy mà tôi chuyên sử dụng đồn Tây ban cầm để đồn nhạc cổ điển của ta. Thứ nhạc khí Tây phương này khi vô nước ta đã được biến chế ít nhiều, như sáu dây còn có năm dây, khoảng cách giữa các phím được khoét sâu thêm để dễ bề nhấn.

« Nhạc khí Tây phương giàu cung bậc hơn nhạc khí của ta ; và âm thanh của chúng vì đó mà dồi dào hơn của ta. Ta dùng đồn Tây (như vĩ cầm, Tây ban cầm) mà diễn tấu bài bản ta, thì ta đem vào thế giới âm thanh của ta một chút gió lạ, một chút hương xa phù hợp với gió với hương mình sẵn có, tưởng cũng là việc nên làm.

« Đây, anh nghe thử ».

Rồi anh lại lấy cây đồn Tây ban cầm, dạo qua, nói :

— Hồi này, anh nghe bài « *Phượng cầu* » đồn với cây tranh ; bây giờ, xin mời anh nghe cũng bản ấy đồn với cây Tây ban cầm. Anh xem thử có phải mỗi cây mỗi vẻ không

Được tôi xác nhận điều này, anh hẳn hoan ra mặt, tay vỗ thân đồn một cách triều mến và ồ ồ :

— Nhưng khi hòa với các cây đồn của ta, cây Tây ban cầm biến chế này không thấy lạc loài đâu, anh ạ ! Nó như người khách đã « *nhập gia tùy tục* ».

« Có người không chịu được đồn Tây đồn bản ta, họ nói đó là người ngoại

quốc nói tiếng Việt, nghe nó lơ lơ, « như thể nào ấy ». Tôi cho như thể là quá gât gao, nếu chẳng phải là quá hẹp hòi. Theo tôi, lỗi chẳng phải nơi nhạc khí, mà tại người sử dụng nó, không biết chế biến, chưa tìm được cái « chìa khóa » đó thôi. Vì tôi nghĩ nhân loại có chia ra màu da tiếng nói, phong tục có khác nhau, nhưng bảy mối tình vẫn giống và chung một nguồn rung cảm trước cái hay, cái đẹp. Có khác chẳng là kẻ mau, người chậm, kẻ tế nhị, người thô sơ. Nhạc khí thì như chiếc áo khoác ngoài, trăm hình ngàn sắc, chớ tâm hồn có khác nhau là mấy ».

Anh ngừng nói một chút, rồi lại tiếp :

— Có nhiều bậc đàn anh đã kí âm nhạc Việt ta một cách khoa học như nhạc Tây phương, tôi phục công phu các bậc ấy nhưng tôi không tán thành. Làm thế, chẳng khác nào bắt các cô nữ sinh tha thướt của chúng ta bước rụt rụt như lính lúc diễn binh. Đều đặn, rập ràng đấy, nhưng mà thiếu uyển chuyển duyên dáng biết bao.

« Đờn bài bản của ta theo lối kí âm Tây phương, thì người nhạc sĩ khó mà

đờn cho đúng tinh thần. Nhạc ta có cái gì phóng túng, tưởng nên để cho mỗi nhạc sĩ một chút tự do — tự do trong khuôn khổ — để biểu lộ tài hoa hoặc cá tính của mình. Cái hay của mỗi nhạc sĩ là biết lợi dụng trong mức phải chăng cái chút tự do mà lối kí âm thô sơ của ta cho phép đó. Cũng như thân thể phụ nữ chúng ta, mặc đồ hở hang hay bó chặt như phụ nữ Âu, Mĩ, đều không có lợi.

« Cho nên, theo tôi, một trong những khuyết điểm của cổ nhạc ta, không phải là không có một kí âm pháp khoa học, mà là chưa có một lối kí âm thống nhất ».

Mặt anh bỗng lộ vẻ băn khoăn :

— Không biết mấy ý kiến nhỏ mọn của một người sống mãi trong bóng tối có sai lầm không, anh ?

Tôi để tay lên vai anh :

— Sai lầm, hay không, thật tôi không được biết. Nhưng anh đã chân thành bày tỏ, thế là điều đáng quý rồi.

NGUYỄN-NGU-Í *kể*



* PHẠM - THẾ - MỸ

— Sinh năm 1932 tại Qui-Nhơn (Trung-Việt).

— Chuyên về sáng tác.

— Tác phẩm đã xuất bản : Nhân trâu (1952), Ngõ chiều, Nắng lên xóm Nghèo, Mùa hoa nở, Đường về hai thôn (với Hồ-Đình-Phương), Lúa về đêm trăng, Chiều đến thăm Anh, Nhạc buồn đêm sao, Màu áo hoa sim, Thuyền về bến cũ...

— Phụ trách ban Hàn - Giang, cộng tác với đài Phát-thanh Huế (1961).

— Nhạc cànhr, tiểu ca kịch, nhạc kịch đã trình bày trên đài Phát thanh Huế và trong những nhạc hội miền Trung :



NHẠC CẢNH : Đi tìm Nàng Thơ (1959), Đến trường (1959) . .

TIỂU CA KỊCH : Hoa, Bướm và Thiếu nữ (1960); Nước mắt người yêu (1961).

NHẠC KỊCH : Sắc lụa Trữ-La (1958-1960).

— Hiện làm giáo sư âm nhạc ở các trường Trung học Nguyễn-Công-Trúc, Tây-Hồ, và trường Kỹ Thuật ở Đà-Nẵng.

● Tôi không ngạc nhiên lắm khi thấy quần chúng có thái độ lơ là dần dần với « Tân nhạc », chỉ vì giới chúng ta đã « sản xuất » những tác phẩm một cách cầu thả, thiếu tự trọng để chạy theo thị hiếu thương mại của một vài nhà xuất bản vô lương tâm, thiếu trách nhiệm, chỉ có biết trục lợi là trên hết.

● ... Ít nhất, giới Tân nhạc chúng ta phải lo thu thập một vốn liếng tối thiểu về nhạc lý, trau dồi thêm về cổ nhạc, nuôi dưỡng hồn nhạc dân tộc, để những tác phẩm của mình khỏi bị mất gốc, lai căng...

Học tập

Năm lên 6 tuổi, tôi ra Huế ở với anh tôi — nhà văn Phạm-Văn-Ký — để đi học. Anh tôi thích âm nhạc và chơi vĩ cầm (violon) rất khá. Tôi học nhạc từ đấy. Tám tuổi, tôi chơi thạo măng-cầm (mandoline). 12 tuổi tôi học Tây - ban - cầm (guitare espagnole) — bằng cây « ghi ta » Vọng cổ sửa phím lại (1) với chú tôi và học lý thuyết với sư huynh Yersin ở trường Gagelin ở Qui-Nhơn, 14 tuổi, tôi đã viết nhiều ca khúc nhỏ mặc dầu chưa hề biết luật cân phương (carrure) là gì, đừng nói đến cách dùng những giai kết (cadences). Tôi nghĩ viết sao cũng được miễn là gây xúc cảm cho người nghe là đủ. Được vài anh em bạn khen và một người thân khuyến khích, tôi ra công học hỏi thêm nhạc lý sáng tác (2) với một nhạc sĩ vĩ cầm, bạn thân anh tôi, và nghiền cứu thêm những nhạc phẩm

của các nhạc sĩ nổi tiếng đương thời như : Đặng-Thế-Phong, Nguyễn-Xuân-Khoát, Văn Cao, Phạm-Duy, Lưu-Hữu-Phước, Nguyễn-Mỹ-Ca... để viết những nhạc phẩm vững vàng hơn...

Sáng tác và Xuất bản

Về đây, Đà-Nẵng, mới đầu tôi viết những bản nhạc theo thể dân ca phát triển (3) để kiếm tiền thêm học nhạc. Tôi học hòa âm

(1) Cây đàn Tây ban cầm, các ô phím (case) vốn bằng, vì khi đàn, nhạc công chỉ sử dụng nửa cung và một cung mà thôi, còn cây đàn « ghi ta » Vọng cổ của ca nhạc cải lương có những ô phím khoét sâu để khi đàn, nhạc công có thể nhấn ra nửa cung, một phần tư cung, một phần tám cung.. Vì thế nên tôi phải đem cây « ghi ta » Vọng cổ sửa phím lại cho bằng để học Tây ban cầm mới được.

(2) Nhạc lý đủ để sáng tác một bản nhạc phổ thông.

(3) Mượn danh từ của anh Phạm - Duy, xin xem Bách-Khoa số 152.

với ông Nguyễn-Phụng và bà Nguyễn-Khắc-Cung. Nhưng một vài nhà xuất bản cho loại nhạc này đã lỗi thời, khó bán. Họ nói : « Nhạc « dân ca » chính cống của Phạm-Duy còn bán xôn, hưởng gì nhạc của các anh ! ». Rồi họ bảo : « Nếu muốn được xuất bản, được phổ biến trên đài phát thanh thì phải sáng tác loại mambo, boléro. Ca sĩ chỉ khoái hát loại này và quần chúng cũng chỉ mua loại này mà thôi ! ». Tôi không tin, đi hỏi vài bạn thân thì đó là sự thật — tôi quên nói thêm là phải được vây cánh trên đài, nhạc phẩm của mình mới được trình bày, mà có được trình bày trên đài thì mới được nhà xuất bản mua! Bây giờ nhìn lại những đứa con bất đắc dĩ này, tôi thấy xấu hổ và giận mình. Vì thế tôi không ngạc nhiên lắm — nếu không nói là đau xót — khi thấy quần chúng có thái độ lơ là dần dần với « Tân nhạc », chỉ vì chúng ta đã « sản xuất » những tác phẩm một cách cầu thả, thiếu tự trọng, để chạy theo thị hiếu thương mại của một vài nhà xuất bản vô lương tâm, thiếu trách nhiệm, chỉ có biết trục lợi là trên hết, Tôi không có ý coi rõ hoặc khinh dễ « Tân nhạc », trái lại tôi rất thiết tha với « nó » cũng như quần chúng đã tin tưởng nơi « nó ». Tôi cũng muốn được nói ở đây tất cả những khuyết điểm, những thắc mắc của tôi vì bộ môn này — vì hiện tại chỉ có « Tân nhạc » là được phổ biến sâu rộng trong quần chúng — may ra tìm cho « nó » một lối thoát để khỏi phụ lòng tin tưởng của quần chúng đối với chúng ta — những nhạc sĩ « Tân nhạc ».

Trước hết, tôi xin nêu ra đây một vài khuyết điểm chính mà tôi đã vấp phải một cách cố ý trong những nhạc phẩm đã xuất

bản — cũng là khuyết điểm chung đối với nhạc sĩ tôi được quen biết mà tôi không tiện nêu tên ra đây :

— Trong bài « Bến duyên lành » — đã xuất bản ra thu thanh vào đĩa — có 2 khuyết điểm chính không thể tha thứ được :

a) Tôi đã dùng nhịp điệu « mambo » để diễn tả nhịp mái chèo bơi và nói lên nếp sống của đôi vợ chồng chèo đò nơi quê nghèo ! Thực ra tôi cũng không ngu đến mức đó, nhưng nhà xuất bản muốn thế tôi phải nghe theo. (Vì tôi quá cần tiền để trả tiền cơm tháng).

b) Tôi chưa hề biết sông Đồng-Nai ra sao, thế mà tôi dám viết : « *mai về ngược sông Đồng-Nai* »... Tôi còn nhớ rõ tôi đã ngồi bên sông Sài Gòn và đã nhìn chiếc chiến hạm của Mĩ để viết đoạn này !..

Và trong những bản nhạc của tôi đã được xuất bản, đã được yêu cầu nhiều lần trên đài phát thanh Sài Gòn và Huế :

a) Lời ca xây dựng yêu đời — để được đài cho phổ biến — nhưng nét nhạc thì ủy mị, sầu khổ... (« *Lúa về đêm trăng* » « *âm cung mi thứ* »).

b) Lời ca của đoạn đầu và đoạn kết nói lên những tình cảm yêu đương của cá nhân, nhưng đến đoạn giữa tôi lại cố ý nhét vào một cách gò ép hình ảnh gian khổ hoặc hiên ngang của người lính chiến để che đậy những tình cảm lãng mạn trong toàn bài (« *Tình mùa hoa nở* »).

c) Nét nhạc gò ép theo tiết điệu — nên khi đặt lời ca tôi đã bị lệ thuộc vào nét nhạc, gieo vần một cách gò bó, nên khi hát lên nghe như hô vè :

... đôi bướm vàng	nhỏn như	như quyền luyến	(Năng lên xóm nghèo)
và cô gái làng	ngẩn ngơ	mơ tình duyên...	

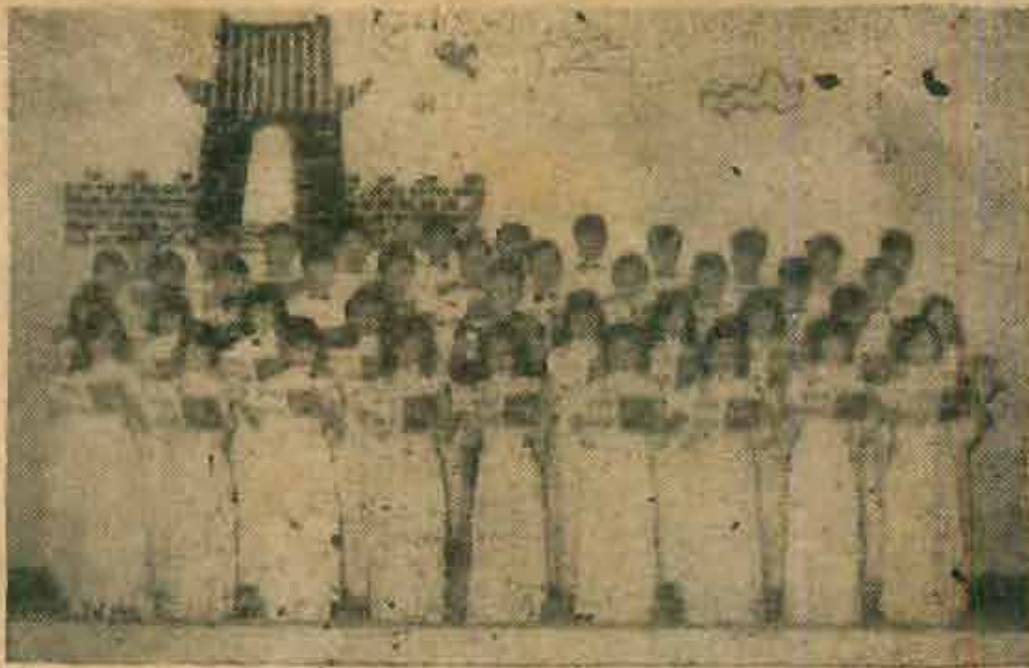
Trái lại, những tác phẩm của một vài nhạc sĩ biết tự trọng, có căn bản, học tập vững vàng đã được phổ biến rộng rãi và mãi mãi in sâu vào lòng người. Trong số đó có anh Phạm-Duy, và một số tác phẩm của anh có nhiều bài hát mãi không chán, càng hát càng hay, càng thấy tha thiết hơn tình quê hương đất nước. Có sự thành công rực rỡ đó là nhờ anh đã sống thật, sống mạnh « trong giai đoạn gay go nhất của lịch sử », cộng thêm vào đó là thiên tài của anh. Chúng ta không phải là thiên tài — dù theo định nghĩa thiên tài chỉ là một sự kiên nhẫn trường kì, những tác phẩm của chúng ta lại đầu thai không nhằm lúc, bị ảnh hưởng nhạc Âu Mỹ một cách tội nghiệp do những đĩa hát ở các « ba », các rạp chớp bóng tung ra hằng ngày — thì ít nhất chúng ta phải lo thu thập một vốn liếng tối thiểu về nhạc lí trau dồi thêm về cổ nhạc, nuôi dưỡng hồn nhạc dân tộc để những tác phẩm của mình khỏi bị mất gốc, lai căng, học hỏi thêm ở sách vở, bạn bè (nếu không được đến trường) ở các tác phẩm của các nhạc sĩ ngoại quốc, có thể may ra những tác phẩm của chúng ta mới khỏi bị quần chúng đào thải một cách vội vàng, khinh dễ, hay ít nhất để khỏi mang tiếng là thất học, là kẻ chuyên bán rẻ nghệ thuật để sinh sống !

Trình diễn

Trong rừng nhạc lãng mạn, ủy mị, giục gân... treo nhan nhản ở các tiệm sách, tôi tìm không ra một bản để các em học sinh có thể trình bày hợp ca hay hợp xướng. Nếu có thì cũng là những tác

phẩm cũ của các anh Phạm-Đình-Chương, Phạm-Duy, Lê-Thương... Ngay cả những bản đơn ca cũng khó tìm. Tôi đã thấy một em bé lớp tư của một trường công tiểu học ở đây lên Thông tin trình bày bản « Kiếp nghèo » của L.P. — trong buổi phát thanh « Tiếng nói học sinh » — với một lối diễn xuất như người lớn : tay để lên quả tim, nét mặt đau khổ — khi hát đến câu : « Đôi khi muốn nói yêu, ai, nhưng lòng ngại ngùng » Cũng như ban hợp ca trung học đã trình bày một cách gương gạo, đáng thương, bài « Bức họa đồng quê » của V.P. trong buổi lễ phát thưởng cuối năm. Những tiếng « cha cha cha » xen lẫn với những câu : trời xanh xanh bao la, mây trắng trắng xóa... Sau đó lại có cả điệu hò lơ « hò lơ hò lơ... nữa ! Thật là hổ lốn như một li chè đặc biệt !

Tôi ước mong sao nhạc sĩ chúng ta hãy nghĩ đến tương lai của các em, ra công sáng tác viết những nhạc phẩm hợp với tuổi trẻ, với tâm hồn trong trắng yêu đời của các em để khỏi có những sự lố bịch đáng trách như trên. Tôi cũng mong sao chúng ta ra công viết những bản hợp ca, hợp xướng có giá trị — như 3 bài : « Hồn vọng phu » của Lê-Thương, « Hội trùng dương » của Phạm-Đình-Chương, « Con đường cái quan » của Phạm Duy... — để các ban văn nghệ học sinh trên toàn quốc có đủ nhạc phẩm để trình diễn trong những buổi phát thanh công cộng hay trong những buổi trình diễn văn nghệ ở học đường...



Ban hợp xướng Tuổi Xanh, dưới sự điều khiển của nhạc sĩ Phạm-Thế-Mỹ (trình bày trường ca « Con đường cái quan » của Phạm-Duy)

... Trong khi tập hát cho các em, có một khuyết điểm — không hiểu có phải là khuyết điểm không — mà các nhạc sĩ miền Nam và miền Trung thường vấp phải rong khi đặt lời ca cho các ca khúc

— Trong bài « Tình anh lính chiến » của L.P. : « xuyên lá cành trăng lên lều vải.. » chữ *vải* (dấu hỏi) viết dưới nốt Fa, # khi hát lên sẽ thành chữ *vái* (dấu sắc).

— Trong bài « Chiều mưa biên giới » của N.V.Đ. : « vàng trăng xê đôi.. » chữ *xê* (dấu hỏi) viết dưới nốt Rê cao khi hát lên sẽ thành chữ *xé* (dấu sắc).

— Trong bài « Nắng lên xóm nghèo » của tôi : « em ước mơ những gì ?... » chữ *những* (dấu ngã) viết dưới nốt LA thấp, khi hát lên sẽ thành chữ *nhường* (dấu huyền)

Trái lại những nhạc sĩ miền Bắc nhờ phát âm đúng giọng khi nói nên khi viết lời ca họ không gặp trở ngại trên.

Ví dụ : trong bài « Nương chiều » của Phạm-Duy.

... « Chiều ơi lúc chiều về rợp *những* nương khoai, trâu bò về rợp *mơ* xa xôi *ơi* chiều...

... ưn Chiều ơi áo chàm về *quây* lúa trên *va*.
hình về .. »

(Theo ý chúng tôi nên thống nhất lối phát âm bằng cách theo lối phát âm miền Bắc để khi hát lên lời ca nghe được rõ ràng, dễ hát, dễ nghe...)

Giáo dục âm nhạc

Dân tộc ta chuyên sống về nông nghiệp nên phần đông đều nghèo khổ, không thiết tha mấy đến vấn đề trau dồi nghệ thuật. Ngay cả học sinh đến trường cũng chỉ lo học những môn chính để đi thi. Chúng ta cũng không trách được các em vì chúng ta thiếu phương tiện như máy hát, máy ghi âm, tranh ảnh, sách vở về nhạc sử...—riêng tôi đi dạy hơn 4 năm rồi mới sắm được một máy ghi âm, vài bài bản cổ điển Việt-Nam và một ít nhạc cổ điển Tây phương (theo chương trình nhạc sử) — thì làm sao thu hút các em say mê học nhạc được. Một điểm khác : nếu học sinh thích học nhạc thì mỗi tuần một giờ lại quá ít đối với chương trình nặng nề mà bộ Quốc gia Giáo dục đã đề ra (3). Đã thế những người có trách nhiệm lại quá khinh thường môn nhạc trong các kỳ thi T.H.Đ.N.C. (Tôi

đi chấm thi mấy lần và đã chứng kiến những cảnh giáo sư Toán hay Văn vật hồi Nhạc). Thật là học một đằng thi một nẻo !

Riêng hai trường Quốc gia Âm nhạc ở Sài Gòn và ở Huế thì chỉ chuyên đào tạo một số nhạc sĩ chuyên nghiệp cho mai sau : còn đối với quần chúng bây giờ thì chưa có ảnh hưởng mấy ! Do đó sự hiểu biết về

nhạc lí cũng như trình độ thẩm âm của quần chúng còn thấp kém.

Vì thế nhạc cổ điển Tây phương — theo tôi — hiện nay bầy còn là một món ăn quá sang, quá xa lạ đối với dân tộc chúng ta.

Nhạc Việt mai sau

Cách đây mấy năm, trong bài giới thiệu những nhạc phẩm của tôi, một bạn ở báo « Lẽ sống » đã ghi rõ ước vọng của ôi : « Sân khấu nhạc Việt trong tương lai phải đi đến chỗ trình diễn những vở đại nhạc kịch ».

Nếu chúng ta cùng đồng ý trên quan niệm : ca nhạc cải lương không còn giữ được truyền thống của nền nhạc cổ điển mà

(3) Soạn theo gần đúng chương trình âm nhạc bậc Trung học của Pháp : « Cours complet d'éducation musicale et de chant choral en quatre livres ».

(4) Không nặng nề như đại nhạc kịch (opéra) của Tây phương, đại nhạc kịch Việt-Nam sẽ được đơn giản bớt phần phụ đệm của giàn nhạc đại hợp tấu (orchestre symphonique) để phù hợp với trình độ thường thức của quần chúng Việt-Nam.

NHỮNG CÂU HỎI ĐỀ GỢI Ý

1) Bạn chuyên về nhạc gì ? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách ? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó.

2) Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào. Và tập luyện ra sao ? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc...)

3) Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt ?

4) Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì ? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất.

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì ? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì ?

6) Ý kiến về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.

chỉ là một sự chấp nối cầu thả, gượng gạo giữa nền nhạc cổ truyền và nền nhạc ngoại lai — những bản nhạc cổ điển Việt-Nam xen lẫn với những bản « cha cha cha » « mambo » « twist »... — thì sau hát bộ, chúng ta phải tiến đến sáng tác và trình diễn những vở đại nhạc kịch để kế tiếp — nếu không nói là thay thế — những vở tuồng cải lương sau này...

Để đi đến chỗ tập cho quần chúng thưởng thức và ưa chuộng được những vở đại nhạc kịch, chúng ta phải dắt quần chúng đi từng bước qua nhiều giai-đoạn khác nhau. Trước hết, chúng ta tập cho quần chúng nghe quen tai — họ thích cải lương vì tai họ nghe rành 6 câu . . . — những bản hợp ca, hợp xướng . . . rồi đến tiểu ca kịch (opérette) (loại này anh Lê-Thương đã thử thách nhiều nhưng chưa có tiếng vang mấy) sau cùng mới đến đại nhạc-kịch (opéra). Có thể, quần chúng mới khỏi bỡ ngỡ và sẽ làm quen dần với lối trình-diễn quá phức tạp và quá mới mẻ này.

Tôi rất phấn khởi khi thấy giàn nhạc đại hợp tấu (orchestre symphonique) Sài-Gòn đã thành hình, vì sau này chính nó sẽ góp một phần lớn trong việc phổ-biến và trình diễn những vở đại nhạc-kịch Việt-Nam.

Ước vọng

Đã là ước mơ thì mơ mấy cho vừa !

Tôi chỉ xin ước hai điều :

1. — Mong sao có những buổi trình-diễn : độc tấu về các nhạc-khí, những buổi hòa nhạc, những ban hợp ca hoặc những vũ bộ . . . do các nghệ-sĩ danh tài của các nước bạn đến trình-diễn tại Sài-Gòn, Huế và những đô thị khá lớn, như . . . Đà Nẵng để quần chúng có dịp thưởng thức những tinh hoa nghệ thuật của nước người (nhưng muốn được các nghệ sĩ ấy chiếu cố đến các đô thị của ta, như Đà-Nẵng chẳng hạn thì trước hết phải có một hi viện — đúng nghĩa của nó — được xây cất ngay tại đây. Hiện giờ ở đây chỉ có « khu giải trí » — nhà lao thời Pháp thuộc được phá đi để làm rạp hát — là nơi độc nhất để các đoàn ca nhạc thay phiên nhau đến trình diễn).

2. — Mỗi cuộc thi sáng tác âm nhạc có tính cách quốc tế (như bên ngành Họa chẳng hạn) để khuyến khích và nâng đỡ các nhạc sĩ ra công sáng tác những tác phẩm có giá trị nghệ thuật lâu dài (những tác phẩm xứng giải sẽ được đem ra trình diễn trước công chúng và sẽ được Văn hóa vụ xuất bản).

Đó chỉ là một điều ước !

Sự mong ước đó có được toại nguyện hay không, lại là một chuyện khác !

PHẠM-THẾ-MỸ

- Không gì buồn hơn cuộc đời của những người đàn bà chỉ biết làm mình đẹp mà thôi, vì không có gì ngăn ngui bằng cái thời của sắc đẹp : chỉ là ít năm cách biệt giữa một người đàn bà đẹp và một người đàn bà không còn đẹp nữa.

Fontenelle

Yêu

Nhớ

Nhịp buồn

Khi em về giữa vòng tay
Trong yêu dòng nước mắt này lại khô
Vết hôn ngày cũ chưa mờ
Phút giây đắm đắm bao giờ nữa em?

Không ai về thăm chiều nay
Cho tôi chết giữa vòng tay một người
Tiếng hôn khép kín môi cười
Gội chần mùa lạnh rã rời thú xưa.

Cúi đầu đếm bước bơ vơ
Hoàng hôn khép kín bao giờ đây em?
Nhìn lên thành phố không đèn
Âm u còn lại màn đêm cuối cùng
Mắt sâu dòng lệ ngập ngừng
Mình xa nhau đã muốn trùng thời gian

mùa hè 1963

N. T. H.



THU CA

I
năm đây nghe gió gọi hồn
nghe thu đổ lá bên cồn tịch liêu
bãi xa gió lảng tiều điều
dòng sông xanh đựng bóng chiều mênh mông
bước chân nghe động lá trần
mở hồn nghe cũng một lần hoang vu
ở đây có lá vàng thu
có mây tháng tám âm u nẻo trời

II

cánh xuân đổ lá lầu rồi
áo xiêm thì cũng một lời có sao
trong từ đôi mắt thuở nào
nghe hồn thì cũng rạo rạo nhớ thương

trắng đôi tay lạc cuối đường
bóng thu xa những phố phường lãng quên
mở hồn cho mộng đi lên
cho mình trở lại tìm tên một người

III

rồi em trời đã vào thu
nắng đây có thấp sương mù ấy không
vàng phôi bãi nhớ mênh mông
lặng im từ bữa thấy lòng tịch liêu
mắt em đựng cả bóng chiều
gió ru ngô vắng đầu hiu mái hồn
ngồi đây giữa bóng hoàng hôn
nghe thu đổ lá thương con phố dài

TINH-HUYỀN

SINH HOẠT

Trên đây là đề tài cuộc nói chuyện của giáo-sư Nguyễn-Đặng-Thực, chủ tịch hội Việt-Nam Nghiên-cứu Liên-lạc Văn-hóa Á-Châu, do hội này tổ chức sáng chủ nhật 4 - 8 - 1963 tại trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghe Sài-Gòn.

Thính-giả rất đông đảo, một số lớn phải đứng ở sau và hai bên dãy ghế của thính - đường. Phần đông người đến nghe là sinh-viên nam, nữ.

*
* *

Mở đầu, diễn giả giới thiệu phớt qua vùng châu thổ sông Hồng, tác là miền Bắc-Việt, địa lí cùng khí-hậu. Rồi ông cho biết « gần đây, các nhà khảo cổ học khai quật tại Bắc-Việt, phía Bắc Trung-Việt ở tỉnh Thanh-Hóa, một di tích cổ sử của một nền văn minh có trước khi Bắc-Việt bị người Tàu đô hộ. Ấy là văn-minh Đông-Sơn và Lạch-Trường mà đặc trưng là trống đồng và mộ cổ...

BÁCH KHOA CLXI

Hai nguồn gốc tư tưởng Việt-Nam

NGUYỄN NGU-I kể



Nguyễn-Đặng-Thực

Tiếp đến, ông tuần tự nghiên-cứu ý-nghĩa văn-hóa của hai thứ nói trên.

Trống đồng là những tài liệu gửi cho xã-hội học và nhân chủng học cũng

như cho văn-hóa học và tiền sử học của dân-tộc Việt. Chiếc trống đồng đầu tiên được tìm thấy ở chùa Đội-Sơn, làng Ngọc-Lũ, tỉnh Hà-Nam, còn chiếc thứ hai thì đào được ở làng Hoàng-Hạ, tỉnh Hà-Đông, giáp giới với tỉnh Hà-Nam, cách mặt đất 1 m 50. Hai chiếc trống này là hai chiếc trống toàn vẹn nhất.

Các nhà khảo cổ học đã xếp trống đồng vào bốn loại, căn cứ ở cách vẽ chạm trổ trên mặt trống. Loại thứ nhất được chế tạo khoảng trước kỉ nguyên Tây-lịch.

Sách Tàu từng chép xưa kia dân ở miền đồng bằng Bắc-Việt và phía bắc Trung-Việt có chế tạo và sử dụng những trống đồng mà hình dáng kẻ trong sách giống các trống ta thấy ngày nay. Vì thế, rất có thể quần áo, nhà cửa, thuyền bè, khí giới, đồ vật khắc trên trống là của người Việt ta thuở xa xưa. Lại nữa cảnh trí, ở nhiều điểm giống cảnh sinh-hoạt hiện-thời của những dân tộc Nam-Dương, cho nên các hình vẽ ấy giúp nhiều cho sự khảo cứu về nguồn gốc dân-tộc Việt.

Ta hãy nghe diễn giả tả :

« Trống đồng đề ở Hà-Nội mang trên mặt hình vẽ sáu chiếc thuyền, ở giữa có những con chim lớn đậu. Các thuyền đều cùng một kiểu. Vò thuyền khum khum vòng vòng nửa vành trăng. Ở giữa nhô lên một cái ụ có trang-trí, có lẽ là cột buồm. Giữa cái ụ với đuôi thuyền, có một kiềm trúc mái phẳng, ở trong có một cái trống. Những trang-trí ở mũi thuyền và đuôi

thuyền gợi lên hình ảnh cái đầu và đuôi chim. Thuyền-thủ của thuyền là một sò những chiến sĩ mang dáo, cầm tên hay rìu, và hai người trong sò có một người đánh trống treo ở cột buồm một người cầm mái chèo. Một chiến sĩ đứng trên mũi thuyền sẵn sàng bắn tên. Các đồng ngũ cũng có vẻ nhộn-nhip. Toàn bộ cho ta cảm tưởng một cuộc dàn trận theo nhịp trống, và người cầm lái đang đẩy mạnh khiến mái chèo uốn cong trong tay.

« Nhìn kĩ đến cách trang sức của các nhân-vật thì tất cả, trừ người bắn cung, đều mặc áo lông chim hay khoác cánh chim giương lên không trung như là những cái mào kì quặc.

« Sự trá hình như thế chưa hết. Các đồ vật khí-giới, dụng-cụ trên thuyền cũng đều đội lốt đến nỗi cái thuyền không còn hình dáng thông thường của một chiếc thuyền nữa. Nhưng đây không phải là một sự hóa trang tầm thường, chắc hẳn là một sự biến cải tế nhị mà mục đích là để minh chứng cái đồng nhất tính của một bộ lạc chiến sĩ với một con chim vật tổ (totem). Theo sách Đường thư do ông Hirth đã trích dẫn có ghi trong các bộ lạc xứ Bắc-Việt bây giờ dân Leao có cái đầu bay hay đầu chim mà lễ nghi thi hành theo điệu trống đồng.

« Mặt chim hình ra bằng các vành khuyên có chằm ở giữa, ngoài ý nghĩa riêng còn là để tài nhắc đi nhắc lại khắp các nơi khác ở đằng trước thuyền, ở chỗ mà người ta

thường thấy đôi mắt của ghe tam bản, ở trên mái chèo, bánh lái, trên tất cả trang trí và ở mũi tên nứa. Trên mặt trống cũng thấy những hình vẽ này, vành khuyên, lông cánh chim khiến người ta có cảm tưởng cái trống có đức tính siêu hình của các hình vẽ nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Trên tay trống cũng thấy hình vẽ nửa người nửa chim. Chắc hẳn tất cả những hình vẽ này có quan hệ với tín ngưỡng thần bí và nghi lễ gì đây về ma thuật của một đoàn thể cổ xưa.

Diễn giả thấy cần so sánh các hình vẽ trên trống đồng Đông-Sơn với tục lệ dân Dayak để hiểu ý nghĩa thần bí của chúng. Dân Dayak ở trên đảo Bornéo, bà con gần với dân miền thượng du Đông Dương, họ rất ưa nghệ thuật, có một đề tài họ dùng giống ý với những hình thuyền trên trống đồng Đông Sơn để ở viện bảo tàng Hà-Nội, ấy là hình «thuyền vàng» đã chở tiền nhân họ đến đảo Bornéo. Sau khi thôi không đi biển nữa, cái «thuyền vàng» biến thành thuyền «bát nhã» để chỉ linh hồn người quá cố sang hòn đảo cực lạc ở giữa Vân-Hồ.

Theo diễn giả thì ý nghĩa ma thuật của cách bài trí này không còn nghi ngờ gì nữa, vì là những hình thường thấy vẽ trên mộ và cửa nhà táng của dân Dayak. Như vậy, ý nghĩa các cảnh trí chạm vẽ trên mặt trống đồng có thể hiểu được nếu so sánh với lễ Tiwah là lễ tang ma chôn cất

người chết khỏi bị trở ngại vì tục lụy và đưa đến sống an vui với cực lạc, siêu sinh tịnh độ. Lễ này kéo dài suốt bảy hôm, và sửa soạn đến cả tháng.

Và cảnh chúng ta mục kích trên mặt trống đồng Đông-Sơn là một cảnh đám lễ ma chay giống y với lễ Tiwah, biểu diễn để tài duy nhất quan hệ với người chết và tín ngưỡng linh hồn bất diệt.

Cả đồ đồng khai quật ở Đông-Sơn cũng quan hệ với đồ đồng tìm được ở Nam-Dương.

Diễn giả trích lời các nhà khảo cổ Louis Finot, Olov Jansé để cho ta thấy xưa kia có nhóm dân tộc cổ sơ ở trên châu thổ Bắc-Việt, tiền nhân của dân cư miền núi bây giờ. Nhà cửa họ là những nhà tranh làm theo kiểu nhà sàn cao cẳng, cất trên bờ sông. Họ làm nghề đánh cá, săn bắn và nghề trồng trọt còn thô sơ. Rồi họ bị làn sóng di cư từ Tây-Bắc lục địa châu Á tràn xuống bờ biển và các hải đảo Đông-Nam-Á khiến họ rời bỏ vùng châu thổ sông Hồng. Họ thuộc về hệ thống chủng tộc Indonésien — Malainésien — Polynésien rải rác khắp Thái-Bình-Dương.

Diễn giả xét đến tài liệu sử-kí văn học và thần thoại có liên quan đến trống đồng để hiểu thêm về phong tục, tập quán của nhân dân thời Đông-Sơn của nền văn minh trống đồng, và đưa ra cái ngụ ý triết học đầu tiên của dân tộc từ khởi diễn của bộ lạc Đông-

Sơn đền quá trình chuyển biến của dân tộc trưởng thành.

Lúc đầu, ở thời bộ lạc, trồng đồng cho ta thấy ý thức vật tổ thần bí (chim Hồng-Lạc hay Lạc-Hồng : Bucéros hay Argus), tượng trưng cho uy lực người thủ lĩnh, từ trường một bộ lạc rồi trồng đồng tiền đền làm dụng cụ khuôn cuộc sinh hoạt đoàn thể theo nhịp của mình : trồng kêu gọi nhân dân, điều động ba quân, thu quân, cấm canh, thu không..., trồng quân lại là dụng-cụ của việc cúng tế, múa hát hoan lạc, mời thần, cầu đảo, lễ uồng máu ăn thề của quần thần, để rồi trở nên một vị thần linh đại diện cho hồn nước.

« Vậy trồng đồng quả là tượng-trưng cho tinh-thần dân-tộc Việt, cái ý chí độc-lập và tự cường qua thời-gian và không-gian vậy ».

Trồng đồng Đông Sơn biểu hiệu cho một nền văn-minh cổ và là một trong hai nguồn gốc khởi thủy tư-tưởng của dân-tộc Việt. Nguồn gốc tư-tưởng thứ hai do các nhà khảo cổ tìm ra, là nền văn-minh Lạc-Trường, mà đặc trưng là *cổ mộ* phỏng theo hình dung các động thiên tạo.

* *

Theo giáo-sư Olov Jansé đã viết về văn-minh Lạc-Trường, thì khoảng ba thế kỉ đầu trước và sau Thiên Chúa, xuất-hiện thứ kĩ-nghệ, gọi là kĩ-nghệ Lạc-Trường ở Bắc-Việt, một phần Trung-Việt và một vài vùng khác chưa được xác-định rõ rệt ở miền Tây-

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Mộng Tình**, truyện dài của Thanh - Thủy do nhà Thanh-Thủy xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 294 trang, hình bìa của Lê-Trung, giá 59 đ.

— **Chuyện chàng Hứa-Mộng**, chuyện nhi - đồng của Thinh-Quang. Sách dày 20 trang, không để giá bán.

— **Luận luân-lý và phổ-thông** của Phạm - Thế - Ngũ do Quốc-Học Tùng-thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 270 trang, có 360 đề nghị luận với bài giải dùm cho các lớp bậc Trung-học, các kỳ thi Đệ nhất cấp và tú tài v.v... giá 65 đ.

— **Con đường xây dựng mới**: số 3 tháng 7/63 của nhóm « 7 ngành nghệ thuật » ; tập san in ronéo tại Ba-Lê, do cô Hồ-Xích-Vệ làm chủ nhiệm và một nhóm sinh viên chủ trương. Báo phát hành vào các tháng lẻ, giá bán một số F 2.

— **Chánh-sách chiêu-hồi** do Phan Ủy-Ban Chiêu-hồi ấn hành và Bộ Công Dân Vụ gửi tặng. Tài liệu dày trên 140 trang, gồm các phần : Lý thuyết căn bản, hệ thống tổ chức, và kỹ thuật vận động Chiêu hồi.

— **Tiếng hát học trò**, truyện dài của Văn-Quang, do Phù-Sa xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 174 trang, giá 36 đ.

Nam Trung-quốc. Văn-minh này phần lớn thuộc giống người gốc Thái. Khoảng 1934 - 1939, ông được ông giám-đốc trường Bác-cổ Viên-Đông giao phó công việc tìm cổ mộ trong tỉnh Bắc-Ninh, cách Hà-Nội về phía đông độ vài chục cây sô. Ta hãy nghe ông này thuật :

« Trước tiên, chúng tôi đã phát lộ ra gần chợ Lim một kiến-trúc lớn gồm có hơn năm phòng, mỗi phòng giống như một tụy đạo (đường hầm). Có những kiến-trúc khác giống như thê được phát lộ trong vùng đó. Chúng tôi cũng tìm thấy những mộ phần chỉ gồm có một phòng, thường chia làm ba ngăn bởi những lớp vách vòng cung. Vật liệu đã được dùng và cơ-cấu của những kiến-trúc đó trông qua có vẻ bí ẩn, và chứng tỏ những sáng kiến mới mẻ hẳn lên đến nỗi làm cho ta phải ngạc nhiên trong cách kiến trúc mộ phần...

« Những mộ phần đầu tiên chúng tôi quan sát ở Bắc-Ninh thì được xây cất trong những đồi núi thiên nhiên và cho ta cảm tưởng những hang động nhân tạo. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên, vì thực ra chẳng hạn ở Tứ Xuyên, (miền Nam Trung-Hoa), đã thấy cộ những mộ phần đào cất trong sườn núi. Những mộ phần hang động ấy có vào khoảng thời đại nhà Hán. Người ta lại phải nhận định rằng cái ý niệm hang động siêu nhiên có một vai trò trọng yếu trong tín ngưỡng đạo giáo. Theo tín ngưỡng này thì trong lòng một quả

núi lớn trong có những hang động mà cái vòm tượng trưng vòm trời, lòng đáy phù hợp với đất. Cửa vào những hang động ấy là biên giới giữa thế giới vật chất và thế giới siêu hình ».

Tín ngưỡng Thiên-động (Grotte-Ciel) này đối với dân Việt ta ra sao, diễn giả lần lượt trình bày :

Người Việt ta coi Động-Trời hay Hang-dộng như là cung điện của Thần Tiên bất tử, đây là một tín ngưỡng hết sức phổ thông, từ lớp bình dân cho đến hàng trí thức. Nào động Thâm-Lệ ở Yên.Bái, hằng năm thanh nam thanh nữ tụ tập hát giao duyên mỗi dịp đầu xuân, phát động cho nguồn sinh lực của Tạo vật ; nào động Hương-Tích ở Hà-Đông được tôn là « Nam thiên đệ nhất động », trẻ già lớn bé hằng năm đến hành hương tỏ lòng sùng bái.

Thần tiên trong con mắt nhân dân Việt là tượng trưng cho đời sống vĩnh cửu. Và dân Việt ta (cũng như tất cả dân châu Á thuộc mô thức văn hóa thảo mộc), tin vào sự sông bất tuyệt mà thành ngữ « Sông gửi Thác về » đã tỏ bày, cũng như các câu tục ngữ, thi ca :

— Sông mỗi người một nhà,

Già mỗi người một mồ.

— Sông về mỏ về mỏ,

Chẳng ai sông về cả bát cơm.

— Chết là thê xác, còn là tinh anh
(Nguyễn Du)

Dân Việt ta đã tìm nổi hiện thực với siêu nhiên qua hay động núi non, và Đông-phương chúng ta cho thiên-nhiên là nhịp cầu bắt qua hai thế-giới hữu hình với vô hình. Vì lẽ ấy mà hang động chẳng những được nhân dân sùng bái mà còn là nguồn cảm-hứng thanh thoát cho văn nghệ sĩ.

Diễn hình nhất là hai truyện thần thoại kể lại cuộc tình duyên giữa Từ-Thức và Giáng - Tiên, giữa kẻ cùng đinh Chữ-Đổng-Từ với nàng công chúa Tiên-Dung, đều có liên-quan đến niềm tin ngưỡng Động-Trời.

Những áng thơ đặc sắc như « Mai-Đình mộng kí » như « Bích Câu kì ngộ » đều do Hang-Động gợi hứng để đáp ứng nhu cầu siêu hình của dân-tộc.

Và ở nước Việt ta, giới sĩ phu trí thức, một khi đã tròn bổn phận với nước, với nhà thường tìm vào Hang-Động để cảm thông với Tào-hóa, để tu tâm dưỡng tánh, để tìm cảm hứng cho nghệ-thuật, mà giới bình dân cũng đến các Hang-Động để hành-hương hầu thỏa mãn khát vọng siêu hình.

* *

Tròng đồng Đông-Sơn và mộ cổ Bắc-Ninh là những thực hiện lịch sử thuộc thời kì trước khi nước Việt ta biến thành quận huyện Trung-Hoa.

Hai thực kiện này biểu lộ hai khuynh hướng tư-tưởng chính yếu của dân-tộc :

Khuynh hướng hiện thực duy lí.

Khuynh hướng siêu nhiên thần bí.

Và diễn-giả kết thúc buổi nói chuyện bằng những lời sau đây :

« Dòng tư tưởng do tròng đồng đại-diện tinh thần luân lí quốc gia dân tộc với dòng tư tưởng do mộ cổ, thiên động, đại diện tinh thần sùng bái thần tiên, cả hai ở Việt-Nam đã tiền triển đồng đều ở giới bình dân cũng như ở giới trí thức để cùng chảy vào một vũ trụ quan « **Vạn vận nhất thể** », là cơ sở chung cho ba hệ thống tư tưởng chính yếu Á-Đông sớm du nhập vào Giao-Châu để kết tinh ra tinh thần Tam giáo thời nhà Lý, khi dân tộc bắt đầu giành lại chủ quyền của một quốc gia dân tộc độc lập và tự cường, tự ý thức mình là một thực tại ».

NGUYỄN-NGU-Í kể

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách.Khoa vừa nhận được :

Khi bước vào khoảng tối (Hồ-Hồng-Huân) — Hốt hoảng (Phạm-Huỳnh) — Thao thức ; Trở về (Phong-Linh) — Lối rẽ mùa thu ; Lăn về thăm ngoại (Trần-Nguyên-Phương) — Niềm đau thể kỷ ; Thân phận... (Thị-Đặng Diễm-Ái) — Cái nhìn tuổi trẻ ; Tia nắng không tắt (Phan-Nghĩa) — Cuộc sống của người con trai... (Hồng-Lạc-Chương) — Nửa đêm (Hoàng-Điệp) — Bài chứng tích tình yêu ; Sau vùng ý nghĩ hôm nay (W.S. Khắc-Minh) — Con tin diễm lành ; Con chim (Thăng-Bình) — Bài Linh bài nương (Tùng-Sinh) — Tự thú ; Ra đi (Hoa-Phương) — Gió thoảng qua sông (Y-Sa Mặc Cẩm Phô) — Mưa đêm (Mặc-Vân) — Căn nhà ; Gót chân hồng (Ngô-Phan-Lưu) — Thuở làm thơ yêu em (Trần-Hoan) — Chia ly (Thành-Nam) — Thu và lòng tôi... (Nguyễn-Thanh-Đẳng) — Cao-Bà-Quát... (Mỹ-Lương).